

ĐÍNH KÈM THEO HỒ SƠ MỜI THẦU
Gói thầu: Gói 03: Hóa chất, vật tư xét nghiệm 2026-2027
Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu:

STT	NỘI DUNG	
1	Dự toán mua sắm	Gói 03: Hóa chất, vật tư xét nghiệm 2026-2027
2	Tổng dự toán (VND):	609.958.350.251 VND Sáu trăm lẻ chín tỷ chín trăm năm mươi tám triệu ba trăm năm mươi ngàn hai trăm năm mươi một đồng
3	Nguồn vốn:	Nguồn thu viện phí và các nguồn thu hợp pháp khác của Bệnh viện
4	Chủ đầu tư:	Bệnh viện Nhân dân 115
5	Địa điểm thực hiện dự toán mua sắm:	Số 527 đường Sư Vạn Hạnh, Phường Hòa Hưng, TP. Hồ Chí Minh
6	Tên gói thầu:	Gói 03: Hóa chất, vật tư xét nghiệm 2026-2027
7	Giá gói thầu (VND):	609.958.350.251 VND Sáu trăm lẻ chín tỷ chín trăm năm mươi tám triệu ba trăm năm mươi ngàn hai trăm năm mươi một đồng
8	Hình thức LCNT:	Đấu thầu rộng rãi
9	Phương thức LCNT:	Một giai đoạn một túi hồ sơ
10	Loại hợp đồng:	Đơn giá cố định
11	Thời gian thực hiện gói thầu:	730 ngày
12	Quy mô gói thầu:	Danh mục hàng hóa gồm 612 phần lô, 1044 hạng mục (mặt hàng).
13	Tùy chọn mua thêm:	Có áp dụng

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật:

A. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT CHUNG

STT	Tiêu chí	Nội dung và các tiêu chuẩn yêu cầu	
		Nội dung và các tiêu chuẩn	Yêu cầu về tài liệu nộp
1	Phạm vi cung cấp	- Có đề xuất cụ thể ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất; Ghi chú: - Nhà thầu kê khai các thông tin bổ sung của hàng hóa dự thầu theo các quy định của pháp luật chuyên ngành về quản lý TBYT hoặc các hàng hóa khác tại Bảng thông tin hàng hóa dự thầu (<i>tham khảo mẫu tại trang 277 file ChuongV_Goi 03.pdf</i>)	- Mẫu số 10B (webform); <u>Ghi chú:</u> Bảng thông tin hàng hoá dự thầu nộp file excel.
2	Tài liệu chứng minh đủ điều kiện lưu hành TBYT	2.1. Nhà thầu nộp tài liệu số lưu hành của TBYT còn hiệu lực: - Thông tin (<i>hoặc</i> Phiếu tiếp nhận) hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng của thiết bị y tế thuộc loại A, B; hoặc - Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành thiết bị y tế thuộc loại B, C, D; 2.2. Nhà thầu cam kết đầy đủ các nội dung sau đây về điều kiện lưu hành TBYT dự thầu: - Có nhãn với đầy đủ các thông tin theo quy định hiện hành của pháp luật về nhãn hàng hóa; - Có tài liệu hướng dẫn sử dụng của TBYT bằng tiếng Việt; - Có tài liệu thể hiện là TBYT sử dụng một lần theo quy định của chủ sở hữu TBYT hoặc có tài liệu chứng minh không có chế độ bảo hành; * Không áp dụng yêu cầu 2.1 và yêu cầu “Có tài liệu hướng dẫn sử dụng của TBYT bằng tiếng Việt; Có tài liệu thể hiện là TBYT sử dụng một lần theo quy định của chủ sở hữu TBYT hoặc có tài liệu chứng minh không có chế độ bảo hành” đối với các hạng mục (mặt hàng) có STT (tương ứng mã	- Các tài liệu về số lưu hành phải được công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Y Tế https://imda.moh.gov.vn) và không bị thu hồi. - Bản cam kết: nộp bản gốc.

STT	Tiêu chí	Nội dung và các tiêu chuẩn yêu cầu	
		Nội dung và các tiêu chuẩn	Yêu cầu về tài liệu nộp
		phần lô) mời thầu: 152.15 (PP2600081863), 198 (PP2600081909).	
3	Tài liệu chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng	3.1 Nhà thầu dự thầu TBYT thuộc loại B, C, D phải nộp tài liệu: Thông tin (hoặc Phiếu tiếp nhận) hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán TBYT thuộc loại B, C, D.	Số công bố được công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Y Tế (https://imda.moh.gov.vn/) và không bị thu hồi.
		3.2 Giấy phép hoặc Giấy ủy quyền bán hàng của chủ sở hữu TBYT hoặc nhà sản xuất TBYT hoặc đại lý phân phối hoặc Giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương, trừ các trường hợp sau đây: + Nhà thầu là chủ sở hữu số lưu hành, chủ sở hữu số đăng ký lưu hành, chủ sở hữu Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành của TBYT được chào trong E-HSDT của mình; + Nhà thầu là chủ sở hữu hoặc tự sản xuất hoặc chế tạo TBYT được chào trong E-HSDT của mình; <u>Hiệu lực</u>: còn hiệu lực tối thiểu đến thời điểm đóng thầu; * Ghi chú: Không áp dụng đối với các phần lô, STT mời thầu: 198 (PP2600081909). Việc xem xét, đánh giá, xét duyệt trúng thầu, xem xét ký hợp đồng quy định chi tiết tại Mục E-CDNT 16.2 Chương II Bảng dữ liệu đấu thầu.	Nộp bản gốc: Nếu nhà thầu được ủy quyền dự thầu chỉ riêng cho gói thầu này; Nộp bản gốc hoặc bản chụp có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền: Nếu tài liệu của Việt Nam cấp; Tài liệu do nước ngoài cấp: Nộp bản gốc đã được hợp pháp hóa lãnh sự hoặc bản chụp có chứng thực của bản đã được hợp pháp hóa lãnh sự; nếu tài liệu không phải là bản song ngữ (tiếng Việt + tiếng nước ngoài) thì nộp kèm bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận của cơ quan dịch thuật được phép hoạt động.

STT	Tiêu chí	Nội dung và các tiêu chuẩn yêu cầu	
		Nội dung và các tiêu chuẩn	Yêu cầu về tài liệu nộp
4	Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa	Nhà thầu có cam kết tổ chức cung cấp hàng hóa hợp lý, hiệu quả kinh tế, phù hợp với quy mô gói thầu.	Bản cam kết: nộp bản gốc.
5	Tiến độ cung cấp hàng hóa	- Nhà thầu phải có tiến độ cung cấp hàng hóa (Mẫu số 10A) phù hợp với yêu cầu của Mẫu số 01B. Phạm vi cung cấp hàng hóa; - Nhà thầu phải cam kết đầy đủ các nội dung sau đây: + Giao hàng gồm nhiều đợt theo yêu cầu của Bệnh viện; + Giao hàng trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu giao hàng của Bệnh viện Nhân dân 115.	Bản cam kết: nộp bản gốc.
6	Cam kết các điều khoản chung	Nhà thầu phải cam kết đầy đủ các nội dung sau đây: - Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Nhà thầu có giá bán cho Bệnh viện cao hơn giá trúng thầu của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác, (hàng hóa có cùng chủng loại, hãng sản xuất, nước sản xuất,...) thì Nhà thầu sẽ giảm giá cho Bệnh viện bằng với giá đang cung cấp nơi đó, đồng thời Nhà thầu hoàn trả cho Bệnh viện số tiền tương đương giá trị chênh lệch tương ứng với số lượng hàng hóa Bệnh viện đã sử dụng trước đó trên cơ sở thương thảo thống nhất giữa Nhà thầu và Bệnh viện; hoặc thị trường có sự điều chỉnh giảm thì Nhà thầu giảm giá cho Bệnh viện; - Tại thời điểm Bệnh viện công bố kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu hàng hóa cùng chủng loại, hãng sản xuất, nước sản xuất có giá trúng thầu tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác trên cùng địa bàn TP.Hồ Chí Minh thấp hơn giá trúng thầu của Nhà thầu (thời gian tính từ đăng tải kế hoạch lựa chọn nhà thầu đến thời điểm công bố kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Gói 03: Hóa chất, vật tư xét nghiệm 2026-2027”) thì Nhà thầu sẽ giảm giá trên	Bản cam kết: Nộp bản gốc.

STT	Tiêu chí	Nội dung và các tiêu chuẩn yêu cầu	
		Nội dung và các tiêu chuẩn	Yêu cầu về tài liệu nộp
		cơ sở thương thảo thống nhất giữa Nhà thầu và Bệnh viện, mức giảm tối thiểu bằng với giá trúng thầu đó. - Cam kết cung cấp bản gốc hoặc bản sao y tờ khai hải quan nhập khẩu hàng hóa đã cung ứng, thiết bị y tế cho mượn và các phụ kiện có liên quan khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của Bệnh viện (trường hợp yêu cầu này được đưa ra từ cơ quan chức năng có thẩm quyền); - Hàng hóa do nhà thầu cung cấp, đảm bảo đúng với các thông tin sản phẩm đã được phê duyệt trúng thầu, đảm bảo chất lượng, kỹ thuật, quy cách hàng hóa và giao hàng đến kho Vật tư tiêu hao – hóa chất của Bệnh viện Nhân dân 115; - Hàng hóa do nhà thầu cung cấp, nếu bị lỗi do nhà sản xuất hoặc hết thời hạn sử dụng hoặc bị lỗi trong quá trình vận chuyển đến kho Bệnh viện Nhân dân 115, nhà thầu sẽ tiến hành thu hồi và đổi trả, hoặc thực hiện thay thế lô sản phẩm khi không đảm bảo sử dụng do lỗi kỹ thuật; - Thời hạn sử dụng hàng hóa trúng thầu do nhà thầu cung cấp (tính từ thời điểm giao hàng hóa) luôn đảm bảo còn tối thiểu $\frac{1}{4}$ thời hạn; - Cung cấp một bộ Hồ sơ quản lý chất lượng TBYT khi có yêu cầu của Bệnh viện; - Các thiết bị y tế dự thầu thực hiện niêm yết giá và kê khai giá theo đúng các quy định tại khoản 9 và 10 của Nghị định 07/2023/NĐ-CP; - Không vi phạm về kết quả thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa trưng tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có), tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu; - Nhà thầu phải cam kết đúng theo yêu cầu được nêu tại “Yêu cầu dịch vụ kèm theo” _B.2 Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật_ Chương V. Đối	

STT	Tiêu chí	Nội dung và các tiêu chuẩn yêu cầu	
		Nội dung và các tiêu chuẩn	Yêu cầu về tài liệu nộp
		với các mặt hàng yêu cầu nếu trúng thầu nhà thầu phải cung cấp thiết bị y tế để sử dụng hóa chất, nhà thầu cam kết như sau: + Nhà thầu cam kết chịu trách nhiệm cung cấp TBYT có xuất xứ, công suất, cấu hình kỹ thuật của máy (phương pháp đo, cấu tạo, thành phần,...), khả năng kết nối, kết hợp, cung cấp sinh phẩm đúng theo nội dung yêu cầu được nêu tại “Yêu cầu dịch vụ kèm theo” _B.2 Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật_ Chương V cho Bệnh viện Nhân dân 115 để sử dụng hóa chất, nhà thầu không chuyển giao quyền sở hữu, chỉ chuyển giao quyền sử dụng TBYT (cho mượn) trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng; + Nhà thầu cam kết chịu toàn bộ các chi phí để lắp đặt thiết bị, triển khai (bao gồm cả việc đào tạo, huấn luyện sử dụng thiết bị; chạy thử, căn chỉnh để thiết bị hoạt động đúng chuẩn của nhà sản xuất quy định) và duy trì tình trạng hoạt động ổn định của thiết bị trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng, nhà thầu chỉ thu hồi thiết bị khi Bệnh viện đã sử dụng hết khối lượng hóa chất, vật tư đi kèm được cung ứng theo hợp đồng ký kết. + Nhà thầu chịu trách nhiệm cung cấp: bàn đặt thiết bị phân tích có bề mặt chống thấm nước, vật liệu chống ăn mòn; bộ máy tính (CPU, bàn phím, chuột) đi kèm phục vụ cho thiết bị phân tích (nếu cần); UPS; bộ hóa chất – sinh phẩm – vật tư tiêu hao phục vụ cho giai đoạn tập huấn và chạy thử nghiệm lắp đặt - chạy xác nhận giá trị sử dụng đối với từng test xét nghiệm - phí chương trình ngoại kiểm trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng nếu thiết bị có thực hiện; các chứng nhận nguồn gốc (CO); chứng nhận chất lượng (CQ); chứng thư giám định về tình trạng thiết bị y tế cho mượn; có lịch bảo trì/bảo dưỡng hằng năm và thực hiện đúng lịch; hướng dẫn sử dụng thiết bị bằng tiếng Việt.	

*** Lưu ý:**

- Thông tin về hàng hóa dự thầu: kê khai thống nhất giữa Webform (mẫu số 10B) và Bảng thông tin hàng hóa dự thầu; khi có bất kỳ khác biệt nào thì thông tin kê khai trên Webform sẽ là cơ sở đánh giá; trường hợp Nhà thầu không kê khai hoặc kê khai chưa đầy đủ, chính xác Bảng thông tin hàng hóa dự thầu thì Chủ đầu tư sẽ yêu cầu Nhà thầu làm rõ E-HSDT.
- Chung loại, ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất: kê khai cụ thể, chi tiết, đầy đủ theo đúng thông tin trên Sổ lưu hành (Chi tiết theo mục 15.8 chương I. Chỉ dẫn nhà thầu và Bảng tiến độ cung cấp (Mẫu số 10B) E-HSMT).
- Bản cam kết: nộp bản gốc có đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên và đóng dấu; hoặc nộp bản gốc của văn bản ký số có thể kiểm tra được chữ ký số, dấu điện tử (nếu có), theo quy định Nghị định 23/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025). Nhà thầu tham khảo Mẫu số 21.

B. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT CỤ THỂ:

Các yêu cầu về cung cấp thiết bị y tế để sử dụng hóa chất, vật tư xét nghiệm trũng thầu được nêu tại “Yêu cầu dịch vụ kèm theo” thuộc mục B2. Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật- Chương V, nhà thầu không chuyển giao quyền sở hữu, chỉ chuyển giao quyền sử dụng thiết bị y tế (cho mượn) trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng. Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất thiết bị y tế dự kiến cho mượn;

Nhà thầu cam kết chịu toàn bộ các chi phí để lắp đặt thiết bị, triển khai (bao gồm cả việc đào tạo, huấn luyện sử dụng thiết bị; chạy thử, căn chỉnh để thiết bị hoạt động đúng chuẩn của nhà sản xuất quy định) và duy trì tình trạng hoạt động ổn định của thiết bị trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng, nhà thầu chỉ thu hồi thiết bị khi Bệnh viện đã sử dụng hết khối lượng hóa chất, vật tư đi kèm được cung ứng theo hợp đồng ký kết.

Nhà thầu chịu trách nhiệm cung cấp: bàn đặt thiết bị phân tích có bề mặt chống thấm nước, vật liệu chống ăn mòn; bộ máy tính (CPU, bàn phím, chuột) đi kèm phục vụ cho thiết bị phân tích (nếu cần); UPS; bộ hóa chất – sinh phẩm – vật tư tiêu hao phục vụ cho giai đoạn tập huấn và chạy thử nghiệm lắp đặt - chạy xác nhận giá trị sử dụng đối với từng test xét nghiệm - phí chương trình ngoại kiểm trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng nếu thiết bị có thực hiện; các chứng nhận nguồn gốc (CO); chứng nhận chất lượng (CQ); chứng thư giám định về tình trạng thiết bị y tế cho mượn; có lịch bảo trì/bảo dưỡng hằng năm và thực hiện đúng lịch; hướng dẫn sử dụng thiết bị bằng tiếng Việt.

B1. Tài liệu kỹ thuật: Nhà thầu nộp catalog, hoặc các tài liệu kỹ thuật khác có giá trị tương đương. Trường hợp tài liệu kỹ thuật không thể hiện hoặc thể hiện chưa đầy đủ các tính năng kỹ thuật E-HSMT yêu cầu, nhà thầu có thể cung cấp thêm hình ảnh của sản phẩm, bao bì sản phẩm hoặc các hình ảnh khác của sản phẩm dự thầu.

Trường hợp các tài liệu bổ trợ trong E-HSMT (catalog, brochure, ...) để chứng minh đáp ứng kỹ thuật (bản gốc chưa dịch thuật) được viết bằng ngôn ngữ khác tiếng Việt và giữa bản gốc và bản dịch có sự sai khác về nội dung thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung bản dịch so với bản gốc và tính pháp lý của các tài liệu này. Chấp nhận các thông số kỹ thuật dùng dấu chấm (.) thay cho dấu phẩy (,) ngăn cách giữa phần nguyên và phần thập phân.

Ký mã hiệu dự thầu đáp ứng đúng và đủ (không thừa, không thiếu) các yêu cầu về tính năng kỹ thuật cụ thể của hàng hóa mời thầu được nêu tại mục B2. Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật_ Chương V. Trường hợp có bất kỳ ký mã hiệu nào không đáp ứng tiêu chí chi tiết trong tiêu chí kỹ thuật yêu cầu của hạng mục thì hạng mục đó được đánh giá là không đáp ứng và toàn bộ phần lô dự thầu đó không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT.

Đối với các phân lô, danh mục hàng hóa có yêu cầu cụ thể quy cách, đây là mức yêu cầu tối thiểu nhà thầu cần phải đáp ứng.

Đối với nội dung yêu cầu “Xuất xứ” tại mẫu số 01A. Phạm vi cung cấp hàng hóa và tại B2. Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật: thông tin đề xuất của nhà thầu về “Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)” tại Mẫu số 10B và các tài liệu kỹ thuật khác phù hợp yêu cầu sẽ được đánh giá là “đáp ứng”.

Trường hợp Chủ đầu tư phát hiện tài liệu cung cấp trong E-HSDT không phải là tài liệu nguyên vẹn, tài liệu có dấu hiệu được cắt ghép, chỉnh sửa và có các thông tin kỹ thuật và các tiêu chuẩn khác biệt với thông tin trong các tài liệu lưu hành được công bố, công khai theo quy định hoặc có sự khác biệt so với thông tin chính thống từ nhà sản xuất/chủ sở hữu công bố (website hoặc các kênh thông tin chính thức) nhằm mục đích đáp ứng tiêu chuẩn yêu cầu của E-HSMT mà không có văn bản giải trình về sự khác biệt kèm tài liệu minh chứng của nhà sản xuất/chủ sở hữu thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét đánh giá và Chủ đầu tư tiến hành các bước tiếp theo để xem xét xử lý theo quy định pháp luật hiện hành.

B2. Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật:

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
1	PP26 0008 1712	Thuốc thử xét nghiệm định lượng glucose	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương/nước tiểu/dịch não tủy. Phương pháp: Enzymatic (hexokinase method). Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: với mẫu huyết thanh/huyết tương có giới hạn dưới $\leq 0,5$ mg/dL và giới hạn trên ≥ 1200 mg/dL. Độ chụm: CV% < 5%.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
2	PP26 0008 1713	Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương/nước tiểu/dịch não tủy. Phương pháp: Enzymatic (hexokinase method). Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: với mẫu huyết thanh/huyết tương có giới hạn dưới $\leq 0,3$ mmol/L và giới hạn trên ≥ 44 mmol/L. Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,03$ mmol/L (huyết thanh/huyết tương), $\leq 0,02$ mmol/L (nước tiểu/CSF).	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS. - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
3	PP26 0008 1714	Hóa chất định lượng Glucose	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương/nước tiểu/dịch não tủy. Phương pháp: Enzymatic (hexokinase method). Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: với mẫu huyết thanh/huyết tương có giới hạn dưới $\leq 0,6$ mmol/L và giới hạn trên ≥ 45 mmol/L. Độ chụm: $CV\% \leq 5\%$. Độ lặp lại: $CV \leq 3\%$.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS. - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
4	PP26 0008 1715	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương/nước tiểu/dịch não tủy. Phương pháp: Enzymatic (hexokinase method). Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,2$ mmol/L và giới hạn trên ≥ 35 mmol/L. $LOD \leq 0,1$ mmol/L (huyết thanh, huyết tương).	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
5	PP26 0008 1716	Thuốc thử xét nghiệm định lượng glucose	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương/nước tiểu/dịch não tủy. Phương pháp tham chiếu men sử dụng hexokinase. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,2$ mmol/L và giới hạn trên ≥ 40 mmol/L. Thành phần chứa tối thiểu: Đệm MES; Mg^{2+} ; ATP; NADP; Đệm HEPES; HK (nấm men); G-6-PDH (E. coli); chất bảo quản.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
6	PP26 0008 1717	Hóa chất chuẩn cho các xét nghiệm định lượng Albumin, Creatinine, Glucose, Triglyceride	Hộp	Huyết thanh đông khô được tạo thành từ các vật liệu có nguồn gốc từ người kết hợp các chất ổn định. Quy cách: 1 x 5mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
7	PP26 0008 1718	Hóa chất chuẩn cho các xét nghiệm định lượng Albumin, Creatinine, Glucose, Triglyceride	Hộp	Mục đích sử dụng: dùng hiệu chuẩn tối thiểu các xét nghiệm: Albumin, Creatinine, Glucose, Triglyceride. Dạng đông khô. Quy cách: Hộp/12 x 3mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
8	PP26 0008 1719	Hóa chất xét nghiệm Urea	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương/nước tiểu. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới ≤ 5 mg/dL và giới hạn trên ≥ 150 mg/dL. CV < 5%.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
9	PP26 0008 1720	Thuốc thử xét nghiệm định lượng urea/urea nitrogen	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương/nước tiểu. Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm động học theo phương pháp đo quang. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,5$ mmol/L và giới hạn trên ≥ 40 mmol/L. Thành phần chứa tối thiểu: NaCl, Đệm TRIS; 2-oxoglutarate; NADH; ADP; urease (đậu); GLDH (gan bò); chất bảo quản; chất ổn định không phản ứng.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
10	PP26 0008 1721	Hóa chất định lượng Urea	Test	Phương pháp: GLDH, kinetic. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: giới hạn dưới ≤ 1 mmol/L và giới hạn trên ≥ 50 mmol/L (Huyết thanh, huyết tương). Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$. Độ chụm toàn phần: $CV \leq 10\%$.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
11	PP26 0008 1722	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng Urea Nitrogen trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương/nước tiểu. - Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: + Huyết thanh và huyết tương: có giới hạn dưới ≤ 5 mg/dL và giới hạn trên ≥ 150 mg/dL (1,8–53,6 mmol/L). + Nước tiểu: có giới hạn dưới ≤ 35 mg/dL và giới hạn trên ≥ 1000 mg/dL (12,5–357 mmol/L). LoD: ≤ 2 mg/dL (0,7 mmol/L) đối với huyết thanh và huyết tương và ≤ 7 mg/dL (2,5 mmol/L) đối với nước tiểu.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
12	PP26 0008 1723	Thuốc thử xét nghiệm định lượng creatinine	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp đo màu. Khoảng đo có giới hạn dưới ≤ 15 μ mol/L và giới hạn trên ≥ 2200 μ mol/L. Thành phần chứa tối thiểu: Kali hydroxide, phosphate, acid piric, pH 6,5, chất bảo quản, chất ổn định.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
13	PP26 0008 1724	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương/nước tiểu. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: Huyết thanh và huyết tương: có giới hạn dưới $\leq 0,15$ mg/dL và giới hạn trên ≥ 30 mg/dL (13–2652 $\mu\text{mol/L}$); Nước tiểu: có giới hạn dưới ≤ 3 mg/dL và giới hạn trên ≥ 245 mg/dL (265–21.658 $\mu\text{mol/L}$). LoD: $\leq 0,08$ mg/dL (7 $\mu\text{mol/L}$) đối với huyết thanh và huyết tương, và $\leq 0,51$ mg/dL (45 $\mu\text{mol/L}$) đối với nước tiểu.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
14	PP26 0008 1725	Hóa chất định lượng Creatinine	Test	Phương pháp: Jaffé method. Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương/nước tiểu. Dải tuyến tính có giới hạn dưới ≤ 5 $\mu\text{mol/L}$ và giới hạn trên ≥ 2000 $\mu\text{mol/L}$ (Huyết thanh/huyết tương). Độ lặp lại: CV $\leq 3\%$. Độ chụm toàn phần: CV $\leq 5\%$.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
15	PP26 0008 1726	Hóa chất xét nghiệm Creatinine	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương/nước tiểu. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: mẫu huyết thanh/huyết tương có giới hạn dưới $\leq 0,1$ mg/dl và giới hạn trên ≥ 100 mg/dl. Ngưỡng phát hiện (LOD) $\leq 0,5$ mg/dl.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
16	PP26 0008 1727	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương/nước tiểu. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: mẫu huyết thanh/huyết tương có giới hạn dưới $\leq 10 \mu\text{mol/L}$ và giới hạn trên $\geq 3300 \mu\text{mol/L}$. Ngưỡng phát hiện (LOD) $\leq 6 \mu\text{mol/L}$ (huyết thanh, huyết tương).	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
17	PP26 0008 1728	Thuốc thử xét nghiệm định lượng aspartate aminotransferase (AST) có hoạt hóa pyridoxal phosphate	Test	Thành phần chứa tối thiểu: Đệm TRIS, L-aspartate; MDH (vi sinh); LDH (vi sinh); pyridoxamine phosphate; albumin (bò); chất ổn định; NADH; chất bảo quản, 2-oxoglutarate. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 5 \text{ U/L}$ và giới hạn trên $\geq 700 \text{ U/L}$.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
18	PP26 0008 1729	Hóa chất đo hoạt độ AST (GOT)	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: giới hạn dưới $\leq 3 \text{ U/L}$ và giới hạn trên $\geq 1000 \text{ U/L}$. Độ lặp lại: $\text{CV} \leq 5\%$. Độ chụm toàn phần: $\text{CV} \leq 10\%$.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
19	PP26 0008 1730	Hóa chất xét nghiệm AST	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới ≤ 5 U/L và giới hạn trên ≥ 1000 U/L. Ngưỡng phát hiện (LOD) ≤ 5 U/L.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
20	PP26 0008 1731	Hóa chất xét nghiệm AST	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới ≤ 5 U/L và giới hạn trên ≥ 4000 U/L. Ngưỡng phát hiện (LOD) ≤ 4 U/L.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
21	PP26 0008 1732	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng Aspartate Aminotransferase trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới ≤ 8 U/L và giới hạn trên ≥ 1000 U/L. LoD: ≤ 2 U/L.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
22	PP26 0008 1733	Hóa chất đo hoạt độ ALT (GPT)	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: giới hạn dưới ≤ 3 U/L và giới hạn trên ≥ 500 U/L. Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$. Độ chụm toàn phần: $CV \leq 10\%$.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
23	PP26 0008 1734	Hóa chất xét nghiệm ALT	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: giới hạn dưới ≤ 7 U/L và giới hạn trên ≥ 3200 U/L. Ngưỡng phát hiện (LOD) ≤ 2 U/L.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
24	PP26 0008 1735	Thuốc thử xét nghiệm định lượng alanine aminotransferase (ALT) có hoạt hóa pyridoxal phosphate	Test	Thành phần chứa tối thiểu: Đệm TRIS; L-alanine; LDH (vi sinh); pyridoxamine phosphate; albumin (bò); chất ổn định; chất bảo quản, NADH; 2-oxoglutarate. Khoảng đo có giới hạn dưới ≤ 5 U/L và giới hạn trên ≥ 700 U/L.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
25	PP26 0008 1736	Hóa chất xét nghiệm ALT	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới ≤ 3 U/L và giới hạn trên ≥ 1000 U/L. Ngưỡng phát hiện (LOD) ≤ 3 U/L.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
26	PP26 0008 1737	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng Alanine Aminotransferase trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới ≤ 7 U/L và giới hạn trên ≥ 1100 U/L. LoD: ≤ 2 U/L.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
27	PP26 0008 1738	Bộ hóa chất chuẩn, hóa chất chứng cho xét nghiệm AST, ALT trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
27.1		Hóa chất chứng nồng độ 1 cho các xét nghiệm định lượng sinh hóa (ALT, AST, Albumin, Ca, Choles, Crea, Gluco, Iron, Mag, Trigly, Total Protein, Uric Acid, Urea, ALP, Bili D, Bili T, HDL, LDL, GGT, Apo A, ApoB, Tranferrin, Amylase)	Hộp	Thành phần huyết thanh người, dạng lỏng. Dùng nội kiểm các xét nghiệm sinh hóa mức 1 (ALT, AST, Albumin, Ca, Choles, Crea, Gluco, Iron, Mag, Trigly, Total Protein, Uric Acid, Urea, ALP, Bili D, Bili T, HDL, LDL, GGT, Apo A, ApoB, Tranferrin, Amylase,...). Quy cách: Hộp/12 x 5mL	- Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
27.2		Hóa chất chứng nồng độ 2 cho các xét nghiệm định lượng sinh hóa (ALT, AST, Albumin, Ca, Choles, Crea, Gluco, Iron, Mag, Trigly, Total Protein, Uric Acid, Urea, ALP, Bili D, Bili T, HDL, LDL, GGT, Apo A, ApoB, Tranferrin, Amylase)	Hộp	Thành phần huyết thanh người, dạng lỏng. Dùng nội kiểm các xét nghiệm sinh hóa mức 2 (ALT, AST, Albumin, Ca, Choles, Crea, Gluco, Iron, Mag, Trigly, Total Protein, Uric Acid, Urea, ALP, Bili D, Bili T, HDL, LDL, GGT, Apo A, ApoB, Tranferrin, Amylase). Quy cách: Hộp/12 x 5mL	
27.3		Hóa chất chuẩn cho các xét nghiệm định lượng ALT, AST	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: Albumin huyết thanh bò; chất bảo quản. Quy cách: Hộp/6 x 1,5mL	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
28	PP26 0008 1739	Hóa chất chứng cho các xét nghiệm định lượng sinh hóa (ALT, AST, Albumin, Ca, Choles, Crea, Gluco, Iron, Mag, Trigly, Total Protein, Uric Acid, Urea, ALP, Bili D, Bili T, HDL, LDL, GGT, Apo A, ApoB, Tranferrin, Amylase)	Hộp	Dạng đông khô, được chiết xuất từ huyết thanh người, các chất ổn định và chất bảo quản. Quy cách: 1 x 5mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
29	PP26 0008 1740	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng Gamma-Glutamyl Transferase trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
29.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng Gamma-Glutamyl Transferase	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới ≤ 7 U/L và giới hạn trên ≥ 1200 U/L. LoD: ≤ 2 U/L. LoQ: ≤ 7 U/L.	
29.2		Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm định lượng GGT	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: Albumin huyết thanh bò; chất bảo quản; nồng độ chất phân tích: lipase; α -amylase; gammaglutamyltransferase; LDHL; CHE	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
30	PP26 0008 1741	Hóa chất xét nghiệm GGT	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới ≤ 1 U/L và giới hạn trên ≥ 1500 U/L. Ngưỡng phát hiện (LOD) ≤ 1 U/L.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
31	PP26 0008 1742	Thuốc thử xét nghiệm định lượng γ -glutamyltransfe rase	Test	Thành phần chứa tối thiểu: TRIS; glycylglycine; chất bảo quản; chất phụ gia, L- γ -glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide; acetate; chất ổn định. Khoảng đo có giới hạn dưới ≤ 3 U/L và giới hạn trên ≥ 1200 U/L.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
32	PP26 0008 1743	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea Nitrogen	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương/nước tiểu. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: mẫu huyết thanh/huyết tương có giới hạn dưới $\leq 1,5$ mmol/L và giới hạn trên ≥ 44 mmol/L. Ngưỡng phát hiện (LOD) $\leq 0,8$ mmol/L (huyết thanh/huyết tương).	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
33	PP26 0008 1744	Hóa chất xét nghiệm GGT	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới ≤ 5 U/L và giới hạn trên ≥ 7700 U/L. Ngưỡng phát hiện (LOD) ≤ 2 U/L.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
34	PP26 0008 1745	Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglyceride	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới $\leq 0,1$ mmol/L và giới hạn trên ≥ 17 mmol/L. Ngưỡng phát hiện (LOD) $\leq 0,02$ mmol/L.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
35	PP26 0008 1746	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng Triglycerides trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới ≤ 15 mg/dL và giới hạn trên ≥ 1000 mg/dL (0,17–11,3 mmol/L). LoD: ≤ 6 mg/dL (0,07mmol/L). LoQ: ≤ 15 mg/dL (0,17mmol/L).	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
36	PP26 0008 1747	Thuốc thử xét nghiệm định lượng triglyceride	Test	Phương pháp xét nghiệm: Phương pháp đo màu sử dụng men. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,1$ mmol/L và giới hạn trên ≥ 10 mmol/L. Thành phần chứa tối thiểu: Đệm PIPES; Mg^{2+} ; natri cholate; ATP; 4-aminophenazone; 4-chlorophenol; lipoprotein lipase (chủng Pseudomonas); glycerol kinase (Bacillus stearothermophilus); glycerol phosphate oxidase (E. coli); peroxidase (củ cải); chất bảo quản, chất ổn định.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
37	PP26 0008 1748	Hóa chất xét nghiệm Triglyceride	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới ≤ 10 mg/dL và giới hạn trên ≥ 1000 mg/dL. Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
38	PP26 0008 1749	Hóa chất đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới ≤ 5 U/L và giới hạn trên ≥ 1200 U/L. Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$. Độ chụm toàn phần: $CV \leq 10\%$.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
39	PP26 0008 1750	Hóa chất định lượng Triglycerid	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp: enzymatic. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: giới hạn dưới $\leq 0,1$ mmol/L và giới hạn trên ≥ 10 mmol/L. Độ lặp lại: $CV \leq 3\%$. Độ chụm toàn phần: $CV \leq 5\%$.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
40	PP26 0008 1751	Hóa chất định lượng Cholesterol toàn phần	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp: enzymatic. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: giới hạn dưới $\leq 0,5$ mmol/L và giới hạn trên ≥ 15 mmol/L. Độ lặp lại CV $\leq 3\%$. Độ chụm toàn phần: CV $\leq 3\%$.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
41	PP26 0008 1752	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới $\leq 0,2$ mmol/L và giới hạn trên ≥ 19 mmol/L. Ngưỡng phát hiện (LOD) $\leq 0,1$ mmol/L.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
42	PP26 0008 1753	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới ≤ 25 mg/dL và giới hạn trên ≥ 600 mg/dL. LoD: ≤ 2 mg/dL (0,04 mmol/L). LoQ: ≤ 25 mg/dL (0,65 mmol/L).	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
43	PP26 0008 1754	Thuốc thử xét nghiệm định lượng cholesterol	Test	Phương pháp xét nghiệm: Phương pháp enzym, đo màu. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,1$ mmol/L và giới hạn trên ≥ 20 mmol/L. Thành phần chứa tối thiểu: Đệm PIPES; Mg^{2+}; natri cholate; 4-aminoantipyrine; phenol; fatty alcohol polyglycol ether; cholesterol esterase (<i>Pseudomonas spec.</i>); cholesterol oxidase (<i>E. coli</i>); peroxidase; chất ổn định; chất bảo quản.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
44	PP26 0008 1755	Hóa chất xét nghiệm Cholesterol	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới ≤ 3 mg/dL và giới hạn trên ≥ 800 mg/dL. Ngưỡng phát hiện (LOD) ≤ 3 mg/dL.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
45	PP26 0008 1756	Bộ hóa chất định lượng HDL-C			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU.
45.1		Hóa chất định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp: enzymatic. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: giới hạn dưới $\leq 0,05$ mmol/L và giới hạn trên $\geq 4,5$ mmol/L. Độ lặp lại: $CV \leq 3\%$. Độ chụm toàn phần: $CV \leq 4\%$.	- Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
45.2		Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HDL-Cholesterol	Hộp	Thành phần: Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa HDL-Cholesterol.	ngoại kiểm.
46	PP26 0008 1757	Hóa chất xét nghiệm định lượng HDL Cholesterol trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
46.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng HDL Cholesterol	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới ≤ 5 mg/dL và giới hạn trên ≥ 200 mg/dL (0,13–5,18 mmol/L). LoD: ≤ 4 mg/dL (0,1 mmol/L). LoQ: ≤ 5 mg/dL (0,13 mmol/L).	
46.2		Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm định lượng HDL Cholesterol	Hộp	Dạng đông khô, có chứa lipoprotein từ các lớp khác nhau.	
47	PP26 0008 1758	Thuốc thử xét nghiệm định lượng nồng độ HDL-cholesterol	Test	Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm đo màu sử dụng men đồng nhất. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,1$ mmol/L và giới hạn trên $\geq 3,5$ mmol/L. Thành phần chứa tối thiểu: Đệm TAPSO; polyanion; EMSE; ascorbate oxidase (dưa chuột); peroxidase (củ cải); chất tẩy; BSA; chất bảo quản Đệm Bis-Tris ; cholesterol esterase (vi sinh); cholesterol oxidase (E. coli tái tổ hợp); cholesterol oxidase (vi sinh); peroxidase (củ cải); 4-amino-antipyrine; BSA; chất tẩy; chất bảo quản.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
48	PP26 0008 1759	Hóa chất xét nghiệm HDL Cholesterol	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới ≤ 5 mg/dL và giới hạn trên ≥ 120 mg/dL. Ngưỡng phát hiện (LOD) ≤ 5 mg/dL.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
49	PP26 0008 1760	Hóa chất xét nghiệm định lượng Ultra HDL	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới $\leq 0,2$ mmol/L và giới hạn trên $\geq 4,5$ mmol/L. Ngưỡng phát hiện (LOD) $\leq 0,05$ mmol/L.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
50	PP26 0008 1761	Chất hiệu chuẩn HDL Cholesterol	Hộp	Huyết thanh người $< 5\%$, natri azide $< 0,001\%$. Quy cách: 1 x 2mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
51	PP26 0008 1762	Bộ hóa chất định lượng LDL-C			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU.
51.1		Hóa chất định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp: enzymatic. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: giới hạn dưới $\leq 0,3$ mmol/L và giới hạn trên ≥ 10 mmol/L. Độ lặp lại: $CV \leq 3\%$. Độ chụm toàn phần: $CV \leq 4\%$.	- Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
51.2		Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm LDL-Cholesterol	Hộp	Thành phần: Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa LDL-Cholesterol.	
51.3		Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol	Hộp	Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô có chứa HDL-Cholesterol và LDL-Cholesterol	
52	PP26 0008 1763	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng LDL Cholesterol trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU.
52.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng LDL Cholesterol	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới ≤ 5 mg/dL và giới hạn trên ≥ 400 mg/dL (0,13–10,36 mmol/L). LoD: ≤ 4 mg/dL (0,1mmol/L).	- Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
52.2		Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm định lượng LDL Cholesterol	Hộp	Dạng đông khô.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
53	PP26 0008 1764	Thuốc thử xét nghiệm định lượng LDL-cholesterol	Test	Phương pháp xét nghiệm: Phương pháp đo màu dùng men đồng nhất. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,1$ mmol/L và giới hạn trên ≥ 14 mmol/L. Thành phần chứa tối thiểu: Đệm bis-tris; 4-aminoantipyrine; ascorbate oxidase (AOD, Acremonium spec.); peroxidase (tái tổ hợp từ Basidiomycetes); BSA; chất bảo quản Đệm MOPS; EMSE; cholesterol esterase (chủng Pseudomonas); cholesterol oxidase (tái tổ hợp từ E. coli); peroxidase (tái tổ hợp từ Basidiomycetes); BSA; chất tẩy; chất bảo quản.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
54	PP26 0008 1765	Hóa chất xét nghiệm định lượng Direct LDL	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới $\leq 0,05$ mmol/L và giới hạn trên ≥ 20 mmol/L. Ngưỡng phát hiện (LOD) $\leq 0,05$ mmol/L.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
55	PP26 0008 1766	Hóa chất xét nghiệm LDL Cholesterol	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới ≤ 5 mg/dL và giới hạn trên ≥ 600 mg/dL. Ngưỡng phát hiện (LOD) ≤ 5 mg/dL.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
56	PP26 0008 1767	Chất kiểm chứng xét nghiệm HDL/LDL Cholesterol	Hộp	thành phần tối thiểu chứa: human based matrix $< 2\%$, sodium azide $< 0,01\%$. Quy cách: 1 x 2mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
57	PP26 0008 1768	Chất hiệu chuẩn chung cho xét nghiệm HDL, LDL	Hộp	Dạng đông khô, được điều chế từ huyết thanh người. Hiệu chuẩn được tối thiểu các xét nghiệm: Apolipoprotein A1 (Apo A1), Apolipoprotein B (Apo B), Lipoprotein tỷ trọng thấp (LDL), và Lipoprotein tỷ trọng cao (HDL). Quy cách: Hộp/6x1mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
58	PP26 0008 1769	Hóa chất xét nghiệm Total Bilirubin	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: giới hạn dưới ≤ 0 mg/dL và giới hạn trên ≥ 30 mg/dL. Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
59	PP26 0008 1770	Hóa chất định lượng Bilirubin toàn phần	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Thành phần có chứa Dichlorophenyl diazonium tetrafluoroborate; Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: giới hạn dưới $\leq 0,5$ $\mu\text{mol/L}$ và giới hạn trên ≥ 500 $\mu\text{mol/L}$. Độ lặp lại: $CV \leq 3\%$. Độ chụm toàn phần: $CV \leq 5\%$.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
60	PP26 0008 1771	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin toàn phần	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới ≤ 2 $\mu\text{mol/L}$ và giới hạn trên ≥ 420 $\mu\text{mol/L}$. Ngưỡng phát hiện (LOD) $\leq 1,5$ $\mu\text{mol/L}$.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
61	PP26 0008 1772	Thuốc thử xét nghiệm định lượng bilirubin toàn phần	Test	Phương pháp xét nghiệm: Phương pháp diazo. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 2,5 \mu\text{mol/L}$ và giới hạn trên $\geq 650 \mu\text{mol/L}$. Thành phần chứa tối thiểu: Phosphate, chất tẩy, chất ổn định, muối 3,5-dichlorophenyl diazonium.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
62	PP26 0008 1773	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng Total Bilirubin trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới $\leq 0,15 \text{ mg/dL}$ và giới hạn trên $\geq 35 \text{ mg/dL}$ ($3 - 599 \mu\text{mol/L}$). LoD: $0,0 \text{ mg/dL}$ ($0 \mu\text{mol/L}$). LoQ: $\leq 0,1 \text{ mg/dL}$ ($1,71 \mu\text{mol/L}$).	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
63	PP26 0008 1774	Hóa chất xét nghiệm Direct Bilirubin	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: ≤ 25 mg/dL. Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
64	PP26 0008 1775	Hóa chất định lượng Bilirubin trực tiếp	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Thành phần có chứa Dichlorophenyl diazonium tetrafluoroborate. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: giới hạn dưới ≤ 1 $\mu\text{mol/L}$ và giới hạn trên ≥ 170 $\mu\text{mol/L}$. Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$. Độ chụm toàn phần: $CV \leq 8\%$.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
65	PP26 0008 1776	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin trực tiếp	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới ≤ 2 $\mu\text{mol/L}$ và giới hạn trên ≥ 250 $\mu\text{mol/L}$. Ngưỡng phát hiện (LOD) ≤ 2 $\mu\text{mol/L}$.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
66	PP26 0008 1777	Thuốc thử xét nghiệm định lượng bilirubin trực tiếp	Test	Phương pháp xét nghiệm: Phương pháp diazo. Thành phần chứa tối thiểu: Phosphoric acid; HEDTA; NaCl; chất tẩy; 3,5-Dichlorophenyl diazonium.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
67	PP26 0008 1778	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng Direct Bilirubin trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới $\leq 0,1$ mg/dL và giới hạn trên ≥ 15 mg/dL ($2 - 256$ $\mu\text{mol/L}$). LoD: $0,0$ mg/dL (0 $\mu\text{mol/L}$).	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
68	PP26 0008 1779	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm định lượng Bilirubin	Hộp	Mục đích sử dụng: Dung dịch hiệu chuẩn cho xét nghiệm Bilirubin trực tiếp và toàn phần. Quy cách: Hộp/6 x 3mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
69	PP26 0008 1780	Chất hiệu chuẩn Bilirubin	Hộp	Mẫu chuẩn được điều chế trong dung dịch huyết thanh bò. Quy cách: Hộp/6x5mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
70	PP26 0008 1781	Chất hiệu chuẩn Bilirubin	Hộp	Bilirubin đông khô được điều chế từ huyết thanh người và các chất ổn định. Quy cách: 1 x 2mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
71	PP26 0008 1782	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng Total Protein trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp	Test	Phương pháp Weichselbaum sử dụng thuốc thử biuret (đồng sunfat trong dung dịch kiềm). Khoảng đo có giới hạn dưới ≤ 2 g/dL và giới hạn trên ≥ 12 g/dL (20–120 g/L). LoD: $\leq 1,9$ g/dL (19 g/L). LoQ: ≤ 2 g/dL (20 g/L).	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
72	PP26 0008 1783	Hóa chất định lượng Protein toàn phần	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp: Photometric. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: giới hạn dưới ≤ 30 g/L và giới hạn trên ≥ 120 g/L. Độ lặp lại: $CV \leq 3\%$. Độ chụm toàn phần: $CV \leq 4\%$.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
73	PP26 0008 1784	Hóa chất xét nghiệm định lượng Protein	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới $\leq 0,2$ g/dL và giới hạn trên ≥ 17 g/dL. Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,2$ g/dL.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
74	PP26 0008 1785	Thuốc thử xét nghiệm định lượng protein toàn phần	Test	Phương pháp xét nghiệm: Phương pháp đo màu. Khoảng đo có giới hạn dưới ≤ 2 g/L và giới hạn trên ≥ 120 g/L. Thành phần chứa tối thiểu: Natri hydroxide; kali natri tartrate; Natri hydroxide; kali natri tartrate; kali iodide; đồng sulfate.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
75	PP26 0008 1786	Hóa chất xét nghiệm Total Protein	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới $\leq 0,1$ g/dL và giới hạn trên ≥ 15 g/dL. Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,1$ g/dL.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
76	PP26 0008 1787	Hóa chất định lượng Protein trong nước tiểu	Test	Mẫu đo: Nước tiểu, CSF. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: giới hạn dưới $\leq 0,01$ g/L và giới hạn trên ≥ 2 g/L. Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$. Độ chụm toàn phần: $CV \leq 10\%$.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
77	PP26 0008 1788	Hóa chất định lượng Albumin	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: giới hạn dưới ≤ 15 g/L và giới hạn trên ≥ 60 g/L. Độ lặp lại: $CV \leq 3\%$. Độ chụm toàn phần: $CV \leq 3\%$.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
78	PP26 0008 1789	Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin BCG	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới $\leq 0,3$ g/dL và giới hạn trên ≥ 9 g/dL. Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,3$ g/dL.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
79	PP26 0008 1790	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới ≤ 1 g/dL và giới hạn trên ≥ 6 g/dL (10–60 g/L). LoD: 0,0 g/dL (0 g/L).	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
80	PP26 0008 1791	Hóa chất xét nghiệm Albumin	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới $\leq 0,1$ g/dL và giới hạn trên ≥ 7 g/dL. LoD: $\leq 0,1$ g/dL.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
81	PP26 0008 1792	Bộ thuốc thử xét nghiệm định lượng albumin			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải.
81.1		Thuốc thử xét nghiệm định lượng albumin	Test	Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm đo màu. Khoảng đo có giới hạn dưới ≤ 3 g/L và giới hạn trên ≥ 100 g/L (huyết thanh/huyết tương). Thành phần chứa tối thiểu: Đệm Citrate; xanh bromcresol; chất ổn định; chất bảo quản.	- Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
81.2		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng albumin, α 1-microglobulin, IgG, protein	Hộp	Thành phần phản ứng: Đệm HEPES, chất phụ gia hóa học và vật liệu có nguồn gốc sinh học. Thành phần không phản ứng: Chất bảo quản và chất ổn định.	tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
82	PP26 0008 1793	Bộ hóa chất định lượng Microalbumin			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU.
82.1		Hóa chất định lượng Microalbumin	Test	Phương pháp: Đo độ đục miễn dịch. Mẫu đo: Nước tiểu, Dịch não tủy. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: giới hạn dưới ≤ 1 mg/dL và giới hạn trên ≥ 45 mg/dL. Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$. Độ chụm toàn phần: $CV \leq 10\%$.	- Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
82.2		Chất hiệu chuẩn albumin trong nước tiểu/dịch não tủy	Hộp	Thành phần tối thiểu bao gồm: Albumin người và Natri azide, có tối thiểu 5 mức nồng độ.	
83	PP26 0008 1794	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng Microalbumin			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU.
83.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng Microalbumin	Test	Mẫu đo: Nước tiểu. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới ≤ 5 μ g/mL và giới hạn trên ≥ 500 μ g/mL. Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,4$ μ g/mL.	- Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
83.2		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Microalbumin	Hộp	Mẫu chuẩn 5 nồng độ khác nhau, có chứa albumin huyết thanh người. Chất bảo quản: natri azide.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
83.3		Chất kiểm chứng xét nghiệm định lượng Microalbumin	Hộp	Mẫu chứng 2 nồng độ khác nhau có chứa albumin huyết thanh người. Chất bảo quản: natri azide.	
84	PP26 0008 1795	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng Microalbumin			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
84.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng Microalbumin	Test	Mẫu đo: Nước tiểu. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới $\leq 0,3$ mg/dL và giới hạn trên ≥ 38 mg/dL (3–380 mg/L). LoD: $\leq 0,1$ mg/dL (1 mg/L).	
84.2		Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm định lượng Microalbumin	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: Albumin huyết thanh người trong dung dịch đệm; natri azit	
85	PP26 0008 1796	Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm nước tiểu	Hộp	Dùng được cho tối thiểu các xét nghiệm sau: amylase, creatinine, microalbumin. Dạng lỏng, thành phần từ nước tiểu người, amylase nước bọt người. Quy cách: Hộp/6x15mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
86	PP26 0008 1797	Bộ hóa chất định lượng Pre-albumin			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
86.1		Hóa chất định lượng Pre-albumin	Test	Phương pháp: miễn dịch đo độ đục. Mẫu đo: Huyết thanh. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: giới hạn dưới $\leq 0,05$ g/L và giới hạn trên $\geq 0,8$ g/L. Độ lặp lại: $CV \leq 3\%$. Độ chụm toàn phần: $CV \leq 5\%$.	- Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
86.2		Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Prealbumin	Hộp	Thành phần: Chất nền huyết thanh người dạng lỏng chứa prealbumin, tối thiểu 5 mức nồng độ.	
87	PP26 0008 1798	Hóa chất xét nghiệm Pre Albumin	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo: có giới hạn dưới ≤ 3 mg/ dL và giới hạn trên ≥ 70 mg/dL $CV < 4\%$.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
88	PP26 0008 1799	Hóa chất chuẩn cho các xét nghiệm định lượng Prealbumin	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: Protein có nguồn gốc từ huyết thanh người; natri azit. Quy cách: Hộp/6 x 1mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
89	PP26 0008 1800	Hóa chất định lượng Acid Uric	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương/nước tiểu. Phương pháp: Uricase. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: giới hạn dưới $\leq 90 \mu\text{mol/L}$ và giới hạn trên $\geq 1700 \mu\text{mol/L}$ (Huyết thanh, huyết tương). Độ lặp lại: $\text{CV} \leq 3\%$. Độ chụm toàn phần: $\text{CV} \leq 5\%$.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
90	PP26 0008 1801	Hóa chất xét nghiệm định lượng Axit Uric	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới $\leq 0,02 \text{ mmol/L}$ và giới hạn trên $\geq 2,2 \text{ mmol/L}$ (huyết thanh). Ngưỡng phát hiện (LOD) $\leq 0,02 \text{ mmol/L}$ (huyết thanh).	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
91	PP26 0008 1802	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng Uric Acid trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương/nước tiểu. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: Huyết thanh và huyết tương: có giới hạn dưới $\leq 0,5 \text{ mg/dL}$ và giới hạn trên $\geq 20 \text{ mg/dL}$ (30–1190 $\mu\text{mol/L}$). Nước tiểu: có giới hạn dưới $\leq 1 \text{ mg/dL}$ và giới hạn trên $\geq 180 \text{ mg/dL}$ (54–10.710 $\mu\text{mol/L}$). LoD: 0,0 mg/dL (0,0 $\mu\text{mol/L}$) đối với huyết thanh và huyết tương và $\leq 0,5 \text{ mg/dL}$ (30 $\mu\text{mol/L}$) đối với nước tiểu.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
92	PP26 0008 1803	Thuốc thử xét nghiệm định lượng acid uric	Test	Phương pháp xét nghiệm: Phương pháp đo màu sử dụng men. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,2$ mg/dL và giới hạn trên ≥ 25 mg/dL (huyết thanh/huyết tương). Thành phần chứa tối thiểu: Đệm phosphate; TOOS; fatty alcohol polyglycol ether; ascorbate oxidase; kali hexacyanoferrate (II); 4-aminophenazone; uricase; peroxidase; chất ổn định; chất bảo quản.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
93	PP26 0008 1804	Hóa chất xét nghiệm Acid Uric	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: giới hạn dưới $\leq 0,1$ mg/dL và giới hạn trên ≥ 100 mg/dL (Huyết thanh, huyết tương). Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
94	PP26 0008 1805	Hóa chất xét nghiệm CRP	Test	Phương pháp đo độ đục. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,01$ mg/L và giới hạn trên ≥ 30 mg/L. LoD: $\leq 0,01$ mg/L.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
95	PP26 0008 1806	Chất hiệu chuẩn CRP	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: huyết thanh người, sodium chloride, sodium azide. Quy cách: 6 x 1mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
96	PP26 0008 1807	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng CRP độ nhạy cao trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ.
96.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng CRP độ nhạy cao	Test	Phương pháp đo độ đục. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,16$ mg/L và giới hạn trên ≥ 9 mg/L, khoảng đo mở rộng đến 190 mg/L. LoD: $\leq 0,2$ mg/L.	- Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
96.2		Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm định lượng CRP độ nhạy cao	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: huyết thanh người đông khô.	
97	PP26 0008 1808	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng CRP trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
97.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng CRP	Test	Phương pháp đo độ đục miễn dịch nâng cao phân tử (PETIA). Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,05$ mg/dL và giới hạn trên ≥ 25 mg/dL (0,5–250 mg/L). LoD: $\leq 0,05$ mg/dL (mg/L).	
97.2		Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm định lượng CRP	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: Albumin huyết thanh bò dùng cho mức chuẩn 1; huyết thanh nền từ người bình thường dùng cho các mức chuẩn 2–5.	
98	PP26 0008 1809	Bộ hóa chất định lượng CRP			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
98.1		Hóa chất định lượng CRP	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: - Bình thường: giới hạn dưới $\leq 0,2$ mg/L và giới hạn trên ≥ 450 mg/L; - Độ nhạy cao: giới hạn dưới $\leq 0,1$ mg/L và giới hạn trên ≥ 80 mg/L; Độ lặp lại: $CV \leq 6\%$. Độ chụm toàn phần: $CV \leq 10\%$.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
98.2		Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP thường	Hộp	Thành phần: Huyết thanh người dạng lỏng có chứa CRP người, gồm nhiều mức nồng độ.	
98.3		Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm CRP	Hộp	Thành phần bao gồm: Chất nền huyết thanh người dạng lỏng có chứa các lượng khác nhau của CRP người, chứa tối thiểu 2 mức nồng độ.	
99	PP26 0008 1810	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng hsCRP trên hệ thống tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
99.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng C- Reactive Protein Vario	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Đo được 2 khoảng đo. Khoảng đo độ nhạy cao (High Sensitivity) có giới hạn dưới $\leq 0,04$ mg/dL và giới hạn trên ≥ 16 mg/dL. Khoảng đo khoảng rộng (Wide Range) có giới hạn dưới $\leq 0,1$ mg/dL và giới hạn trên ≥ 48 mg/dL. Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,04$ mg/dL.	
99.2		Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm C-Reactive Protein có độ nhạy cao	Hộp	Có chứa CRP trong huyết thanh người và natri azide.	
99.3		Chất kiểm chứng cho xét nghiệm C-Reactive Protein có độ nhạy cao	Hộp	Thành phần tối thiểu có chứa CRP trong huyết thanh người, natri azide.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
100	PP26 0008 1811	Bộ thuốc thử xét nghiệm định lượng CRP độ nhạy cao			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
100.1		Thuốc thử xét nghiệm định lượng CRP độ nhạy cao	Test	Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm vi hạt đo độ đục miễn dịch tăng cường. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,15$ mg/L và giới hạn trên ≥ 10 mg/L. Thành phần chứa tối thiểu: Đệm TRIS với albumin huyết thanh bò và globulin miễn dịch (chuột); Hạt latex phủ kháng thể kháng CRP (chuột) trong đệm glycine; chất bảo quản.	
100.2		Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng CRP mức bình thường	Hộp	Thành phần phản ứng: Huyết thanh người với phụ gia hóa học và nguyên liệu có nguồn gốc sinh học. Nguồn gốc các chất sinh học thêm vào như sau: Chất phân tích CRP, nguồn gốc người. Thành phần không phản ứng: Chất bảo quản và chất ổn định.	
101	PP26 0008 1812	Chất hiệu chuẩn C-Reactive Protein	Hộp	Mẫu chuẩn theo phương pháp dải rộng có chứa CRP trong huyết thanh người. Quy cách: Hộp/6x2mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
102	PP26 0008 1813	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP có độ nhạy cao	Hộp	Thành phần: Huyết thanh người dạng lỏng có chứa CRP người, gồm nhiều mức nồng độ. Dùng hiệu chuẩn xét nghiệm CRP độ nhạy cao, phương pháp miễn dịch đo độ đục. Quy cách: Hộp/5x2ml	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
103	PP26 0008 1814	Chất kiểm chứng CRP	Hộp	CRP có nguồn gốc từ huyết thanh người kết hợp với các chất ổn định. Quy cách: Hộp/2 x 1mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
104	PP26 0008 1815	Hóa chất xét nghiệm Amylase	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương/nước tiểu. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: giới hạn dưới ≤ 2 U/L và giới hạn trên ≥ 2000 U/L (Huyết thanh/huyết tương). Độ lặp lại: $CV \leq 10\%$.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
105	PP26 0008 1816	Hóa chất đo hoạt độ Amylase	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương/nước tiểu. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: giới hạn dưới ≤ 10 U/L và giới hạn trên ≥ 2000 U/L (Huyết thanh/huyết tương); giới hạn dưới ≤ 5 U/L và giới hạn trên ≥ 4800 U/L (nước tiểu). Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$. Độ chụm toàn phần: $CV \leq 10\%$.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
106	PP26 0008 1817	Hóa chất xét nghiệm Amylase	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới ≤ 5 U/L và giới hạn trên ≥ 3300 U/L. Ngưỡng phát hiện (LOD): ≤ 1 U/L.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
107	PP26 0008 1818	Hóa chất xét nghiệm định lượng Amylase	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương/nước tiểu. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới ≤ 20 U/L và giới hạn trên ≥ 1500 U/L. LoD: ≤ 7 U/L đối với huyết thanh, huyết tương và ≤ 9 U/L đối với nước tiểu.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
108	PP26 0008 1819	Thuốc thử xét nghiệm định lượng α -amylase	Test	Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm đo màu sử dụng men. Khoảng đo có giới hạn dưới ≤ 3 U/L và giới hạn trên ≥ 1500 U/L. Thành phần chứa tối thiểu: HEPES; natri chloride; calcium chloride; magnesium chloride; α-glucosidase (vi khuẩn); ethylidene-G7-PNP; chất bảo quản; chất ổn định.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
109	PP26 0008 1820	Hóa chất chuẩn cho các xét nghiệm định lượng Amylase, Lactate	Hộp	Mục đích sử dụng: dùng hiệu chuẩn xét nghiệm Lactate, Amylase. Thành phần tối thiểu chứa: Huyết thanh người đông khô. Quy cách: Hộp/10 x 5mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
110	PP26 0008 1821	Hóa chất xét nghiệm ALP	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: giới hạn dưới ≤ 1 U/L và giới hạn trên ≥ 1000 U/L. Độ lặp lại: CV ≤ 10 %.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
111	PP26 0008 1822	Hóa chất đo hoạt độ ALP (Alkaline Phosphatase)	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: giới hạn dưới ≤ 5 U/L và giới hạn trên ≥ 1500 U/L. Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$. Độ chụm toàn phần: $CV \leq 10\%$.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
112	PP26 0008 1823	Hóa chất xét nghiệm ALP	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới ≤ 10 U/L và giới hạn trên ≥ 4500 U/L. Ngưỡng phát hiện (LOD): ≤ 2 U/L.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
113	PP26 0008 1824	Hóa chất xét nghiệm định lượng Alkaline Phosphatase	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới ≤ 10 U/L và giới hạn trên ≥ 1000 U/L. LoD: $\leq 0,4$ U/L. LoQ: $\leq 6,2$ U/L.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
114	PP26 0008 1825	Thuốc thử xét nghiệm định lượng alkaline phosphatase	Test	Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm đo màu. Khoảng đo có giới hạn dưới ≤ 5 U/L và giới hạn trên ≥ 1200 U/L. Thành phần chứa tối thiểu: 2-amino-2-methyl-1-propanol; magnesium acetate; kẽm sulfate; N-(2-hydroxyethyl)-ethylenediamine triacetic acid; p-nitrophenyl-phosphate; chất bảo quản.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
115	PP26 0008 1826	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm định lượng Alkaline Phosphatase	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: huyết thanh người. Quy cách: Hộp/6 x 1mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
116	PP26 0008 1827	Hóa chất xét nghiệm LDH	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: giới hạn dưới ≤ 3 U/L và giới hạn trên ≥ 1000 U/L. Độ lặp lại: $CV \leq 10\%$.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
117	PP26 0008 1828	Hóa chất đo hoạt độ LDH	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: giới hạn dưới ≤ 25 U/L và giới hạn trên ≥ 1200 U/L. Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$. Độ chụm toàn phần: $CV \leq 10\%$.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
118	PP26 0008 1829	Thuốc thử xét nghiệm định lượng lactate dehydrogenase	Test	Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm UV. Khoảng đo có giới hạn dưới ≤ 10 U/L và giới hạn trên ≥ 1000 U/L. Thành phần chứa tối thiểu: N-methylglucamine; lithium lactate; NAD; chất ổn định; chất bảo quản.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
119	PP26 0008 1830	Hóa chất định lượng Sắt	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: giới hạn dưới ≤ 2 $\mu\text{mol/L}$ và giới hạn trên ≥ 175 $\mu\text{mol/L}$. Độ lặp lại: $CV \leq 3\%$. Độ chụm toàn phần: $CV \leq 5\%$.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
120	PP26 0008 1831	Hóa chất xét nghiệm định lượng Sắt	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới $\leq 7 \mu\text{g/dL}$ và giới hạn trên $\geq 1100 \mu\text{g/dL}$. Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 4 \mu\text{g/dL}$.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
121	PP26 0008 1832	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng Iron trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp	Test	Phương pháp đo quang. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 5 \mu\text{g/dL}$ và giới hạn trên $\geq 1000 \mu\text{g/dL}$ (0,9–179 $\mu\text{mol/L}$). LoD: $\leq 4 \mu\text{g/dL}$ (0,7 $\mu\text{mol/L}$). LoQ: $\leq 5 \mu\text{g/dL}$ (0,9 $\mu\text{mol/L}$).	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
122	PP26 0008 1833	Thuốc thử xét nghiệm định lượng sắt	Test	Phương pháp xét nghiệm: Phương pháp đo màu. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 1 \mu\text{mol/L}$ và giới hạn trên $\geq 150 \mu\text{mol/L}$. Thành phần chứa tối thiểu: Acid citric; thiourea; chất tẩy; Natri ascorbate; FerroZine; chất bảo quản.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
123	PP26 0008 1834	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng Transferrin			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU.
123.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng Transferrin	Test	Khoảng đo có giới hạn dưới ≤ 20 mg/dL và giới hạn trên tương đương nồng độ cao nhất của mẫu chuẩn. Ngưỡng phát hiện (LOD): ≤ 4 mg/dL	- Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS
123.2		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Transferrin	Hộp	Mẫu chuẩn được điều chế từ IgA, IgG, IgM, C3, C4, haptoglobin người, và các phân transferrin trong huyết thanh người. Chất bảo quản: natri azide.	- Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
124	PP26 0008 1835	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng Transferrin trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới ≤ 1 mg/dL và giới hạn trên ≥ 440 mg/dL (0,01–4,4 g/L). LoD: ≤ 1 mg/dL (0,01 g/L).	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
125	PP26 0008 1836	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Transferrin	Test	Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm đo độ đục miễn dịch. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,1$ g/L và giới hạn trên ≥ 5 g/L. Thành phần chứa tối thiểu: Đệm phosphate, NaCl, polyethylene glycol, Kháng thể kháng transferrin người (thỏ), chất bảo quản.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
					tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
126	PP26 0008 1837	Hóa chất định lượng Transferrin	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp: đo độ đục miễn dịch. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: giới hạn dưới ≤ 1 g/L và giới hạn trên ≥ 7 g/L. Độ lặp lại: $CV \leq 3\%$. Độ chụm toàn phần: $CV \leq 5\%$.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
127	PP26 0008 1838	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Transferrin	Hộp	Thành phần phản ứng: thụ thể Transferrin hòa tan trong huyết thanh người. Thành phần không phản ứng: chất bảo quản và chất ổn định. Quy cách: 3 x 1mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
128	PP26 0008 1839	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng Ferritin			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU.
128.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng Ferritin	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới ≤ 2 ng/mL và giới hạn trên ≥ 1600 ng/mL. Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 1,5$ ng/mL.	- Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
128.2		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Ferritin	Hộp	2 Mẫu chuẩn có thành phần ferritin (từ lá lách người) được điều chế trong dung dịch đệm phosphate với chất ổn định protein.	xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
129	PP26 0008 1840	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ferritin	Test	Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm vi hạt đo độ đục miễn dịch tăng cường. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 5 \mu\text{g/L}$ và giới hạn trên $\geq 1000 \mu\text{g/L}$. Thành phần chứa tối thiểu: Đệm TRIS; globulin miễn dịch (thỏ); Hỗn hợp nước chứa các hạt latex phủ kháng thể kháng ferritin người (thỏ); chất bảo quản, chất ổn định.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
130	PP26 0008 1841	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng Ferritin	Test	Phương pháp hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,5 \text{ ng/mL}$ và giới hạn trên $\geq 1650 \text{ ng/mL}$ (1,1–3630 pmol/L). LoD: $\leq 0,7 \text{ ng/mL}$ (1,5 pmol/L). LoD: $\leq 0,9 \text{ ng/mL}$ (2 pmol/L).	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
131	PP26 0008 1842	Hóa chất định lượng Ferritin	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp: đo độ đục miễn dịch. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: giới hạn dưới ≤ 10 $\mu\text{g/L}$ và giới hạn trên ≥ 450 $\mu\text{g/L}$. Độ lặp lại: $\text{CV} \leq 5\%$. Độ chụm toàn phần: $\text{CV} \leq 7\%$.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
132	PP26 0008 1843	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Ferritin	Hộp	Huyết thanh người chứa Ferritin với 2 khoảng nồng độ. Quy cách: 4 x 1mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
133	PP26 0008 1844	Chất hiệu chuẩn Ferritin	Hộp	Dạng bột đông khô. Thành phần sau khi hoàn nguyên có nồng độ ferritin cao hoặc thấp; chất đệm; chất ổn định protein; natri azit; chất bảo quản. Quy cách: Hộp/2 x 2 x 5mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
134	PP26 0008 1845	Thuốc thử xét nghiệm UIBC	Test	Thành phần chứa tối thiểu: sắt chloride, natri hydrogen carbonate, đệm TRIS, chất bảo quản, FerroZine, hydroxylamine. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 3 \mu\text{mol/L}$ và giới hạn trên $\geq 125 \mu\text{mol/L}$.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
135	PP26 0008 1846	Hóa chất định lượng UIBC	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: giới hạn dưới $\leq 10 \mu\text{mol/L}$ và giới hạn trên $\geq 100 \mu\text{mol/L}$. Độ lặp lại: $\text{CV} \leq 3,0\%$. Độ chụm toàn phần: $\text{CV} \leq 5,0\%$.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
136	PP26 0008 1847	Hóa chất xét nghiệm định lượng Axit Lactic	Test	Mẫu đo: Huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới $\leq 2 \text{ mg/dL}$ và giới hạn trên $\geq 120 \text{ mg/dL}$. Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,5 \text{ mg/dL}$.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
137	PP26 0008 1848	Thuốc thử xét nghiệm Lactat	Test	Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm đo màu. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,2$ mmol/L và giới hạn trên ≥ 15 mmol/L. Thành phần tối thiểu chứa: Hydrogen donor, ascorbate oxidase (đưa chuột), 4-aminoantipyrine, lactate oxidase (vi khuẩn), peroxidase (củ cải), đệm, chất bảo quản.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
138	PP26 0008 1849	Hóa chất định lượng Lactat (Acid Lactic)	Test	Mẫu đo: Huyết tương/Dịch não tủy. Phương pháp: Enzymatic. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: giới hạn dưới $\leq 0,3$ mmol/L và giới hạn trên ≥ 13 mmol/L. Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$. Độ chụm toàn phần: $CV \leq 5\%$.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
139	PP26 0008 1850	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng Lactate trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương/dịch não tủy. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới $\leq 1,8$ mg/dL và giới hạn trên ≥ 140 mg/dL (0,2–15,54 mmol/L). LoD: $\leq 1,7$ mg/dL (0,19 mmol/L). LoQ: $\leq 1,8$ mg/dL (0,2 mmol/L).	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
140	PP26 0008 1851	Hóa chất xét nghiệm định lượng Ammonia trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp	Test	Mẫu đo: Huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới $\leq 20 \mu\text{g/dL}$ và giới hạn trên $\geq 1250 \mu\text{g/dL}$. LoD: $\leq 11 \mu\text{g/dL}$ ($6 \mu\text{mol/L}$). LoQ: $\leq 17 \mu\text{g/dL}$ ($10 \mu\text{mol/L}$).	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
141	PP26 0008 1852	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng Ammonia			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ.
141.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng Ammonia	Test	Mẫu đo: Huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới $\leq 25 \mu\text{g/dL}$ và giới hạn trên $\geq 1700 \mu\text{g/dL}$. Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 15 \mu\text{g/dL}$.	- Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
141.2		Chất chứng xét nghiệm Ammonia	Hộp	Mẫu chứng 3 nồng độ được điều chế bằng ammonium sulfate trong huyết thanh người. Quy cách: Hộp/3x5mL	
142	PP26 0008 1853	Bộ thuốc thử xét nghiệm định lượng ammonia			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải.
142.1		Thuốc thử xét nghiệm định lượng ammonia	Test	Phương pháp xét nghiệm: Phương pháp men, sử dụng glutamate dehydrogenase. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 10 \mu\text{mol/L}$ và giới hạn trên $\geq 1000 \mu\text{mol/L}$. Thành phần tối thiểu chứa: đệm BICINE, GLDH (vi khuẩn), 2-oxoglutarate, NADPH, chất tẩy, chất bảo quản, chất ổn định.	- Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
					- Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
142.2		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Ammonia, ethanol, CO2	Hộp	Thành phần phản ứng chứa tối thiểu: Dung dịch đệm nước chứa ammonia, ethanol và natri bicarbonate.	
142.3		Vật liệu kiểm soát xét nghiệm Ammonia, ethanol, CO2 ngưỡng bình thường	Hộp	Nồng độ mẫu chứng ở ngưỡng bình thường. Thành phần phản ứng chứa tối thiểu: dung dịch đệm nước chứa ammonia, ethanol và natri bicarbonate.	
143	PP26 0008 1854	Bộ hóa chất dùng cho xét nghiệm Ethanol			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
143.1		Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ethanol	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Giới hạn tuyến tính ≥ 300 mg/dL. Thành phần tối thiểu chứa: NAD, ADH, đệm PIPES; Chế độ đo thời điểm cố định.	
143.2		Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: amoniac, ethanol, natri hydrocarbonat.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
143.3		Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: amoniac, ethanol, natri hydrocarbonat.	
144	PP26 0008 1855	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ethanol	Test	Phương pháp men sử dụng alcohol dehydrogenase. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 2,5$ mmol/L và giới hạn trên ≥ 100 mmol/L. Thành phần tối thiểu chứa: NAD (nấm men), ADH, đệm, chất ổn định, chất bảo quản.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
145	PP26 0008 1856	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: amoniac, ethanol, natri hydrocarbonat. Quy cách: 2x5mL/Hộp	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
146	PP26 0008 1857	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm Ammonia, ethanol, CO2 ngưỡng bệnh lý	Hộp	Nồng độ mẫu chứng ở ngưỡng bệnh lý. Thành phần phản ứng chứa tối thiểu: Dung dịch đệm nước chứa ammonia, ethanol và natri bicarbonate. Quy cách: Hộp/ 5 x 4mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
147	PP26 0008 1858	Hóa chất xét nghiệm định lượng Rheumatoid Factor	Test	Mẫu đo: Huyết thanh. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới $\leq 3,5$ IU/mL và giới hạn trên ≥ 90 IU/mL. LoD: $\leq 3,5$ IU/mL.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
148	PP26 0008 1859	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng Rheumatoid factor			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ.
148.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng Rheumatoid factor	Test	Mẫu đo: Huyết thanh. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới ≤ 20 IU/mL và giới hạn trên ≥ 200 IU/mL. Ngưỡng phát hiện (LOD) ≤ 10 IU/mL.	- Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
148.2		Chất hiệu chuẩn Rheumatoid factor	Hộp	Mẫu chuẩn có nguồn gốc từ người.	tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
148.3		Chất kiểm chứng ASO- RF mức 1	Hộp	Mẫu chứng RF nồng độ thấp có nguồn gốc từ người.	
148.4		Chất kiểm chứng ASO- RF mức 2	Hộp	Mẫu chứng RF nồng độ cao có nguồn gốc từ người.	
149	PP26 0008 1860	Bộ hóa chất xét nghiệm RF			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
149.1		Thuốc thử xét nghiệm RF	Test	Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm đo độ đục miễn dịch. Khoảng đo có giới hạn dưới ≤ 10 IU/mL và giới hạn trên ≥ 130 IU/mL. Thành phần tối thiểu chứa: đệm glycine, polyethylene glycol, albumin huyết thanh bò, chất ổn định, chất bảo quản, vi hạt latex phủ IgG người.	
149.2		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm RF	Hộp	Thành phần phản ứng: RF trong huyết thanh người. Thành phần không phản ứng: Đệm HEPES, albumin huyết thanh bò, natri chloride, chất bảo quản.	
149.3		Chất chứng xét nghiệm RF	Hộp	Thành phần phản ứng: Huyết thanh người với phụ gia hóa học, chất phân tích RF, nguồn gốc người. Thành phần không phản ứng: Đệm HEPES, albumin huyết thanh bò, natri chloride, chất bảo quản.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
150	PP26 0008 1861	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ASO	Test	Mẫu đo: Huyết thanh. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: giới hạn dưới ≤ 100 IU/mL và giới hạn trên ≥ 1000 IU/mL. Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$. Độ chụm toàn phần: $CV \leq 10\%$.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
151	PP26 0008 1862	Bộ xét nghiệm ADA			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU.
151.1		Hóa chất dùng cho xét nghiệm ADENOSINE DEAMINASE (ADA)	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/dịch màng phổi. Giới hạn tuyến tính ≥ 150 U/L.	- Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ.
151.2		Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm ADA	Hộp	Thành phần: chứa ADA bò, dạng bột đông khô.	- Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
151.3		Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm ADA mức 1 và 2	Hộp	Gồm 2 mức nồng độ, chứa ADA bò, dạng bột đông khô.	
152	PP26 0008 1863	Sinh phẩm, vật tư sử dụng cho máy sinh hóa, miễn dịch tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
152.1		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng prealbumin, antistreptolysin O, ceruloplasmin	Hộp	Thành phần phản ứng trong chất đông khô: Huyết thanh người với phụ gia hóa học và nguyên liệu có nguồn gốc sinh học. Thành phần không phản ứng: Chất bảo quản và chất ổn định. Quy cách: 3 x 1mL	- Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
152.2		Vật liệu kiểm soát xét nghiệm sinh hóa mức bình thường	Hộp	Mẫu chứng đông khô lấy từ huyết thanh người. Thành phần phản ứng trong chất đông khô: Huyết thanh người với phụ gia hóa học và nguyên liệu có nguồn gốc sinh học. Thành phần không phản ứng trong chất đông khô: Chất ổn định. Quy cách: 4 x 5mL	
152.3		Vật liệu kiểm soát xét nghiệm sinh hóa mức bệnh lý	Hộp	Mẫu chứng đông khô lấy từ huyết thanh người. Thành phần phản ứng trong chất đông khô: Huyết thanh người với phụ gia hóa học và nguyên liệu có nguồn gốc sinh học. Thành phần không phản ứng trong chất đông khô: Chất ổn định. Quy cách: 4 x 5mL	
152.4		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm sinh hóa	Hộp	Thành phần phản ứng trong chất đông khô: Huyết thanh người với phụ gia hóa học và vật liệu có nguồn gốc sinh học. Quy cách: 12 x 3mL	
152.5		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng apolipoprotein A-1, apolipoprotein B, HDL-Cholesterol, LDL-Cholesterol	Hộp	Thành phần phản ứng trong chất đông khô: Huyết thanh người với phụ gia hóa học. Thành phần không phản ứng: Chất bảo quản và chất ổn định. Quy cách: 3 x 1mL	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
152.6		Dung dịch rửa có tính acid cho công phản ứng	Hộp	Thành phần: Acid citric monohydrate; đệm; chất tẩy. Quy cách: 2 x 2L	
152.7		Dung dịch rửa NaOH cho kim hút thuốc thử và công phản ứng	Hộp	Dung dịch NaOH 1 mol/L ($\pm 0,01$) khoảng 4%, chất tẩy rửa. Quy cách: 123mL	
152.8		Hộp dung dịch rửa kim hút thuốc thử	Hộp	Dung dịch HCl 200 mmol/L ($\pm 0,1$). Quy cách: 123mL	
152.9		Dung dịch pha loãng xét nghiệm sinh hóa	Hộp	Chứa nước muối NaCl $\leq 9\%$. Quy cách: 123mL	
152.10		Dung dịch rửa có tính kiềm cho công phản ứng và cho các kim hút mẫu	Hộp	Dung dịch natri hydroxide 1mol/L ($\pm 0,01$). Quy cách: 2 x 1,8L	
152.11		Phụ gia thêm vào buồng phản ứng sử dụng trong máy xét nghiệm sinh hóa	Hộp	Chất phụ gia thêm vào buồng phản ứng để làm giảm sức căng bề mặt, giảm sự tạo thành các bọt bong bóng làm nhiễu kết quả quang phổ. Thành phần tối thiểu chứa: 1-decanaminium. Quy cách: 40mL	
152.12		Hóa chất rửa kim hút mẫu	Hộp	Thành phần gồm tối thiểu đệm và chất tẩy. Quy cách: 12 x 20mL	
152.13		Cốc phản ứng	Cái	Một hộp chứa nhỏ (cốc) dùng để chứa mẫu thử, vật liệu chứng và mẫu chuẩn.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
152.14		Cóng phản ứng	Cái	Cóng phản ứng dùng cho hệ thống xét nghiệm sinh hóa.	
152.15		Bóng đèn halogen	Cái	Bóng đèn nguồn sáng halogen 12V/50W.	
152.16		Đầu côn hút mẫu	Hộp	Vật tư tiêu hao trên máy phân tích miễn dịch. Quy cách: 36 x (105 tip + 105 cup) + 3 hộp giấy thải	
152.17		Dung dịch pha loãng mẫu	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: Đệm huyết thanh ngựa trong chất bảo quản. Quy cách: 36mL	
152.18		Dung dịch pha loãng chung	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: Hỗn hợp protein trong chất bảo quản. Quy cách: 36mL	
152.19		Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm miễn dịch dấu ấn ung thư	Hộp	Huyết thanh chứng đông khô lấy từ huyết thanh người, có 2 khoảng nồng độ khác nhau. Quy cách: 4 x 3mL	
152.20		Chất kiểm chuẩn cho đa xét nghiệm miễn dịch	Hộp	Huyết thanh chứng đông khô lấy từ hỗn hợp huyết thanh ngựa với 2 khoảng nồng độ. Quy cách: 6 x 2mL	
152.21		Dung dịch rửa dùng cho các xét nghiệm miễn dịch	Hộp	Dung dịch hệ thống rửa điện cực xét nghiệm miễn dịch. Quy cách: 2 x 2L	
152.22		Dung dịch rửa dùng để loại bỏ các chất có tiềm năng gây nhiễu việc phát hiện các tín hiệu	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: Đệm phosphate; natri chloride; chất tẩy $\leq 0,1\%$; chất bảo quản; pH ≤ 7 . Quy cách: 5 x 600mL	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
152.23		Nước rửa kim hút thuốc thử	Hộp	Thành phần chứa tối thiểu KOH 176 mmol/l và chất tẩy $\leq 1\%$. Quy cách: 12 x 70mL	
153	PP26 0008 1864	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng beta-hydroxybutyrat	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phạm vi phân tích: giới hạn dưới $\leq 0,02$ mmol/L và giới hạn trên ≥ 8 mmol/L.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
154	PP26 0008 1865	Hóa chất đo hoạt độ Cholinesterase (ChE)	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: giới hạn dưới ≤ 1 kU/L và giới hạn trên ≥ 15 kU/L. Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$. Độ chụm toàn phần: $CV \leq 10\%$.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
155	PP26 0008 1866	Hóa chất định lượng Calci toàn phần	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: giới hạn dưới ≤ 1 mmol/L và giới hạn trên ≥ 5 mmol/L. Độ lặp lại: $CV \leq 3\%$. Độ chụm toàn phần: $CV \leq 4\%$.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
156	PP26 0008 1867	Thuốc thử xét nghiệm định lượng calci	Test	Thành phần chứa tối thiểu: CAPSO; NM-BAPTA; chất hoạt động bề mặt không phản ứng; EDTA; chất bảo quản. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,2$ mmol/L và giới hạn trên ≥ 5 mmol/L (huyết thanh/huyết tương).	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
157	PP26 0008 1868	Thuốc thử xét nghiệm định lượng phospho	Test	Thành phần chứa tối thiểu: acid sulfuric; chất tẩy; Ammonium Molybdate; natri chloride. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,1$ mmol/L và giới hạn trên ≥ 6 mmol/L (huyết thanh/huyết tương).	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
					- Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
158	PP26 0008 1869	Hóa chất định lượng Phospho vô cơ	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp: đo quang UV. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: giới hạn dưới $\leq 0,5$ mmol/L và giới hạn trên ≥ 6 mmol/L. Độ lặp lại: $CV \leq 3\%$. Độ chụm toàn phần: $CV \leq 5\%$.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
159	PP26 0008 1870	Hóa chất xét nghiệm Phospho	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới $\leq 0,4$ mmol/L và giới hạn trên ≥ 6 mmol/L.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
160	PP26 0008 1871	Thuốc thử xét nghiệm định lượng magnesium	Test	Phương pháp xét nghiệm: Phương pháp đo màu điểm cuối. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,1$ mmol/L và giới hạn trên ≥ 2 mmol/L (huyết thanh/huyết tương). Thành phần chứa tối thiểu: Đệm TRIS; EGTA; Xanh xylidyl; chất tẩy; chất bảo quản.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
161	PP26 0008 1872	Hóa chất định lượng Mg	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp: Xylidyl Blue. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: giới hạn dưới $\leq 0,2$ mmol/L và giới hạn trên ≥ 3 mmol/L. Độ lặp lại CV $\leq 3\%$. Độ chụm toàn phần CV $\leq 5\%$.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
162	PP26 0008 1873	Hóa chất đo hoạt độ CK (Creatine kinase)	Test	Mẫu đo: Huyết thanh. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: giới hạn dưới ≤ 10 U/L và giới hạn trên ≥ 2000 U/L. Độ lặp lại: CV $\leq 5\%$. Độ chụm toàn phần: CV $\leq 10\%$.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
163	PP26 0008 1874	Thuốc thử xét nghiệm định lượng creatine kinase (CK)	Test	Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm UV. Khoảng đo có giới hạn dưới ≤ 7 U/L và giới hạn trên ≥ 2000 U/L. Thành phần chứa tối thiểu: Đệm Imidazole; EDTA; Mg²⁺; ADP; AMP; diadenosine pentaphosphate; NADP⁺ (nấm men); N-acetylcysteine; HK (nấm men); G6PDH (E. coli); chất phụ gia; Đệm CAPSO; glucose; creatine phosphate; chất bảo quản; chất ổn định.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
164	PP26 0008 1875	Hóa chất xét nghiệm CK	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: giới hạn dưới ≤ 10 U/L và giới hạn trên ≥ 2000 U/L. Độ lặp lại: CV $\leq 5\%$.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
165	PP26 0008 1876	Bộ thuốc thử xét nghiệm creatine kinase MB			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
165.1		Thuốc thử xét nghiệm định lượng hoạt tính xúc tác của tiểu đơn vị creatine kinase MB	Test	Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm UV miễn dịch. Khoảng đo có giới hạn dưới ≤ 3 U/L và giới hạn trên ≥ 2000 U/L. Thành phần chứa tối thiểu: Đệm Imidazole; EDTA; Mg^{2+} ; ADP; AMP; diadenosine pentaphosphate; NADP (nấm men); N-acetylcysteine; HK (nấm men); G6P-DH (E. coli); Đệm CAPSO ; glucose; EDTA; creatine phosphate; 4 kháng thể đơn dòng kháng CK-M (chuột); chất bảo quản; chất ổn định; chất phụ gia.	hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu.- Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
165.2		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng hoạt tính xúc tác của tiểu đơn vị creatine kinase MB	Hộp	Thành phần phản ứng trong chất đông khô: Albumin huyết thanh bò với chất phụ gia hóa học và nguyên liệu có nguồn gốc sinh học. Nguồn gốc các chất sinh học thêm vào như sau: Chất phân tích CK-MM, nguồn gốc người; chất phân tích CK-MB, nguồn gốc người, tái tổ hợp. Thành phần không phản ứng: Chất ổn định.	
166	PP26 0008 1877	Bộ hóa chất đo hoạt độ CK-MB (Isozym MB of Creatine kinase)			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm
166.1		Hóa chất đo hoạt độ CK-MB (Isozym MB of Creatine kinase)	Test	Mẫu đo: Huyết thanh. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: giới hạn dưới ≤ 10 U/L và giới hạn trên ≥ 2000 U/L. Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$. Độ chụm toàn phần: $CV \leq 7\%$.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
166.2		Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CK-MB	Hộp	Thành phần: Huyết thanh người đông khô chứa creatine kinase-MB isoenzyme. Quy cách: 1 x 1mL/Lọ	tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
166.3		Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho xét nghiệm CK-MB	Hộp	Thành phần: Huyết thanh người đông khô chứa creatine kinase-MB isoenzyme. Quy cách: Hộp/9 lọ x 2mL	
167	PP26 0008 1878	Hóa chất xét nghiệm CK-MB	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: giới hạn dưới ≤ 1 U/L và giới hạn trên ≥ 2000 U/L. Độ lặp lại: $CV \leq 10 \%$.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
168	PP26 0008 1879	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho xét nghiệm CK-MB	Lọ	Thành phần: Huyết thanh người đông khô chứa creatine kinase-MB isoenzyme.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
169	PP26 0008 1880	Thuốc thử xét nghiệm C3	Test	Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm đo độ đục miễn dịch. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,04$ g/L và giới hạn trên ≥ 5 g/L. Thành phần tối thiểu chứa: đệm TRIS, polyethylene glycol, kháng thể kháng C3c người (dê), chất bảo quản.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
170	PP26 0008 1881	Thuốc thử xét nghiệm C4	Test	Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm đo độ đục miễn dịch. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,02$ g/L và giới hạn trên ≥ 1 g/L. Thành phần tối thiểu chứa: đệm TRIS, polyethylene glycol, kháng thể kháng C4 người (dê), chất bảo quản.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
171	PP26 0008 1882	Thuốc thử xét nghiệm CO ₂	Test	Khoảng đo có giới hạn dưới ≤ 2 mmol/L và giới hạn trên ≥ 50 mmol/L. Thành phần tối thiểu chứa: Phosphoenolpyruvate, NADH, MDH, PEPC (vi khuẩn).	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
172	PP26 0008 1883	Thuốc thử xét nghiệm định lượng lipase	Test	Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm đo màu sử dụng men với ester 1,2-O-dilauryl-racglycero-3-glutaric acid-(6-methylresorufin) làm cơ chất. Khoảng đo có giới hạn dưới ≤ 3 U/L và giới hạn trên ≥ 300 U/L. Thành phần chứa tối thiểu: Đệm BICIN ; colipase (tụy heo); Na-deoxycholate; calcium chloride; Đệm tartrate; 1,2-O-dilauryl-rac-glycero-3-glutaric acid-(6-methylresorufin) ester; taurodeoxycholate; chất tẩy; chất bảo quản.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
173	PP26 0008 1884	Hóa chất định lượng Lipase	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Khoảng đo/Dải đo/Phạm vi phân tích: có giới hạn dưới ≤ 5 U/L và giới hạn trên ≥ 300 U/L.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
174	PP26 0008 1885	Hóa chất xét nghiệm định lượng Apolipoprotein A-1 trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp	Test	Phương pháp đo độ đục miễn dịch tăng cường bằng polyethylene glycol (PEG). Khoảng đo có giới hạn dưới ≤ 15 mg/dL và giới hạn trên ≥ 200 mg/dL (0,15–2 g/L).LoD: ≤ 1 mg/dL (0,01 g/L).	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
175	PP26 0008 1886	Hóa chất xét nghiệm định lượng Apolipoprotein B trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp	Test	Phương pháp đo độ đục miễn dịch tăng cường bằng polyethylene glycol (PEG). Khoảng đo có giới hạn dưới ≤ 15 mg/dL và giới hạn trên ≥ 200 mg/dL (0,15–2 g/L). LoD: ≤ 2 mg/dL (0,02 g/L).	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
176	PP26 0008 1887	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm Protein đặc biệt nhóm 1	Hộp	Thành phần bao gồm tối thiểu huyết thanh người chứa: Immunoglobulin G, Immunoglobulin A, Immunoglobulin M, Transferrin, C3, C4, Anti-Streptolysin O, Ferritin. Quy cách: Hộp/6x2ml	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
177	PP26 0008 1888	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm Protein đặc biệt nhóm 2	Hộp	Thành phần bao gồm tối thiểu huyết thanh người chứa các protein: α -1 acidglycoprotein; α -1 antitrypsin; β -2 microglobulin; Ceruloplasmin; Haptoglobin. Quy cách: Hộp/5x2mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
178	PP26 0008 1889	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm sinh hóa nước tiểu thường quy	Hộp	Thành phần nước tiểu người chứa tối thiểu: Amylase, Calci, Glucose, Phospho vô cơ, Urê, Acid Uric, Creatinine, Magie. Quy cách: Hộp/6x8mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
179	PP26 0008 1890	Chất hiệu chuẩn chung cho xét nghiệm sinh hóa thường quy	Hộp	2 mẫu chuẩn Được chuẩn bị trong chất nền có nguồn gốc từ người, hiệu chuẩn tối thiểu các thông số sau: albumin, calcium, cholesterol, creatinine, glucose, iron (sắt), lactic acid, magnesium, phosphorus, protein toàn phần (từ albumin có nguồn gốc từ người), triglyceride, urea, uric acid. Quy cách: Hộp/6x2,9mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
180	PP26 0008 1891	Vật liệu hiệu chuẩn xét nghiệm sinh hóa chung	Hộp	Được điều chế từ huyết thanh người, phân tích được tối thiểu các thông số sau: albumin, calcium, cholesterol, creatinine, glucose, iron, lactic acid, phosphorus, total protein, triglyceride, urea nitrogen và uric acid. Dạng đông khô. Quy cách: Hộp/6x5mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
181	PP26 0008 1892	Chất kiểm chứng các xét nghiệm hoá sinh nồng độ thấp.	Hộp	Hoá chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch; Thành phần: Huyết thanh người chứa α -1 acidglycoprotein; Ferritin; α -1 antitrypsin; Haptoglobin; Anti-Streptolysin O; β -2 microglobulin; Globulin miễn dịch A; Globulin miễn dịch M; Globulin miễn dịch G; Ceruloplasmin; Bỏ thể 3 (C3); Prealbumin; Bỏ thể 4 (C4); Yếu tố dạng thấp; Protein phản ứng C (CRP); Transferrin. Quy cách: Hộp/6 lọ x 2mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
182	PP26 0008 1893	Chất kiểm chứng các xét nghiệm hoá sinh nồng độ trung bình	Hộp	Hoá chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch; Thành phần: Huyết thanh người chứa α -1 acidglycoprotein; Ferritin; α -1 antitrypsin; Haptoglobin; Anti-Streptolysin O; β -2 microglobulin; Globulin miễn dịch A; Globulin miễn dịch M; Globulin miễn dịch G; Ceruloplasmin; Bỏ thể 3 (C3); Prealbumin; Bỏ thể 4 (C4); Yếu tố dạng thấp; Protein phản ứng C (CRP); Transferrin Quy cách: Hộp/6 lọ x 2mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
183	PP26 0008 1894	Chất kiểm chứng các xét nghiệm hoá sinh nồng độ cao	Hộp	Hoá chất kiểm chứng mức 3 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch; Thành phần: Huyết thanh người chứa α -1 acidglycoprotein; Ferritin; α -1 antitrypsin; Haptoglobin; Anti-Streptolysin O; β -2 microglobulin; Globulin miễn dịch A; Globulin miễn dịch M; Globulin miễn dịch G; Ceruloplasmin; Bỏ thể 3 (C3); Prealbumin; Bỏ thể 4 (C4); Yếu tố dạng thấp; Protein phản ứng C (CRP); Transferrin Quy cách: Hộp/6 lọ x 2mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
184	PP26 0008 1895	Chất kiểm chứng các xét nghiệm hoá sinh nồng độ cao	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: human serum < 5%, sodium azide < 0,001%. Quy cách: 1 x 5mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
185	PP26 0008 1896	Nước rửa máy sinh hóa trong bảo dưỡng máy hàng ngày	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: Sodium hydroxide < 2%. Quy cách: 4 x 500mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
186	PP26 0008 1897	Hóa chất rửa máy sinh hóa có tính axit	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: Oxalic acid, methanol, glycolic acid, H ₂ O. Quy cách: 5 x 250mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
187	PP26 0008 1898	Hóa chất rửa máy sinh hóa có tính kiềm	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: Sodium hydroxide < 5%. Quy cách: 5 x 250mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
188	PP26 0008 1899	Dung dịch rửa, chất chuẩn dành cho các xét nghiệm sinh hóa, miễn dịch			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ.
188.1		Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa	Can	Thành phần chứa tối thiểu: Natri Hidroxit; Genapol X080; Axit Sulfonic, muối natri. Quy cách: 5lít/Can	- Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS
188.2		Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Hộp	Thành phần chứa tối thiểu: Huyết thanh người, các enzym từ người, động vật và thực vật. Quy cách: Hộp/20 lọ x 5mL	- Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu.
188.3		Dung dịch rửa	Hộp	Thành phần: Natri Hypochlorit có nồng độ trong phạm vi từ 5 đến 10%. Quy cách: Hộp/6 x 450mL	- Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
189	PP26 0008 1900	Dung dịch rửa	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: Sodium hydroxide, anion surfactant, non-ion anion surfactant, potassium hydroxide. Quy cách: 1 x 500mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
190	PP26 0008 1901	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 37 thông số sinh hóa mức 1	Hộp	Bột đông khô được sản xuất từ huyết thanh người, không chứa các chất bảo quản có thể gây nhiễu đến các xét nghiệm. Cung cấp dải gợi ý các giá trị có thể chấp nhận. Quy cách: Hộp/5 x 5mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
191	PP26 0008 1902	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 37 thông số sinh hóa mức 2	Hộp	Bột đông khô được sản xuất từ huyết thanh người, không chứa các chất bảo quản có thể gây nhiễu đến các xét nghiệm. Cung cấp dải gợi ý các giá trị có thể chấp nhận. Quy cách: Hộp/5 x 5mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
192	PP26 0008 1903	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng 38 thông số sinh hóa	Hộp	Chứa huyết thanh người đông khô. Quy cách: Hộp/5 x 5mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
193	PP26 0008 1904	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Apolipoprotein A-1 và Apolipoprotein B trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp	Hộp	Mục đích sử dụng: được sử dụng trong chẩn đoán in vitro để hiệu chuẩn xét nghiệm APO A1 & B Thành phần: huyết thanh người đông khô	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
194	PP26 0008 1905	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng	Hộp	Thành phần phản ứng: đệm HEPES, chất phụ gia hóa học và nguyên liệu có nguồn gốc sinh học. Quy cách: Hộp/5 x 1mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
195	PP26 0008 1906	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng mức bệnh lý	Hộp	Thành phần phản ứng: Đệm HEPES, chất phụ gia hóa học và nguyên liệu có nguồn gốc sinh học. Thành phần không phản ứng: Chất bảo quản và chất ổn định. Quy cách: Hộp/4 x 3 mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
196	PP26 0008 1907	Hóa chất rửa kim hút mẫu	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: Sodium hydroxide, nonionic surfactant. Quy cách: 1 x 2L	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
197	PP26 0008 1908	Cóng phản ứng	Cái	Cóng phản ứng	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
198	PP26 0008 1909	Bóng đèn halogen	Cái	Bóng đèn halogen	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
199	PP26 0008 1910	Bộ hóa chất, vật tư tiêu hao xét nghiệm HbA1c bằng phương pháp điện di			Cung cấp hệ thống phân tích HbA1c tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU - Phương pháp điện di mao quản - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
199.1		Dung dịch khử khuẩn	Hộp	Dùng cho máy điện di mao quản. Quy cách: Hộp/1 x 5mL	
199.2		Ống chiết QC	Hộp	Ống và nắp để chiết tách QC trong xét nghiệm điện di mao quản. Quy cách: Hộp/20 ống	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
199.3		Hóa chất điện di mao quản HbA1c (cho 8/12 đầu di)	Test	Bao gồm: Dung dịch đệm độ pH nằm trong phạm vi từ 8,8 đến 10, dung dịch tán huyết và các bộ lọc.	
199.4		Hóa chất hiệu chuẩn điện di mao quản HbA1c	Hộp	Bao gồm 2 mức hiệu chuẩn khác nhau: bình thường và cao. Có nguồn gốc từ máu người, dạng đông khô. Quy cách: Hộp/ 2 lọ đông khô (2 x 1 x 0,6mL sau hoàn nguyên)	
199.5		Chất kiểm chứng điện di mao quản HbA1c	Hộp	Bao gồm 2 mức khác nhau: bình thường và cao. Có nguồn gốc từ máu người, dạng đông khô. Quy cách: Hộp/ 10 x 2 lọ đông khô (10 x 2 x 0,75mL sau hoàn nguyên)	
199.6		Khay thải	Hộp	Khay đựng cốc thuốc thử đã sử dụng. Quy cách: Hộp/5 cái	
199.7		Cốc thuốc thử phản ứng	Hộp	Cốc thuốc thử sử dụng một lần. Quy cách: Hộp/24 x 14 dãy	
199.8		Dung dịch rửa điện di mao quản 8/12 đầu di	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa natri hydroxit. Quy cách: Hộp/1 x 75mL	
199.9		Dung dịch rửa kim	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa enzym khử protein, chất hoạt tính bề mặt, chất phụ gia. Quy cách: Hộp/1 x 25mL	
200	PP26 0008 1911	Bộ hóa chất xét nghiệm HbA1c bằng phương pháp HPLC			
200.1		Cột sắc ký cho xét nghiệm HbA1c/HPLC (Hóa chất xét nghiệm HbA1c)	Test	Thành phần tối thiểu chứa: Hydrophilic polymer of methacrylate esters copolymer.	Cung cấp hệ thống phân tích HbA1c tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU - Phương pháp xét nghiệm: HPLC - Không bị nhiễu bởi HbC, HbS, HbD, HbE. - Nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện khay chứa mẫu - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
200.2		Dung dịch sắc ký thứ 1	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: Sodium perchlorate : < 1%; Sodium azide: < 0,1%. pH nằm trong phạm vi 5 đến 5,5. Quy cách: Hộp/600mL x 4	xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm. - Hóa chất đồng bộ trên cùng một thiết bị.
200.3		Dung dịch sắc ký thứ 2	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: Sodium perchlorate nồng độ trong phạm vi từ: 1-5%; Phosphate nồng độ: $\leq 2,0\%$; Sodium azide nồng độ: < 0,1%; pH nằm trong phạm vi 7,5 đến 8,5. Quy cách: Hộp/600mL x 2	
200.4		Dung dịch sắc ký cho HbA1c biến thể (HbS)	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: Phosphat $\leq 2\%$; Sodium perchlorate $\leq 0,3\%$; Sodium azide < 0,1%; pH nằm trong phạm vi 6,5 đến 7,5. Quy cách: Hộp/600mL x 2	
200.5		Dung dịch pha loãng hồng cầu cho xn HbA1c	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: 2-Phenoxyethanol $\leq 1\%$; Sodium azide $\leq 0,02\%$. Quy cách: 2.000ml x 3/hộp	
201	PP26 0008 1912	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm HbA1c	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: 2-Phenoxyethanol $\leq 1\%$; Polyoxyethylated Octyl phenol $\leq 0,1\%$, hemoglobin từ người (đông khô). Quy cách: 3mL x 3; 3mL x 3; 10mL x 3	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
202	PP26 0008 1913	Hóa chất nội kiểm HbA1c ngưỡng bình thường và cao	Hộp	Thành phần từ máu ly giải đông khô, gồm 2 nồng độ khác nhau. Quy cách: 0,25mL x 4; 0,25mL x 4	Cung cấp hệ thống phân tích HbA1c tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU - Phương pháp xét nghiệm: HPLC - Không bị nhiễu bởi HbC, HbS, HbD, HbE. - Nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện khay chứa mẫu - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm. - Hóa chất đồng bộ trên cùng một thiết bị.
203	PP26 0008 1914	Bộ hóa chất xét nghiệm HbA1c trên máy sắc ký lỏng hiệu năng cao			Cung cấp hệ thống phân tích HbA1c tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU - Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao - Kết nối LIS
203.1		Bộ hóa chất chạy xét nghiệm HbA1c trên máy sắc ký lỏng hiệu năng cao	Test	Gồm có 2 loại dung dịch Buffer khác nhau, dung dịch Diluent, dung dịch Wash và cột phân tích Polymer gel.	- Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
203.2		Hóa chất hiệu chuẩn HbA1c	Hộp	Máu toàn phần dạng bột đông khô, cần hoàn nguyên trước khi sử dụng. Thành phần máu toàn phần.	
203.3		Hóa chất kiểm chứng HbA1c	Hộp	Máu toàn phần dạng bột đông khô, cần hoàn nguyên trước khi sử dụng. Thành phần máu toàn phần.	
204	PP26 0008 1915	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng HbA1c			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
204.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng HbA1c	Test	Mẫu đo: Máu toàn phần. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 4\%$ và giới hạn trên $\geq 14\%$ HbA1c Ngưỡng phát hiện (LOD) $\leq 50 \mu\text{mol/L}$ đối với HbA1c.	sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
204.2		Chất hiệu chuẩn HbA1c	Hộp	Gồm 2 mẫu chuẩn đông khô. Thành phần chứa hemoglobin và hemoglobin đã glycat hóa từ máu toàn phần người. Quy cách: Hộp/2x1,6mL	
205	PP26 0008 1916	Bộ hóa chất xét nghiệm HbA1c			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
205.1		Thuốc thử xét nghiệm HbA1c	Test	Hemoglobin khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 2,5 \text{ mmol/L}$ và giới hạn trên $\geq 20 \text{ mmol/L}$. HbA1c khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,2 \text{ mmol/L}$ và giới hạn trên $\geq 1,45 \text{ mmol/L}$. Thành phần thuốc thử tối thiểu chứa: kháng thể đơn dòng HbA1c, Polyhaptan.	
205.2		Dung dịch ly giải hồng cầu để định lượng HbA1c	Hộp	Hỗn hợp đệm nước; Tetradecyltrimethylammonium bromide (TTAB); đệm phosphate; chất ổn định; chất bảo quản.	
205.3		Dung dịch rửa đặc biệt cho công phản ứng	Hộp	Dung dịch rửa cho công phản ứng, dung dịch NaOH 3 mol/L ($\pm 0,01$) khoảng 12%; dung dịch natri hypochlorite $< 2\%$ clo hoạt tính; phụ gia.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
206	PP26 0008 1917	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm HbA1c	Hộp	Mẫu chuẩn đông khô lấy từ máu cừu ly huyết. Quy cách: Hộp/3 x 2mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
207	PP26 0008 1918	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng hemoglobin A1c mức bình thường	Hộp	Thành phần: Máu người ly huyết Quy cách: Hộp/4 x 1mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
208	PP26 0008 1919	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm HbA1c ngưỡng bệnh lý	Hộp	Thành phần: Máu người ly huyết, HbA1c glycosyl hóa in vitro Quy cách: Hộp/4 x 1mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
209	PP26 0008 1920	Bộ hóa chất xét nghiệm điện giải đồ			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ.
209.1		Điện cực ICT	Cái	Chứa các điện cực natri (Na ⁺), kali (K ⁺), clorua (Cl ⁻), là thành phần của thiết bị phân tích điện giải đồ. Có khoảng đo các xét nghiệm điện giải như sau: Natri: từ 100 đến 200 mmol/L; Kali: từ 1 đến 10 mmol/L; Chlorid: từ 50 đến 150 mmol/L.	- Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
209.2		Hóa chất định lượng Na, K, Cl	Hộp	Thành phần chứa: Sodium (Na), Potassium (K) và Chloride (Cl).	
209.3		Chất hiệu chuẩn Na, K, Cl trong huyết thanh	Hộp	Dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm Sodium (Na), Potassium (K) và Chloride (Cl) trong mẫu huyết thanh.	
209.4		Hóa chất pha loãng mẫu điện cực ICT (Na, K, Cl)	Hộp	Hoá chất để định lượng Natri, Kali và Chloride trong huyết thanh, huyết tương, hoặc nước tiểu.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
210	PP26 0008 1921	Bộ hóa chất, sinh phẩm xét nghiệm Na, K và Cl dùng trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ.
210.1		Bộ cảm biến đo các xét nghiệm điện giải	Test	Phương pháp đo chất điện phân bao gồm trắc quang ngọn lửa, đo quang phổ và trắc quang điện cực chọn lọc ion trực tiếp hoặc gián tiếp. Dải đo: + Natri: Huyết thanh/huyết tương: có giới hạn dưới ≤ 50 mmol/L và giới hạn trên ≥ 200 mmol/L (mEq/L). + Kali: Huyết thanh/huyết tương: có giới hạn dưới ≤ 1 mmol/L và giới hạn trên ≥ 10 mmol/L (mEq/L). + Clorua: Huyết thanh/huyết tương: có giới hạn dưới ≤ 50 mmol/L và giới hạn trên ≥ 200 mmol/L (mEq/L).	- Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
210.2		Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm Na, K và Cl	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: Chất đệm Phosphate; natri clorua; kali clorua; natri bicarbonate; albumin huyết thanh bò.	
210.3		Dung dịch pha loãng mẫu xét nghiệm Na, K và Cl	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: Chất đệm Phosphate; albumin huyết thanh bò.	
210.4		Dung dịch rửa dùng cho xét nghiệm Na, K và Cl	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: albumin huyết thanh bò, amylase, GGT, lipase, LDH.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
210.5		Hóa chất tạo cầu muối và hiệu chuẩn xét nghiệm Na, K và Cl	Hộp	Mục đích sử dụng: hiệu chuẩn xét nghiệm Na, K và Cl. Thành phần tối thiểu chứa: + Hóa chất thứ 1: Chất đệm Phosphate; natri clorua; kali clorua; lithium clorua; albumin huyết thanh bò. + Hóa chất thứ 2: Kali clorua; albumin huyết thanh bò.	
211	PP26 0008 1922	Nước rửa điện cực ICT (Na, K, Cl)	Hộp	Chứa tối thiểu các thành phần: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one, 2-methyl-4-isothiazolin-3-one, Protease enzyme, Natri azide. Quy cách: Hộp/(10 x 68,4 mL, 10 x 12mL, 1 x 150mL)	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
212	PP26 0008 1923	Dung dịch giám sát và điều chỉnh tỷ lệ pha loãng mẫu xét nghiệm Na, K và Cl	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: natri clorua; kali clorua; natri bicarbonate; natri carbonate.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
213	PP26 0008 1924	Bộ hóa chất xét nghiệm điện giải			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
213.1		Dung dịch pha loãng xét nghiệm điện giải (Na, K, Cl)	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: Đệm HEPES, Triethanolamine, Chất bảo quản.	- Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
213.2		Chất hiệu chuẩn điện cực xét nghiệm định lượng natri, kali, clo	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: Đệm HEPES, Triethanolamine, Natri chloride, Natri acetate, Kali chloride, chất bảo quản.	
213.3		Chất hiệu chuẩn điện cực xét nghiệm định lượng natri, kali, clo - mức cao	Hộp	Thành phần phản ứng: 160 mmol/L Na ⁺ , 7 mmol/L K ⁺ , 120 mmol/L Cl ⁻	
213.4		Chất hiệu chuẩn điện cực xét nghiệm định lượng natri, kali, clo - mức thấp	Hộp	Thành phần phản ứng: 120 mmol/L Na ⁺ , 3 mmol/L K ⁺ , 80 mmol/L Cl ⁻	
214	PP26 0008 1925	Dung dịch cung cấp điện thể tham chiếu xét nghiệm điện giải (Na, K, Cl)	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: kali chloride Quy cách: 2 x 2000mL	
215	PP26 0008 1926	Bộ hóa chất, sinh phẩm đo điện giải đồ			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 2000 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 900 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
215.1		Dung dịch đệm ISE	Hộp	Dung dịch đệm. Thành phần: Triethanolamine. Quy cách: Hộp/4 x 2000mL	- Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
215.2		Chất chuẩn điện giải mức giữa	Hộp	Chất hiệu chuẩn mức trung bình sử dụng cho xét nghiệm định lượng nồng độ Na ⁺ , K ⁺ và Cl ⁻ ; Thành phần bao gồm: Na ⁺ ; K ⁺ ; Cl ⁻ Quy cách: Hộp/4 x 2000mL	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
215.3		Hóa chất điện giải cho điện cực tham chiếu	Hộp	Thành phần: Kali clorua. Quy cách: Hộp/4 x 1000mL	
215.4		Chất chuẩn nước tiểu mức thấp/cao cho xét nghiệm điện giải	Hộp	Chất hiệu chuẩn nồng độ thấp/cao sử dụng cho xét nghiệm định lượng (gián tiếp) nồng độ Na ⁺ , K ⁺ và Cl ⁻ trong nước tiểu. Quy cách: Hộp/2 x 100mL + 2 x 100mL	
215.5		Chất chuẩn huyết thanh mức cao cho xét nghiệm điện giải	Hộp	Thành phần bao gồm: Na ⁺ ≥160 mmol/L; K ⁺ ≥ 6 mmol/L; Cl ⁻ ≥120 mmol/L. Quy cách: Hộp/4 x 100mL	
215.6		Chất chuẩn huyết thanh mức thấp cho xét nghiệm điện giải	Hộp	Thành phần bao gồm: Na ⁺ ≤130 mmol/L; K ⁺ ≤ 3,5 mmol/L; Cl ⁻ ≤ 85 mmol/L Quy cách: Hộp/4 x 100mL	
216	PP26 0008 1927	Xét nghiệm tổng phân tích nước tiểu 11 thông số trên máy tự động			Cung cấp hệ thống tổng phân tích nước tiểu tự động hoàn toàn có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Tổng công suất hệ thống phân tích: ≥ 200 xét nghiệm/giờ - Có thể kết nối với máy cận lâm sàng nước tiểu
216.1		Que nhúng 11 thông số	Test	Có tối thiểu các thông số sau: Urobilinogen (URO), Máu (BLD), Hồng cầu (RBC), Hemoglobin (Hb), Protein (PRO), Glucose (GLU), Ketones (KET), Bilirubin (BIL), Nitrit (NIT), Bạch cầu (LEU), pH, Creatinine (CRE), Albumin (ALB). Tỷ lệ protein/creatinine (tỷ lệ P/C) và tỉ lệ albumin/creatinine (tỷ lệ A/C). Dải đo: Protein trong phạm vi từ 15 đến 1000 mg/dL, Glucose trong phạm vi từ 50 đến 2000 mg/dL, Creatinin trong phạm vi từ 10 đến 300 mg/dL.	- Nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện khay chứa mẫu - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
216.2		Chất hiệu chuẩn tỉ trọng của nước tiểu trên máy xét nghiệm nước tiểu tự động.	Hộp	Chứa Sucrose và khối lượng phản ứng của: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one và 2-methyl-2H -isothiazol-3-one.	
216.3		Hóa chất kiểm chứng dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa nước tiểu tự động	Hộp	Phân tích tối thiểu các thông số: Urobilinogen (URO), Máu (Hemoglobin) (BLD), Bilirubin (BIL), Ketones (KET), Glucose (GLU), Protein (PRO), pH, Nitrite (NIT), Bạch cầu (LEU), Creatinine (CRE), Albumin (ALB), Tỉ trọng (SG).	
216.4		Dung dịch rửa máy dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa nước tiểu tự động	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: Sodium Hypochlorite (có chứa chlorine nồng độ 5%)	
217	PP26 0008 1928	Hóa chất, vật tư sử dụng trên hệ thống thiết bị xét nghiệm tổng phân tích nước tiểu tự động tối thiểu 12 thông số			Cung cấp hệ thống tổng phân tích nước tiểu tự động hoàn toàn có xuất xứ các nước G7 hoặc EU - Tổng công suất hệ thống phân tích: ≥ 200 xét nghiệm/giờ - Nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện khay chứa mẫu - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
217.1		Que thử nước tiểu 12 thông số	Test	Tối thiểu 12 thông số: Albumin, Bilirubin, Blood (Máu), Creatinine, Color (Màu), Glucose, Ketone, Leukocyte, Nitrite, pH, Protein, Urobilinogen, Specific Gravity (tỷ trọng), Clarity (độ trong), Protein/Creatinine và Albumin/Creatinine	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
217.2		Hóa chất kiểm chuẩn	Hộp	Gồm 4 dung dịch hiệu chuẩn với các nồng độ khác nhau. Thành phần tối thiểu chứa: kali photphat, monobasic, natri clorua, natri axetat, ure. Chất hiệu chuẩn dùng đọc được các thông số sau: Màu sắc, độ trong, Glucose, Bilirubin, Ketone (acetoacetic acid), Specific Gravity, Blood, pH, Protein, Urobilinogen, Nitrite, leukocytes, Creatinine	
217.3		Hóa chất kiểm chứng	Hộp	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm tổng phân tích nước tiểu	
217.4		Dung dịch rửa	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: hexadecyltrimethylammonium hydrogen sulfate, magnesium chloride hexahydrate.	
218	PP26 0008 1929	Bộ hóa chất tổng phân tích nước tiểu 13 thông số			
218.1		Que thử cho xét nghiệm tổng phân tích nước tiểu 13 thông số	Test	Gồm tối thiểu các thông số: Urobilinogen, Máu, Protein, Glucose, Xeton, tỷ trọng, Bilirubin, Nitrit, Bạch cầu, pH, ascorbic acid và màu. Độ nhạy phân tích của Glucose ≤ 20 mg/dL; của Protein ≤ 10 mg/dL.	Cung cấp hệ thống tổng phân tích nước tiểu tự động hoàn toàn có xuất xứ các nước G7 hoặc EU - Tổng công suất hệ thống phân tích: ≥ 200 xét nghiệm/giờ - Nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện khay chứa mẫu - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
218.2		Dung dịch hiệu chuẩn cho xét nghiệm tổng phân tích nước tiểu	Hộp	Thành phần chứa tối thiểu: thuốc nhuộm và các hạt được huyền phù, muối.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
218.3		Dung dịch kiểm chứng cho xét nghiệm tổng phân tích nước tiểu	Hộp	Thành phần chứa tối thiểu: Glucose, Axit ascorbic, Hemoglobin (bò); 2,5-dimethylindole.	
218.4		Dung dịch rửa cho xét nghiệm tổng phân tích nước tiểu	Hộp	Thành phần chứa tối thiểu: nước, chất bảo quản, chất ổn định.	
219	PP26 0008 1930	Bộ hóa chất tổng phân tích nước tiểu và cặn lắng nước tiểu			Cung cấp hệ thống cặn lắng nước tiểu tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU - Tổng công suất hệ thống phân tích: ≥ 80 xét nghiệm/giờ. - Có thể kết nối với máy Tổng phân tích nước tiểu tự động. - Nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện khay chứa mẫu - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm hoặc phí thực hiện so sánh liên phòng.
219.1		Que thử cho xét nghiệm tổng phân tích nước tiểu 10 thông số	Test	Phân tích được tối thiểu các thông số sau: pH, bạch cầu, nitrite, protein, glucose, thể ketone, urobilinogen, bilirubin, màu sắc và hồng cầu trong nước tiểu. Các khoảng tham chiếu tối thiểu như sau: pH: 5 - 9 Leu: < 10 Leu/μL NIT < 1 μmol/L PRO < 1 μmol/L GLU < 25 mg/dL KET ≤ 2 mg acid acetoacetic/dL UBG < 1 mg/dL BIL: âm tính ERY/Hb < 18 Ery/μL Độ lặp lại: 100% Độ chính xác trung gian: 100%.	
219.2		Que chuẩn máy nước tiểu	Test	Dùng để chuẩn trên máy phân tích nước tiểu tự động. Que mẫu chuẩn sẵn sàng sử dụng.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
219.3		Cuvettes soi cận lắng nước tiểu	Cái	Dạng cassette chứa các cổng đo cho các xét nghiệm định lượng hồng cầu và bạch cầu, các xét nghiệm bán định lượng của các tế bào biểu mô có vảy và không có vảy, vi khuẩn, tinh thể trong suốt và xét nghiệm định tính các tinh thể bệnh lý, tinh thể, nấm men, chất nhầy, và tinh trùng trong nước tiểu trên máy phân tích nước tiểu và soi cận lắng nước tiểu tự động.	
220	PP26 0008 1931	Xét nghiệm cận lắng nước tiểu bằng máy tự động			Cung cấp hệ thống cận lắng nước tiểu tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU - Tổng công suất hệ thống phân tích: ≥ 80 xét nghiệm/giờ. - Có thể kết nối với máy Tổng phân tích nước tiểu tự động. - Nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện khay chứa mẫu - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm hoặc phí thực hiện so sánh liên phòng.
220.1		Dung dịch tạo dòng chảy	Hộp	Thành phần: Tris Buffer: $\leq 0,14$ %. Quy cách: 20L	
220.2		Dung dịch làm giảm độ nhiễu từ các tế bào hồng cầu	Hộp	Dung dịch pha loãng cho máy xét nghiệm cận lắng nước tiểu. Quy cách: 2,1L x 2	
220.3		Dung dịch làm giảm độ nhiễu từ các muối vô định hình	Hộp	Thành phần tối thiểu: 1,2-benzisothiazol-3(2H)-one $\leq 0,01$ %. Quy cách: 2,1L x 2	
220.4		Hóa chất đánh dấu các tế bào	Hộp	Thành phần tối thiểu: Thuốc nhuộm Polymethine $\leq 0,02\%$, Ethylene glycol $\leq 99,9\%$. Quy cách: 29mL x 2	
220.5		Hóa chất đánh dấu các thành phần cận lắng	Hộp	Thành phần tối thiểu: Thuốc nhuộm Polymethine $\geq 0,05\%$, Ethylene glycol $\geq 99,9\%$. Quy cách: 29mL x 2	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
220.6		Vật liệu kiểm chứng	Hộp	Thành phần: Hạt latex trong vật liệu kiểm soát: Mức cao có nồng độ 0,4% ($\pm 0,01\%$). Mức thấp có nồng độ 0,1% ($\pm 0,01\%$). Quy cách: UF-CONTROL-H: 30mL UF-CONTROL-L: 30mL	
221	PP26 0008 1932	Hóa chất, vật tư sử dụng trên hệ thống thiết bị xét nghiệm cận lắng nước tiểu			Cung cấp hệ thống cận lắng nước tiểu tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Tổng công suất hệ thống phân tích: ≥ 100 xét nghiệm/giờ. - Cung cấp được tối thiểu các kết quả: RBC, WBC, BAC, EPI, NEC, PAT, HYA, CRY, YEA - Kết nối LIS
221.1		Hóa chất kiểm chứng	Hộp	Kiểm chứng tối thiểu các thông số: Bilirubin, blood (hemoglobin), Creatine, ketones, SG, leukocytes Esterase, nitrite, pH, protein, urobilinogen, Glucose, Ascorbic Acid.	- Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm hoặc phí thực hiện so sánh liên phòng.
221.2		Cuvettes đựng mẫu phân tích cận lắng nước tiểu	Cái	Vật liệu: Polycarbonate Dung tích: 175 μ L ($\pm 2\mu$ L)	
222	PP26 0008 1933	Thẻ cảm biến xét nghiệm khí máu	Test	Thẻ cảm biến xét nghiệm. Đo được tối thiểu các thông số: pH, pCO ₂ , pO ₂ , Ca ²⁺ , K ⁺ , Na ⁺ , Cl ⁻ , cGlu, cLac, ctHb. Nguyên lý đo: đo điện thế (pH, pCO ₂ , K ⁺ , Na ⁺ , Ca ²⁺), đo cường độ dòng điện (cGlu, cLac), đo quang (pO ₂) và quang phổ (ctHb) hoặc tương đương	Cung cấp hệ thống xét nghiệm khí máu tự động có xuất xứ/chủ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU. - Đo được các thông số bao gồm: khí máu, điện giải, chuyển hóa và oximetry. - Lượng mẫu $\leq 75 \mu$ l - Máy có khả năng phát hiện và loại bỏ cục máu đông. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
223	PP26 0008 1934	Bộ cảm biến xét nghiệm khí máu			Cung cấp hệ thống xét nghiệm khí máu tự động có xuất xứ/chủ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS
223.1		Thẻ cảm biến xét nghiệm khí máu	Test	Yêu cầu tích hợp đầy đủ: kim hút mẫu và công mẫu, các cảm biến, buồng đo CO-oximeter, dung dịch hiệu chuẩn, cùng các thành phần cần thiết để phân tích mẫu, QC, hiệu chuẩn. Đo được tối thiểu các thông số: pH, pO₂, pCO₂, Na⁺, K⁺, Ca⁺⁺, Cl⁻, glucose, lactate, Hb, oxyhemoglobin, deoxyhemoglobin, methemoglobin, carboxyhemoglobin và bilirubin sơ sinh. Không cần bảo trì điện cực. Ổn định tối thiểu 30 ngày khi được cài đặt trên hệ thống.	- Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
223.2		Hoá chất kiểm chuẩn tự động	Hộp	Đáp ứng tối thiểu 10 thông số khí máu và ion đồ. Chứa các dung dịch kiểm tra chất lượng (QC) cùng với các thành phần cần thiết để phân tích mẫu QC. Chứa 3 mức QC riêng biệt, các mức QC phải kiểm chứng hiệu suất tại nhiều điểm trong dải giá trị lâm sàng cho toàn bộ thông số (pH, pO₂, pCO₂, Na⁺, K⁺, Ca⁺⁺, Cl⁻, glucose, lactate, Hb, FO₂Hb, FHHb, FMetHb, FCOHb và nBili) và các giới hạn QC cố định. Hộp hóa kiểm chuẩn tự động rời (không nằm chung với cảm biến). QC cài đặt được 2 chế độ: tự động và thủ công.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
223.3		Dung dịch rửa máy khí máu	Hộp	Thành phần có chứa dung dịch rửa để làm sạch đường dẫn mẫu. Có thể dùng để hiệu chuẩn các chỉ số glucose, lactate và CO-oximeter trong các quy trình hiệu chuẩn hai điểm và hiệu chuẩn toàn phần. Lưu trữ chất thải lỏng (kín hoàn toàn trong hộp).	
224	PP26 0008 1935	Dung dịch rửa máy khí máu	Hộp	Bộ dung dịch được sử dụng để hiệu chuẩn thẻ cảm biến, kiểm soát chất lượng, đánh giá độ đúng và độ chụm, rửa thiết bị đo và thu thập chất thải từ máy xét nghiệm.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm khí máu tự động có xuất xứ/chủ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU. - Đo được các thông số bao gồm: khí máu, điện giải, chuyển hóa và oximetry. - Lượng mẫu $\leq 75 \mu\text{l}$ - Máy có khả năng phát hiện và loại bỏ cục máu đông. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
225	PP26 0008 1936	Bộ hóa chất xét nghiệm khí máu			Cung cấp hệ thống xét nghiệm khí máu tự động có xuất xứ/chủ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS
225.1		Test thử khí máu động mạch (đo được 9 thông số pH, pCO ₂ , pO ₂ , Hct, Na ⁺ , K ⁺ , Ca ⁺⁺ , Glucose và Lactate)	Test	Phân tích tối thiểu các thông số: pH, pCO ₂ , pO ₂ , Điện giải (Na ⁺ , K ⁺ , Ca ⁺⁺), Glucose, Lactate, Hct, Cl ⁻ , tBili, tHb, O ₂ Hb, COHb, MetHb, HHb, sO ₂ .	- Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
225.2		Chất kiểm chứng mức 1 dùng cho máy xét nghiệm khí máu	Hộp	Đáp ứng 10 thông số khí máu và ion đồ, bao gồm Bicarbonate.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
225.3		Chất kiểm chứng mức 3 dùng cho máy xét nghiệm khí máu	Hộp	Đáp ứng 10 thông số khí máu và ion đồ, bao gồm Bicarbonate.	
226	PP26 0008 1937	Que thử xét nghiệm định tính Opiate	Test	Độ chính xác $\geq 95\%$. Có xuất xứ từ các nước G7 hoặc EU.	
227	PP26 0008 1938	Que thử xét nghiệm định tính Morphine	Test	Độ chính xác $\geq 99\%$. Ngưỡng phát hiện: $\leq 300\text{ng/ml}$. Có xuất xứ từ các nước G7 hoặc EU.	
228	PP26 0008 1939	Que thử xét nghiệm định tính Methamphetamine	Test	Độ chính xác $\geq 99\%$. Ngưỡng phát hiện: $\leq 1000\text{ng/ml}$. Có xuất xứ từ các nước G7 hoặc EU.	
229	PP26 0008 1940	Khay thử xét nghiệm định tính Amphetamine	Test	Độ chính xác $\geq 99\%$. Ngưỡng phát hiện: $\leq 1000\text{ng/ml}$. Có xuất xứ từ các nước G7 hoặc EU.	
230	PP26 0008 1941	Khay thử xét nghiệm định tính Marijuana	Test	Độ chính xác $\geq 99\%$. Ngưỡng phát hiện: $\leq 50\text{ng/ml}$. Có xuất xứ từ các nước G7 hoặc EU.	
231	PP26 0008 1942	Khay thử xét nghiệm định tính Methylenedioxy-methamphetamine (MDMA)	Test	Độ chính xác $\geq 99\%$. Ngưỡng phát hiện: $\leq 500\text{ng/ml}$. Có xuất xứ từ các nước G7 hoặc EU.	
232	PP26 0008 1943	Khay thử xét nghiệm định tính Ketamine	Test	Độ chính xác $\geq 99\%$. Ngưỡng phát hiện: $\leq 1000\text{ng/ml}$. Có xuất xứ từ các nước G7 hoặc EU.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
233	PP26 0008 1944	Panel xét nghiệm định tính các chất gây nghiện trong nước tiểu	Test	Ngưỡng phát hiện: + MOP: ≤ 300 ng/ml; + AMP: ≤ 300 ng/ml; + MET: ≤ 300 ng/ml; + THC: ≤ 50 ng/ml. Độ nhạy $\geq 99,9\%$, độ đặc hiệu $\geq 99,9\%$, độ chính xác $\geq 99,9\%$. Tỉ trọng nước tiểu từ 1.000 - 1.045 không làm ảnh hưởng kết quả xét nghiệm. Cốc đựng nước tiểu bằng nhựa trong suốt để dễ dàng quan sát mực nước tiểu trong quá trình làm xét nghiệm. Có xuất xứ từ các nước G7 hoặc EU.	
234	PP26 0008 1945	Bộ thuốc thử xét nghiệm NT-proBNP trên hệ thống máy tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
234.1		Thuốc thử xét nghiệm NT-proBNP	Test	Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới ≤ 5 pg/ml và giới hạn trên ≥ 35.000 pg/ml. Giới hạn phát hiện: ≤ 5 pg/ml.	
234.2		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm NT-proBNP	Hộp	Hỗn hợp huyết thanh ngựa đông khô chứa NT-proBNP tổng hợp với hai khoảng nồng độ. Mẫu chuẩn 1 (Khoảng 16,6 pmol/L hoặc 140 pg/mL). Mẫu chuẩn 2 (Khoảng 320 pmol/L hoặc 2700 pg/mL).	
234.3		Vật liệu kiểm soát xét nghiệm NT-proBNP	Hộp	Huyết thanh chứng đông khô lấy từ huyết thanh ngựa với hai khoảng nồng độ.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
235	PP26 0008 1946	Bộ chất chứng cho các xét nghiệm tim mạch trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ.
235.1		Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng NT-pro BNP trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp	Test	Phương pháp hóa phát quang. Bao gồm chất hiệu chuẩn NT-proBNP thành phần tối thiểu chứa albumin huyết thanh bò. Khoảng đo có giới hạn dưới ≤ 35 pg/mL và giới hạn trên ≥ 35.000 pg/mL (4,13 – 4130 pmol/L). LoQ: ≤ 18 pg/mL (2,12 pmol/L). LoD: ≤ 20 pg/mL (2,36 pmol/L).	- Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
235.2		Hóa chất chứng nồng độ 1 cho các xét nghiệm tim mạch (Troponin, NT Pro BNP)	Hộp	Dạng lỏng, nguồn gốc từ huyết thanh người. Dùng nội kiểm xét nghiệm Troponin, NT Pro BNP mức 1.	
236	PP26 0008 1947	Hóa chất chứng nồng độ 2 cho các xét nghiệm tim mạch (Troponin, NT Pro BNP)	Hộp	Dạng lỏng, nguồn gốc từ huyết thanh người. Dùng nội kiểm xét nghiệm Troponin, NT Pro BNP mức 2. Quy cách: Hộp/6x3mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
237	PP26 0008 1948	Hóa chất chứng nồng độ 3 cho các xét nghiệm tim mạch (Troponin, NT Pro BNP)	Hộp	Dạng lỏng, nguồn gốc từ huyết thanh người. Dùng nội kiểm xét nghiệm Troponin, NT Pro BNP mức 3. Quy cách: Hộp/6x3mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
238	PP26 0008 1949	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng NT-proBNP trên hệ thống tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ.
238.1		Hóa chất chất xét nghiệm định lượng NT-pro BNP	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới ≤ 10 pg/mL, giới hạn trên ≥ 35.000 pg/mL. Ngưỡng phát hiện (LOD) ≤ 8 pg/mL.	- Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
238.2		Chất hiệu chuẩn NT-pro BNP	Hộp	Có 6 nồng độ khác nhau, thành phần chứa tối thiểu dung dịch đệm Tris với chất ổn định protein.	
238.3		Chất kiểm chứng NT-pro BNP	Hộp	Mẫu chứng nồng độ thấp, trung bình và cao chứa NT-proBNP tái tổ hợp trong dung dịch đệm Tris có chất ổn định protein (từ bò).	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
239	PP26 0008 1950	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng Testosterone trên hệ thống tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ.
239.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng Testosterone	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới là $\leq 0,15$ nmol/L và có giới hạn trên ≥ 64 nmol/L. Ngưỡng phát hiện (LOD) $\leq 0,05$ nmol/L.	- Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
239.2		Chất kiểm chuẩn Testosterone	Hộp	6 mẫu chuẩn với nồng độ khác nhau, trong dung dịch đệm và chất ổn định protein.	
239.3		Chất kiểm chứng Testosterone	Hộp	Mẫu chứng nồng cao thấp, trung bình và cao có testosterone trong dung dịch đệm PBS với chất ổn định protein.	
240	PP26 0008 1951	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng CCP trên hệ thống tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ.
240.1		Hóa chất xét nghiệm bán định lượng Anti-CCP.	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới là $\leq 0,5$ U/mL và có giới hạn trên ≥ 195 U/mL. Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,5$ U/mL.	- Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
240.2		Chất hiệu chuẩn Anti-CCP	Hộp	6 mẫu chuẩn với nồng độ khác nhau, trong dung dịch đệm và chất ổn định protein.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
240.3		Chất kiểm chứng Anti-CCP	Hộp	Mẫu chứng âm có chứa huyết tương người âm tính với anti-CCP trong đệm phosphate. Mẫu chứng dương có chứa huyết tương người dương tính với anti-CCP trong đệm phosphate.	
241	PP26 0008 1952	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng BNP trên hệ thống tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ.
241.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng BNP	Test	Mẫu đo: Huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới là ≤ 10 pg/mL và có giới hạn trên ≥ 5000 pg/mL. Ngưỡng phát hiện LoD: ≤ 2 pg/mL.	- Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
241.2		Chất hiệu chuẩn BNP	Hộp	6 mẫu chuẩn có 6 mức nồng độ khác nhau trong dung dịch đệm và chất ổn định protein.	
241.3		Chất kiểm chứng BNP	Hộp	Mẫu chứng nồng độ cao thấp, trung bình và cao có BNP trong đệm acetate với chất ổn định protein (từ bò).	
242	PP26 0008 1953	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng BNP trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
242.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng BNP	Test	Mẫu đo: Huyết tương. Phương pháp hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới ≤ 2 pg/mL và giới hạn trên ≥ 5000 pg/mL (0,58–1445 pmol/L). LoD: $\leq 2,4$ pg/mL (0,69 pmol/L).	nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
242.2		Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm định lượng BNP	Hộp	Dạng đông khô. Thành phần tối thiểu chứa: natri caseinat có chất đệm đã đông khô; natri azit.	
242.3		Hóa chất chứng cho xét nghiệm định lượng BNP	Hộp	Dạng đông khô. Thành phần tối thiểu chứa: natri caseinat có chất đệm đã đông khô; natri azit.	
243	PP26 0008 1954	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng CA 125 trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ.
243.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng CA 125	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới ≤ 2 U/mL và giới hạn trên ≥ 600 U/mL LoD: ≤ 3 U/mL. LoQ: ≤ 3 U/mL.	nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
243.2		Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm định lượng Ca 125	Hộp	Dạng đông khô. Thành phần tối thiểu chứa: albumin huyết thanh người có chất đệm; natri azit; chất bảo quản.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
244	PP26 0008 1955	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng CA 125 trên hệ thống tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
244.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng CA 125	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới là $\leq 1,1$ U/mL và có giới hạn trên ≥ 1000 U/mL. Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,3$ U/mL.	
244.2		Chất hiệu chuẩn CA 125	Hộp	6 mẫu chuẩn có 6 mức nồng độ khác nhau trong dung dịch đệm và chất ổn định protein.	
245	PP26 0008 1956	Bộ thuốc thử xét nghiệm CA 125 trên hệ thống máy tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
245.1		Thuốc thử xét nghiệm CA 125	Test	Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới ≤ 1 U/mL và giới hạn trên ≥ 5000 U/mL. Thành phần tối thiểu chứa: Vi hạt phủ streptavidin; Kháng thể đơn dòng kháng CA 125 đánh dấu biotin; Kháng thể đơn dòng kháng CA 125 đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm phosphate; chất bảo quản.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
245.2		Vật liệu kiểm soát xét nghiệm CA 125	Hộp	Hỗn hợp huyết thanh ngựa đông khô và huyết thanh người bao gồm 2 nồng độ chất chuẩn khác nhau (khoảng 0 U/mL và khoảng 500 U/mL). Quy cách: 4 x 1mL	
246	PP26 0008 1957	Bộ hóa chất định lượng CA 125			Cung cấp hệ thống xét nghiệm miễn dịch tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
246.1		Hóa chất định lượng CA 125	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch enzym hai vị trí. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,5$ U/mL và có giới hạn trên ≥ 5000 U/mL.	
246.2		Chất chuẩn CA 125	Hộp	Có 6 nồng độ khác nhau	
247	PP26 0008 1958	Bộ thuốc thử xét nghiệm CA 15-3 trên hệ thống máy tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
247.1		Thuốc thử xét nghiệm CA 15-3	Test	Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 1,5$ U/mL và giới hạn trên ≥ 300 U/mL Thành phần chứa tối thiểu: Vi hạt phủ streptavidin, Kháng thể đơn dòng đánh dấu biotin, Kháng thể đơn dòng kháng CA 15-3 đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm phosphate; chất bảo quản.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
247.2		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CA 15-3	Hộp	Hỗn hợp huyết thanh người sẵn sàng sử dụng bao gồm 2 nồng độ chất chuẩn khác nhau (khoảng 15 U/mL và khoảng 100 U/mL).	
248	PP26 0008 1959	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng CA 15-3 trên hệ thống tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ.
248.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng CA 15-3	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới là $\leq 0,6$ U/mL và có giới hạn trên ≥ 800 U/mL. Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,5$ U/mL.	- Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
248.2		Chất hiệu chuẩn CA 15-3	Hộp	6 mẫu chuẩn có 6 mức nồng độ khác nhau trong dung dịch đệm và chất ổn định protein. Quy cách: Hộp/6x3mL	
249	PP26 0008 1960	Bộ hóa chất định lượng CA 15-3			Cung cấp hệ thống xét nghiệm miễn dịch tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS
249.1		Hóa chất định lượng CA 15-3	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch enzym hai vị trí. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,5$ U/mL và có giới hạn trên ≥ 1000 U/mL.	- Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
249.2		Chất chuẩn CA 15-3	Hộp	Có 6 nồng độ khác nhau	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
250	PP26 0008 1961	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng CA 15-3 trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
250.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng CA 15-3	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,5$ U/mL và giới hạn trên ≥ 200 U/mL. LoD: ≤ 2 U/mL. LoQ: $\leq 2,6$ U/mL.	
250.2		Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm định lượng CA 15-3	Hộp	Dạng đông khô. Thành phần tối thiểu chứa: huyết thanh ngựa; natri azit; chất bảo quản.	
251	PP26 0008 1962	Bộ hóa chất định lượng CA 19-9			Cung cấp hệ thống xét nghiệm miễn dịch tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS
251.1		Hóa chất định lượng CA 19-9	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch enzym hai vị trí. Khoảng đo có giới hạn dưới ≤ 1 U/mL và có giới hạn trên ≥ 2000 U/mL.	- Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
251.2		Chất chuẩn CA 19-9	Hộp	Có 6 nồng độ khác nhau	
252	PP26 0008 1963	Bộ thuốc thử xét nghiệm CA 19-9 trên hệ thống máy tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
252.1		Thuốc thử xét nghiệm CA 19-9	Test	Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới ≤ 2 U/mL và giới hạn trên ≥ 1000 U/mL. Giới hạn mẫu trắng $\leq 1,5$ U/mL. Thành phần chứa tối thiểu: Vi hạt phủ streptavidin, Kháng thể đơn dòng đánh dấu biotin, Kháng thể đơn dòng kháng CA 19-9 đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm phosphate; chất bảo quản.	sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
252.2		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CA 19-9	Hộp	Huyết thanh người đông khô bao gồm 2 nồng độ chất chuẩn khác nhau (khoảng 20 U/mL và khoảng 250 U/mL).	
253	PP26 0008 1964	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng CA 19-9 trên hệ thống tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
253.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng CA 19-9	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới là $\leq 2,5$ U/mL và có giới hạn trên ≥ 1200 U/mL. Ngưỡng phát hiện (LOD): ≤ 1 U/mL.	
253.2		Chất hiệu chuẩn CA 19-9	Hộp	6 mẫu chuẩn có 6 mức nồng độ khác nhau trong dung dịch đệm và chất ổn định protein.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
254	PP26 0008 1965	Hóa chất xét nghiệm định lượng CA 19-9	Test	Phương pháp hóa phát quang. Bao gồm chất hiệu chuẩn: dạng đông khô. Chứa tối thiểu huyết thanh thai bò; natri azit; chất đệm; chất bảo quản. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 1,5$ U/mL và giới hạn trên ≥ 700 U/mL. LoD: ≤ 4 U/mL.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
255	PP26 0008 1966	Bộ thuốc thử xét nghiệm CEA trên hệ thống máy tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
255.1		Thuốc thử xét nghiệm CEA	Test	Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,5$ ng/mL và giới hạn trên ≥ 1000 ng/mL. Thành phần chứa tối thiểu: Vi hạt phủ streptavidin, kháng thể đơn dòng đánh dấu biotin, kháng thể đơn dòng kháng CEA đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm phosphate; chất bảo quản.	
255.2		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CEA	Hộp	Hỗn hợp đệm/protein với hai khoảng nồng độ chuẩn khác nhau (khoảng 5 ng/mL và khoảng 50 ng/mL).	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
256	PP26 0008 1967	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng CEA trên hệ thống tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ.
256.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng CEA	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới là $\leq 1,8$ ng/mL và có giới hạn trên ≥ 1500 ng/mL. Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,5$ ng/mL.	- Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
256.2		Chất hiệu chuẩn CEA	Hộp	Mẫu chuẩn 1 có dung dịch đệm phosphate và chất ổn định protein (từ bò). Mẫu chuẩn 2 có thành phần CEA (từ người) được chuẩn bị trong đệm phosphate với chất ổn định protein (từ bò).	
257	PP26 0008 1968	Bộ hóa chất định lượng CEA			Cung cấp hệ thống xét nghiệm miễn dịch tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS
257.1		Hóa chất định lượng CEA	Test	Mẫu đo: Huyết thanh. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch enzym hai vị trí. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,1$ ng/mL và có giới hạn trên ≥ 1000 ng/mL.	- Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
257.2		Chất chuẩn CEA	Hộp	Có 6 nồng độ khác nhau	
258	PP26 0008 1969	Bộ hóa chất xét nghiệm CEA			Cung cấp hệ thống xét nghiệm miễn dịch tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
258.1		Hóa chất xét nghiệm CEA	Test	Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang hoặc miễn dịch enzym hai vị trí hoặc miễn dịch điện hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới ≤ 2 ng/mL và giới hạn trên ≥ 100 ng/mL. CV% < 10%.	- Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
258.2		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CEA	Hộp	Mẫu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng CEA.	
259	PP26 0008 1970	Hóa chất xét nghiệm định lượng CEA	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,5$ và giới hạn trên ≥ 100 ng/mL ($\mu\text{g/L}$). LoD: ≤ 1 ng/mL. LoQ: $\leq 1,25$ ng/mL.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
260	PP26 0008 1971	Hóa chất xét nghiệm định lượng AFP	Test	Phương pháp hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 1,5$ ng/mL và giới hạn trên ≥ 1000 ng/mL. LoD: ≤ 2 ng/mL.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
261	PP26 0008 1972	Chất hiệu chuẩn AFP	Hộp	Dạng đông khô. Thành phần sau khi hoàn nguyên có nồng độ thấp hoặc cao của alphafetoprotein (ở người) và kháng nguyên carcinoembryonic (ở người); chất đệm BSA; natri azit; chất bảo quản. Quy cách: Hộp/2 x 2 x 2 mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
262	PP26 0008 1973	Bộ thuốc thử xét nghiệm AFP trên hệ thống máy tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
262.1		Thuốc thử xét nghiệm AFP (alpha1-fetoprotein)	Test	Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới ≤ 1 IU/mL và giới hạn trên ≥ 1000 IU/mL Giới hạn phát hiện: $\leq 1,5$ IU/mL. Thành phần chứa tối thiểu: Vi hạt phủ streptavidin, kháng thể đơn dòng đánh dấu biotin, kháng thể đơn dòng kháng AFP đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm phosphate; chất bảo quản.	
262.2		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm AFP (alpha1-fetoprotein)	Hộp	Huyết thanh người đông khô bao gồm 2 nồng độ khác nhau (khoảng 5 IU/mL hoặc 6 ng/mL và khoảng 50 IU/mL hoặc 60 ng/mL).	
263	PP26 0008 1974	Bộ hóa chất xét nghiệm AFP			Cung cấp hệ thống xét nghiệm miễn dịch tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
263.1		Hóa chất xét nghiệm AFP	Test	Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang hoặc miễn dịch enzym hai vị trí hoặc miễn dịch điện hóa phát quang. Phạm vi phân tích có giới hạn dưới ≤ 2 ng/mL và giới hạn trên ≥ 1.000 ng/mL. CV% < 10%.	- Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
263.2		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm AFP	Hộp	Mẫu chuẩn dùng cho xét nghiệm AFP.	
264	PP26 0008 1975	Bộ hóa chất định lượng AFP			- Cung cấp hệ thống xét nghiệm miễn dịch tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
264.1		Hóa chất định lượng AFP	Test	Mẫu đo: Huyết thanh. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch enzym hai vị trí. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,5$ ng/mL và có giới hạn trên ≥ 3000 ng/mL.	
264.2		Chất chuẩn AFP	Hộp	Có 7 nồng độ khác nhau.	
265	PP26 0008 1976	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng AFP trên hệ thống tự động			- Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
265.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng AFP	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới là ≤ 2 ng/mL và có giới hạn trên ≥ 2000 ng/mL. Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,05$ ng/mL.	- Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
265.2		Chất hiệu chuẩn AFP	Hộp	6 mẫu chuẩn với nồng độ khác nhau, trong dung dịch đệm và chất ổn định protein.	
266	PP26 0008 1977	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng Cyfra 21-1 trên hệ thống tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
266.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng Cyfra 21- 1	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới là $\leq 0,5$ ng/mL và có giới hạn trên ≥ 100 ng/mL. Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,05$ ng/mL.	
266.2		Chất hiệu chuẩn Cyfra 21- 1	Hộp	6 mẫu chuẩn có 6 mức nồng độ khác nhau.	
266.3		Chất kiểm chứng Cyfra 21- 1	Hộp	Mẫu chứng nồng độ thấp, trung bình và cao được điều chế trong dung dịch chất nền nhân tạo và có chứa kháng nguyên dẫn xuất từ dòng tế bào người.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
267	PP26 0008 1978	Bộ thuốc thử xét nghiệm CYFRA 21-1 trên hệ thống máy tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
267.1		Thuốc thử xét nghiệm CYFRA 21-1	Test	Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,1$ ng/mL và giới hạn trên ≥ 500 ng/mL. Giới hạn phát hiện $\leq 0,3$ ng/mL. Thành phần tối thiểu chứa: Vi hạt phủ streptavidin; Kháng thể đơn dòng kháng cytokeratin 19 đánh dấu biotin; Kháng thể đơn dòng kháng cytokeratin 19 đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm phosphate; chất bảo quản.	
267.2		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CYFRA 21-1	Hộp	Huyết thanh người đông khô chứa cytokeratin với hai khoảng nồng độ (khoảng 0 ng/mL và khoảng 50 ng/mL).	
268	PP26 0008 1979	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng Cortisol trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
268.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng Cortisol	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương/nước tiểu. Phương pháp hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,5 \mu\text{g/dL}$ và giới hạn trên $\geq 75 \mu\text{g/dL}$. LoD $\leq 0,15 \mu\text{g/dL}$ với mẫu huyết thanh, $\leq 0,45 \mu\text{g/dL}$ với mẫu nước tiểu.	- Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
268.2		Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm định lượng Cortisol	Hộp	Dạng đông khô. Thành phần tối thiểu chứa: huyết tương người; natri azit; chất bảo quản.	
269	PP26 0008 1980	Bộ hóa chất định lượng Cortisol			Cung cấp hệ thống xét nghiệm miễn dịch tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
269.1		Hóa chất định lượng Cortisol	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch enzym liên kết cạnh tranh. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,5 \mu\text{g/dL}$ và giới hạn trên $\geq 60 \mu\text{g/dL}$.	
269.2		Chất chuẩn Cortisol	Hộp	Có 6 nồng độ khác nhau	
270	PP26 0008 1981	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng Cortisol trên hệ thống tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
270.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng Cortisol	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương/nước tiểu. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới là $\leq 1 \mu\text{g/dL}$ và có giới hạn trên $\geq 59 \mu\text{g/dL}$. Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,7 \mu\text{g/dL}$.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
270.2		Chất hiệu chuẩn Cortisol	Hộp	6 mẫu chuẩn có 6 mức nồng độ khác nhau.	
271	PP26 0008 1982	Bộ thuốc thử xét nghiệm Cortisol trên hệ thống máy tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
271.1		Hóa chất xét nghiệm Cortisol	Test	Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 1,5$ nmol/L và giới hạn trên ≥ 1750 nmol/L. Thành phần chứa tối thiểu: Vi hạt phủ streptavidin, kháng thể đơn dòng đánh dấu biotin, dẫn xuất cortisol (tổng hợp) đánh dấu phức hợp ruthenium; danazol, đệm MES; chất bảo quản.	
271.2		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Cortisol	Hộp	Hai mẫu chuẩn huyết thanh người đông khô với hai nồng độ khác nhau (khoảng 12,5 nmol/L và khoảng 1000 nmol/L).	
272	PP26 0008 1983	Bộ thuốc thử xét nghiệm PSA trên hệ thống máy tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
272.1		Thuốc thử xét nghiệm PSA	Test	Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,01$ ng/mL và giới hạn trên ≥ 100 ng/mL. Thành phần chứa tối thiểu: Vi hạt phủ streptavidin, kháng thể đơn dòng đánh dấu biotin, kháng thể đơn dòng kháng PSA đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm phosphate; chất bảo quản.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
272.2		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm PSA	Hộp	Huyết thanh người đông khô với hai khoảng nồng độ chuẩn khác nhau (khoảng 0 ng/mL và khoảng 60 ng/mL).	
273	PP26 0008 1984	Bộ hóa chất định lượng total PSA			Cung cấp hệ thống xét nghiệm miễn dịch tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS
273.1		Hóa chất định lượng PSA toàn phần	Test	Mẫu đo: Huyết thanh. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch enzym hai vị trí. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,01$ ng/mL và giới hạn trên ≥ 150 ng/mL.	- Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
273.2		Chất chuẩn xét nghiệm PSA toàn phần	Hộp	Có 6 nồng độ khác nhau	
274	PP26 0008 1985	Bộ hóa chất xét nghiệm PSA trên hệ thống tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ.
274.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng TOTAL PSA	Test	Mẫu đo: Huyết thanh. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới là $\leq 0,03$ ng/mL và có giới hạn trên ≥ 100 ng/mL. Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,003$ ng/mL.	- Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS
274.2		Chất hiệu chuẩn TOTAL PSA	Hộp	Mẫu chuẩn 1 thành phần có đệm TRIS với chất ổn định protein (tử bò). Mẫu chuẩn 2 thành phần có PSA (người) được điều chế trong đệm TRIS với chất ổn định protein (tử bò).	- Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
275	PP26 0008 1986	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng PSA trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
275.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng PSA	Test	Mẫu đo: Huyết thanh. Phương pháp hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,01$ ng/mL và giới hạn trên ≥ 100 ng/mL ($\mu\text{g/L}$). LoD: $\leq 0,02$ ng/mL ($\mu\text{g/L}$). LoQ: $\leq 0,02$ ng/mL ($\mu\text{g/L}$).	
275.2		Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm định lượng PSA	Hộp	Dạng đông khô. Thành phần tối thiểu chứa: huyết thanh dê; natri azit; chất bảo quản.	
276	PP26 0008 1987	Bộ thuốc thử xét nghiệm Free PSA trên hệ thống máy tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
276.1		Hóa chất xét nghiệm Free PSA	Test	Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,01$ ng/mL và giới hạn trên ≥ 50 ng/mL. Thành phần chứa tối thiểu: Vi hạt phủ streptavidin, kháng thể đơn dòng đánh dấu biotin, Kháng thể đơn dòng kháng PSA đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm phosphate; chất bảo quản.	
276.2		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Free PSA	Hộp	Hỗn hợp đệm/protein sẵn sàng sử dụng với hai nồng độ khác nhau (khoảng 0,1 ng/mL và khoảng 20 ng/mL).	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
277	PP26 0008 1988	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng FREE PSA trên hệ thống tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
277.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng FREE PSA	Test	Mẫu đo: Huyết thanh. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới là $\leq 0,03$ ng/mL và có giới hạn trên ≥ 30 ng/mL. Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,004$ ng/mL.	
277.2		Chất hiệu chuẩn FREE PSA	Hộp	Mẫu chuẩn 1 thành phần có đệm TRIS với chất ổn định protein (từ bò). Mẫu chuẩn 2 thành phần có PSA (từ người) được điều chế trong đệm TRIS với chất ổn định protein (từ bò).	
278	PP26 0008 1989	Bộ hóa chất định lượng Free T3			Cung cấp hệ thống xét nghiệm miễn dịch tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
278.1		Hóa chất định lượng Free T3	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch enzym liên kết cạnh tranh. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 1,5$ pmol/L và giới hạn trên ≥ 45 pmol/L.	
278.2		Chất chuẩn Free T3	Hộp	Có 6 nồng độ khác nhau	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
279	PP26 0008 1990	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng FREE T3 trên hệ thống tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
279.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng Free T3	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới là $\leq 1,5$ pg/mL và có giới hạn trên ≥ 20 pg/mL. Ngưỡng phát hiện (LOD): ≤ 1 pg/mL.	
279.2		Chất hiệu chuẩn Free T3	Hộp	Mẫu chuẩn được điều chế trong huyết thanh người. 6 mẫu chuẩn với các nồng độ khác nhau.	
280	PP26 0008 1991	Bộ thuốc thử xét nghiệm FT3 trên hệ thống máy tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
280.1		Hóa chất xét nghiệm FT3	Test	Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,6$ pmol/L và giới hạn trên ≥ 50 pmol/L. Thành phần chứa tối thiểu: Vi hạt phủ streptavidin, kháng thể đơn dòng kháng T3 (cừu) đánh dấu phức hợp ruthenium; T3 đánh dấu biotine, đệm phosphate; chất bảo quản.	
280.2		Chất kiểm chuẩn FT3 III	Hộp	Huyết thanh người đông khô, với 2 khoảng nồng độ chuẩn khác nhau.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
281	PP26 0008 1992	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng Free Triiodothyronine trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,2$ pg/mL và giới hạn trên ≥ 20 pg/mL. LoD: $\leq 0,02$ pg/mL.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
282	PP26 0008 1993	Bộ hóa chất định lượng Free T4			Cung cấp hệ thống xét nghiệm miễn dịch tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS
282.1		Hóa chất định lượng Free T4	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch enzym hai bước. Khoảng đo có giới hạn dưới ≤ 5 pmol/L và giới hạn trên ≥ 75 pmol/L.	- Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
282.2		Chất chuẩn Free T4	Hộp	Có 6 nồng độ khác nhau	
283	PP26 0008 1994	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng FREE T4 trên hệ thống tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ.
283.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng Free T4	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới là $\leq 0,42$ ng/dL và có giới hạn trên ≥ 5 ng/dL. Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,3$ ng/dL.	- Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
283.2		Chất hiệu chuẩn Free T4	Hộp	Mẫu chuẩn được điều chế trong huyết thanh người. 6 mẫu chuẩn với các nồng độ khác nhau.	
284	PP26 0008 1995	Bộ thuốc thử xét nghiệm FT4 trên hệ thống máy tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
284.1		Hóa chất xét nghiệm FT4	Test	Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Phương pháp miễn dịch cạnh tranh. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,5$ pmol/L và giới hạn trên ≥ 100 pmol/L. Thành phần chứa tối thiểu: Vi hạt phủ streptavidin, kháng thể đơn dòng kháng T4 (thỏ) đánh dấu phức hợp ruthenium; T4 đánh dấu biotine, đệm phosphate; chất bảo quản.	
284.2		Dung dịch kiểm chuẩn FT4	Hộp	Hỗn hợp đệm/protein sẵn sàng để sử dụng chứa L-thyroxine với hai khoảng nồng độ.	
285	PP26 0008 1996	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng Free Thyroxine trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,1$ ng/dL và giới hạn trên ≥ 12 ng/dL. LoD: $\leq 0,2$ ng/dL.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
286	PP26 0008 1997	Bộ hóa chất định lượng TSH			Cung cấp hệ thống xét nghiệm miễn dịch tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
286.1		Hóa chất định lượng TSH (3rd IS)	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch enzym hai vị trí. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,01 \mu\text{IU/mL}$ và giới hạn trên $\geq 50 \mu\text{IU/mL}$.	
286.2		Chất chuẩn TSH (3rd IS)	Hộp	Có 6 nồng độ khác nhau	
287	PP26 0008 1998	Bộ thuốc thử xét nghiệm TSH trên hệ thống máy tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
287.1		Hóa chất xét nghiệm TSH	Test	Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,005 \mu\text{IU/mL}$ và giới hạn trên $\geq 100 \mu\text{IU/mL}$. Thành phần chứa tối thiểu: Vi hạt phủ streptavidin, kháng thể đơn dòng đánh dấu biotin, kháng thể đơn dòng kháng TSH (chuột/người) đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm phosphate; chất bảo quản.	
287.2		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm TSH	Hộp	Hỗn hợp huyết thanh ngựa và hỗn hợp huyết thanh người với TSH người ở 2 khoảng nồng độ.	
288	PP26 0008 1999	Bộ hóa chất xét nghiệm TSH trên hệ thống tự động			

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
288.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng TSH	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Khoảng đo thường quy có giới hạn dưới là $\leq 0,01$ $\mu\text{IU/mL}$ và có giới hạn trên ≥ 100 $\mu\text{IU/mL}$. Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,004$ $\mu\text{IU/mL}$.	sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
288.2		Chất hiệu chuẩn TSH	Hộp	Mẫu chuẩn 1 có thành phần có dung dịch đệm TRIS với chất ổn định protein (tử bò). Mẫu chuẩn 2 có thành phần TSH (tái tổ hợp) trong dung dịch đệm TRIS với chất ổn định protein (tử bò).	
289	PP26 0008 2000	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng TSH trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp	Test	Phương pháp hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,01$ $\mu\text{IU/mL}$ và giới hạn trên ≥ 150 $\mu\text{IU/mL}$ (mIU/L).LoD: $\leq 0,003$ $\mu\text{IU/mL}$ (mIU/L). LoQ: $\leq 0,004$ $\mu\text{IU/mL}$ (mIU/L).	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
290	PP26 0008 2001	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng FSH trên hệ thống tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ.
290.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng FSH	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới là $\leq 0,2$ mIU/mL và có giới hạn trên ≥ 150 mIU/mL.	- Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
				Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,02$ mIU/mL.	tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
290.2		Chất hiệu chuẩn FSH	Hộp	Mẫu chuẩn 1 có thành phần huyết thanh bò. Mẫu chuẩn 2 có thành phần FSH (từ người) được chuẩn bị trong huyết thanh bò.	
291	PP26 0008 2002	Thuốc thử xét nghiệm FSH	Test	Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,5$ mIU/mL và giới hạn trên ≥ 200 mIU/mL. Thành phần chứa tối thiểu: Vi hạt phủ streptavidin, Kháng thể đơn dòng đánh dấu biotin, kháng thể đơn dòng kháng FSH đánh dấu phức hợp ruthenium, đệm MES; chất bảo quản.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
292	PP26 0008 2003	Bộ thuốc thử xét nghiệm LH trên hệ thống máy tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải.
292.1		Thuốc thử xét nghiệm LH	Test	Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,5$ mIU/mL và giới hạn trên ≥ 200 mIU/mL. Thành phần chứa tối thiểu: Vi hạt phủ streptavidin, kháng thể đơn dòng đánh dấu biotin, kháng thể đơn dòng kháng LH đánh dấu phức hợp ruthenium, đệm TRIS; chất bảo quản.	- Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
292.2		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm LH	Hộp	Hai mẫu chuẩn hỗn hợp huyết thanh người đông khô với hai nồng độ khác nhau (khoảng 1 mIU/mL và khoảng 45 mIU/mL)	
293	PP26 0008 2004	Bộ hóa chất xét nghiệm LH trên hệ thống tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
293.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng LH	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Khoảng đo thường quy có giới hạn dưới là $\leq 0,2$ mIU/mL và có giới hạn trên ≥ 250 mIU/mL. Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,04$ mIU/mL.	
293.2		Chất hiệu chuẩn LH	Hộp	6 mẫu chuẩn có 6 mức nồng độ khác nhau trong dung dịch đệm phosphate với chất ổn định protein.	
294	PP26 0008 2005	Hóa chất xét nghiệm định lượng Digoxin	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch đo độ đục. Khoảng đo có giới hạn dưới là $\leq 0,2$ ng/mL và có giới hạn trên ≥ 5 ng/mL. Ngưỡng phát hiện LoD: $\leq 0,05$ ng/mL.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
295	PP26 0008 2006	Hóa chất xét nghiệm định lượng Digoxin trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp miễn dịch cạnh tranh sử dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,1$ ng/mL và giới hạn trên ≥ 5 ng/mL. LoD: $\leq 0,3$ ng/mL.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
296	PP26 0008 2007	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng PTH trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ.
296.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng PTH	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp hóa phát quang. Bao gồm chất hiệu chuẩn có thành phần tối thiểu chứa huyết tương người. Khoảng đo có giới hạn dưới ≤ 5 pg/mL và giới hạn trên ≥ 2000 pg/mL. LoD $\leq 1,5$ pg/mL. LoQ ≤ 5 pg/mL.	- Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
296.2		Hóa chất chứng cho xét nghiệm định lượng Intact PTH	Hộp	Dạng đông khô. Thành phần tối thiểu chứa: dung dịch muối đệm; huyết tương người; chất ức chế serine protease; chất hoạt tính bề mặt; chất bảo quản.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
297	PP26 0008 2008	Bộ thuốc thử xét nghiệm PTH trên hệ thống máy tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
297.1		Thuốc thử xét nghiệm PTH	Test	Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 2,5$ pg/mL và giới hạn trên ≥ 5000 pg/mL. Thành phần chứa tối thiểu: Vi hạt phủ streptavidin, Kháng thể đơn dòng đánh dấu biotin, kháng thể đơn dòng kháng PTH đánh dấu phức hợp ruthenium, đệm phosphate; chất bảo quản.	
297.2		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm PTH	Hộp	Hai mẫu chuẩn huyết thanh người đông khô với hai nồng độ khác nhau.	
298	PP26 0008 2009	Bộ hóa chất xét nghiệm PTH trên hệ thống tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
298.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng Intact PTH	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Khoảng đo thường quy có giới hạn dưới là ≤ 3 pg/mL và có giới hạn trên ≥ 3000 pg/mL. Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,5$ pg/mL.	
298.2		Chất hiệu chuẩn Intact PTH	Hộp	6 mẫu chuẩn có 6 mức nồng độ khác nhau trong đệm Bis-Tris Propane với chất ổn định protein.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
298.3		Chất kiểm chứng PTH	Hộp	Mẫu chứng có 3 nồng độ khác nhau, có thành phần PTH (peptide tái tổ hợp) trong dung dịch đệm Bis-Tris Propane có chất ổn định protein (tử bò).	
299	PP26 0008 2010	Bộ thuốc thử xét nghiệm Prolactin trên hệ thống máy tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
299.1		Hóa chất xét nghiệm Prolactin	Test	Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới ≤ 1 ng/mL và giới hạn trên ≥ 450 ng/mL. Thành phần chứa tối thiểu: Vi hạt phủ streptavidin, Kháng thể đơn dòng đánh dấu biotin, kháng thể đơn dòng kháng prolactin (chuột) đánh dấu phức hợp ruthenium, đệm phosphate; chất bảo quản.	
299.2		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Prolactin	Hộp	Hai mẫu chuẩn huyết thanh ngựa đông khô với hai nồng độ khác nhau.	
300	PP26 0008 2011	Bộ hóa chất xét nghiệm Prolactin trên hệ thống tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
300.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng Prolactin	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Khoảng đo thường quy có giới hạn dưới là $\leq 0,9$ ng/mL và có giới hạn trên ≥ 200 ng/mL. Ngưỡng phát hiện LoD: $\leq 0,5$ ng/mL.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
300.2		Chất hiệu chuẩn Prolactin	Hộp	2 mẫu chuẩn có 2 mức nồng độ khác nhau có thành phần prolactin (từ người) trong dung dịch đệm TRIS với chất ổn định protein (từ bò).	
301	PP26 0008 2012	Bộ hóa chất định lượng hsTnI			Cung cấp hệ thống xét nghiệm miễn dịch tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
301.1		Hóa chất định lượng hsTnI	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch enzym hai bước liên tiếp. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 2,5$ pg/mL và giới hạn trên ≥ 25.000 pg/mL.	
301.2		Chất chuẩn hsTnI	Hộp	Có 7 nồng độ khác nhau	
301.3		Chất kiểm chứng hsTnI	Hộp	Chất kiểm chứng dạng lỏng, dùng giám sát các xét nghiệm dấu ấn tim mạch đặc hiệu. Có nguồn gốc từ huyết thanh người.	
302	PP26 0008 2013	Bộ hóa chất xét nghiệm HS Troponin I trên hệ thống tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
302.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng HS Troponin I	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Khoảng đo thường quy có giới hạn dưới là ≤ 4 ng/L và có giới hạn trên ≥ 50.000 ng/L. Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 1,5$ ng/L.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
302.2		Chất hiệu chuẩn HS Troponin I	Hộp	6 mẫu chuẩn có 6 mức nồng độ khác nhau trong đệm phosphate với chất ổn định protein.	
302.3		Chất kiểm chứng HS Troponin I	Hộp	Mẫu chứng nồng độ thấp, trung bình và cao có thành phần phức hợp troponin IC tìm người dạng tái tổ hợp trong đệm phosphate và chất ổn định protein (từ bò).	
303	PP26 0008 2014	Hóa chất xét nghiệm định lượng Troponin trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp	Test	Phương pháp hóa phát quang. Chất hiệu chuẩn nồng độ thấp chứa tối thiểu: Chất đệm HEPES; albumin huyết thanh bò (BSA); chất hoạt tính bề mặt; chất bảo quản. Chất hiệu chuẩn nồng độ cao chứa tối thiểu: huyết thanh người; cTnI người; các chất bảo quản. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 2,5$ pg/mL và giới hạn trên ≥ 25.000 pg/mL. LoQ: $\leq 2,5$ pg/mL. LoD: ≤ 2 pg/mL.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
304	PP26 0008 2015	Bộ thuốc thử xét nghiệm Troponin T hs trên hệ thống máy tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
304.1		Hóa chất định lượng Troponin T hs	Test	Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới ≤ 3 ng/L và giới hạn trên ≥ 10.000 ng/L. Thành phần chứa tối thiểu: Vi hạt phủ streptavidin, Kháng thể đơn dòng kháng troponin T tim (chuột) đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm phosphate; chất bảo quản.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
304.2		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Troponin T hs	Hộp	Hai mẫu chuẩn huyết thanh người đông khô chứa troponin T với hai nồng độ khác nhau (khoảng 18 ng/L và khoảng 4200 ng/L).	
305	PP26 0008 2016	Chất kiểm chứng xét nghiệm Troponin	Hộp	Hai mẫu chứng đông khô lấy từ huyết thanh người với hai nồng độ khác nhau. Quy cách: 4 x 2mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
306	PP26 0008 2017	Bộ hóa chất xét nghiệm Tacrolimus trên hệ thống tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
306.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng Tacrolimus	Test	Mẫu đo: Máu toàn phần. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Khoảng đo thường quy có giới hạn dưới là ≤ 2 ng/mL và có giới hạn trên ≥ 30 ng/mL. Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,6$ ng/mL	
306.2		Hóa chất tách Tacrolimus khỏi mẫu	Hộp	Thành phần chứa tối thiểu dung dịch kèm sulfate trong methanol và ethylene glycol.	
306.3		Chất hiệu chuẩn Tacrolimus	Hộp	6 mẫu chuẩn có 6 mức nồng độ khác nhau được điều chế với máu toàn phần người đã xử lý.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
306.4		Chất kiểm chứng xét nghiệm miễn dịch ghép tạng	Hộp	Mẫu chứng dùng kiểm soát chất lượng xét nghiệm Tacrolimus. Được điều chế từ máu toàn phần người.	
307	PP26 0008 2018	Ống tiền xử lý	Ống	Ống nghiệm sử dụng trong xét nghiệm Tacrolimus	
308	PP26 0008 2019	Bộ hóa chất xét nghiệm PCT trên hệ thống tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
308.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng PCT	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Khoảng đo thường quy có giới hạn dưới là $\leq 0,02$ ng/mL và có giới hạn trên ≥ 100 ng/mL. Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,01$ ng/mL.	
308.2		Chất kiểm chuẩn PCT	Hộp	6 mẫu chuẩn có 6 mức nồng độ khác nhau.	
308.3		Chất kiểm chứng PCT	Hộp	Mẫu chứng nồng độ thấp, trung bình và cao có thành phần PCT dạng tái tổ hợp được điều chế trong đệm phosphate	
309	PP26 0008 2020	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng PCT trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
309.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng PCT	Test	Phương pháp hóa phát quang. Bao gồm chất hiệu chuẩn: có chứa PCT tái tổ hợp; huyết thanh ngựa; chất bảo quản. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,03$ ng/mL và giới hạn trên ≥ 50 ng/mL. LoD: $\leq 0,03$ ng/mL.	nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
309.2		Hóa chất chứng cho xét nghiệm định lượng PCT	Hộp	Dạng đông khô. Sau khi hoàn nguyên, có các nồng độ rPCT khác nhau; huyết tương người đã xử lý; chất bảo quản.	
310	PP26 0008 2021	Thuốc thử xét nghiệm PCT (procalcitonin)	Test	Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,02$ ng/mL và giới hạn trên ≥ 100 ng/mL. Bao gồm 2 nồng độ chất chuẩn, 2 nồng độ chất chứng khác nhau. Thành phần chứa tối thiểu: Vi hạt phủ streptavidin, Kháng thể đơn dòng kháng PCT (chuột) đánh dấu biotin, Kháng thể đơn dòng kháng PCT (chuột) đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm phosphate; chất bảo quản.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
311	PP26 0008 2022	Bộ hóa chất định lượng total βhCG			Cung cấp hệ thống xét nghiệm miễn dịch tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS
311.1		Hóa chất định lượng total β hCG	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch enzym hai bước. Khoảng đo có giới hạn dưới ≤ 1 mIU/mL và giới hạn trên ≥ 1300 mIU/mL.	- Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
311.2		Chất chuẩn Total β hCG (5th IS)	Hộp	Có 6 nồng độ khác nhau.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
312	PP26 0008 2023	Bộ hóa chất xét nghiệm beta HCG			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
312.1		Hóa chất xét nghiệm beta HCG	Test	Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Giới hạn phát hiện có giới hạn dưới $\leq 0,2$ mIU/mL và giới hạn trên ≥ 10.000 mIU/mL. Thành phần chứa tối thiểu: Vi hạt phủ streptavidin có chứa: Vi hạt phủ streptavidin; Kháng thể đơn dòng kháng hCG (chuột) đánh dấu biotin; Kháng thể đơn dòng kháng hCG (chuột) đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm phosphate; chất bảo quản.	
312.2		Chất kiểm chuẩn xét nghiệm beta HCG	Hộp	Hai mẫu chuẩn huyết thanh người đông khô chứa hCG với hai khoảng nồng độ khác nhau.	
313	PP26 0008 2024	Bộ hóa chất xét nghiệm BHCG trên hệ thống tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
313.1		Hóa chất xét nghiệm BHCG	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Khoảng đo thường quy có giới hạn dưới là $\leq 2,5$ mIU/mL và có giới hạn trên ≥ 15.000 mIU/mL. Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 1,1$ mIU/mL.	
313.2		Chất hiệu chuẩn BHCG	Hộp	6 mẫu chuẩn có 6 mức nồng độ khác nhau.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
314	PP26 0008 2025	Bộ hóa chất xét nghiệm PIVKA-II			Cung cấp hệ thống xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang tự động có xuất xứ/chủ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS
314.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng PIVKA-II	Test	Xét nghiệm định lượng PIVKA-II trên máy phân tích tự động. Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch huỳnh quang hoặc hóa phát quang hoặc điện di. Khoảng đo có giới hạn dưới ≤ 10 mAU/mL và giới hạn trên ≥ 15.000 mAU/mL.	- Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
314.2		Chất hiệu chuẩn PIVKA-II	mL	Dùng cho xét nghiệm PIVKA-II. Thành phần: + Chất đệm điện di; + Dung dịch kháng thể được đánh dấu; + Kháng thể kháng PIVKA II ở người kết hợp với ion âm (kháng thể đơn dòng ở chuột); + Kháng thể kháng prothrombin ở người được đánh dấu thuốc nhuộm huỳnh quang (kháng thể đơn dòng ở chuột); + Dung dịch thuốc nhuộm huỳnh quang.	
314.3		Chất chứng PIVKA-II mức thấp	mL	Dùng cho xét nghiệm PIVKA-II. Thành phần: + Chất đệm điện di; + Dung dịch kháng thể được đánh dấu; + Kháng thể kháng PIVKA II ở người kết hợp với ion âm (kháng thể đơn dòng ở chuột); + Kháng thể kháng prothrombin ở người được đánh dấu thuốc nhuộm huỳnh quang (kháng thể đơn dòng ở chuột); + Dung dịch thuốc nhuộm huỳnh quang.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
314.4		Chất chứng PIVKA-II mức cao	mL	Dùng cho xét nghiệm PIVKA-II Thành phần: + Chất đệm điện di + Dung dịch kháng thể được đánh dấu + Kháng thể kháng PIVKA II ở người kết hợp với ion âm (kháng thể đơn dòng ở chuột) + Kháng thể kháng prothrombin ở người được đánh dấu thuốc nhuộm huỳnh quang (kháng thể đơn dòng ở chuột) + Dung dịch thuốc nhuộm huỳnh quang	
315	PP26 0008 2026	Bộ thuốc thử xét nghiệm TSHR trên hệ thống máy tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
315.1		Thuốc thử xét nghiệm tự kháng thể kháng TSHR	Test	Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới ≤ 1 IU/L; giới hạn trên ≥ 40 IU/L. Thành phần chứa tối thiểu: Vi hạt phủ streptavidin, dung dịch đệm, kháng thể đơn dòng kháng TSHR M22 (người) đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm phosphate; chất bảo quản.	
315.2		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm tự kháng thể kháng TSHR	Hộp	Hỗn hợp huyết thanh người đông khô chứa kháng thể kháng TSHR người với 2 khoảng nồng độ.	
316	PP26 0008 2027	Bộ hóa chất xét nghiệm TRab trên hệ thống tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
316.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng Trab	Test	Mẫu đo: Huyết thanh. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 1,5$ IU/L và có giới hạn trên ≥ 50 IU/L. Ngưỡng phát hiện (LOD): ≤ 1 IU/L.	nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
316.2		Chất chuẩn xét nghiệm định lượng Trab	Hộp	6 mẫu với 6 mức nồng độ khác nhau trong đệm natri clorua / natri phosphat với chất ổn định protein.	
316.3		Chất chứng xét nghiệm định lượng Trab	Hộp	Ba mẫu chứng nồng độ khác nhau trong đệm natri clorua / natri phosphat có chất ổn định protein.	
317	PP26 0008 2028	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng ANTI TPO trên hệ thống tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
317.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng Anti TPO	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới là ≤ 3 IU/mL và có giới hạn trên ≥ 1000 IU/mL. Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,05$ IU/mL.	
317.2		Chất hiệu chuẩn Anti-TPO	Hộp	6 mẫu chuẩn có 6 mức nồng độ khác nhau trong đệm phosphate với chất ổn định protein.	
317.3		Chất kiểm chứng Anti-TPO	Hộp	Gồm mẫu chứng âm và chứng dương có thành phần huyết tương người trong đệm phosphate với chất ổn định protein.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
318	PP26 0008 2029	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm kháng thể kháng thyroid peroxidase	Hộp	Mẫu chứng huyết thanh đông khô lấy từ hỗn hợp huyết thanh người với 2 khoảng nồng độ. Mẫu chứng được dùng để kiểm tra độ chính xác và độ chụm của các xét nghiệm Anti-TSHR, Anti-TPO và Anti-Tg. Quy cách: 4 x 2mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
319	PP26 0008 2030	Vật liệu kiểm chứng các xét nghiệm miễn dịch	Hộp	Huyết thanh chứng đông khô lấy từ huyết thanh người với 2 khoảng nồng độ. Quy cách: Hộp/4 x 3mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
320	PP26 0008 2031	Dung dịch kích hoạt phản ứng hóa phát quang	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: Đệm phosphate; tripropylamine; chất tẩy $\leq 0,1$ %; pH $\leq 6,8$. Quy cách: Hộp/2 x 2L	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
321	PP26 0008 2032	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm định lượng tuyến giáp	Hộp	Mục đích hiệu chuẩn các xét nghiệm: FT3 và FT4. Dạng đông khô. Thành phần tối thiểu chứa: nồng độ FT3 và FT4, protein liên kết tuyến giáp không bão hòa cao hoặc thấp, huyết tương người; natri azit; chất bảo quản; chất ổn định protein. Quy cách: Hộp/2 x 2 x 5 mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất BHYT dự kiến cho mượn)
322	PP26 0008 2033	Hóa chất chứng cho các xét nghiệm Prolactin, Testosterone, HCG, LH, FSH, FT3, FT4, TSH, Anti TPO, Anti TG, Cortisol, Cycloporine, Cortisol, Progesterone, AFP, CEA, CA 125, CA 153, CA199, PSA	Hộp	Chất đông khô, gốc huyết thanh người, dùng nội kiểm các xét nghiệm miễn dịch (Prolactin, Testosterone, HCG, LH, FSH, FT3, FT4, TSH, Anti TPO, Anti TG, Cortisol, Cycloporine, Cortisol, Progesterone, AFP, CEA, CA 125, CA 153, CA199, PSA). Quy cách: Hộp/2 x 6 x 1mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
323	PP26 0008 2034	Bộ vật liệu kiểm soát cho các xét nghiệm viêm gan B, C, HIV			Cung cấp hệ thống xét nghiệm miễn dịch tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
323.1		Chất chứng cho các xét nghiệm HBsAg, HBeAg, Anti-HBs, Anti-HBe, và Anti-HBc.	Hộp	Gồm 4 mẫu chứng khác nhau, không chứa thành phần có nguồn gốc từ người. Vật liệu kiểm soát là kháng nguyên: gồm các kháng nguyên tái tổ hợp không lây nhiễm. Vật liệu kiểm soát là kháng thể: chứa các kháng thể đơn dòng chuột và kháng thể đa dòng từ thỏ không lây nhiễm. Quy cách: 3mL x 2 x 4 levels	
323.2		Chất chứng cho xét nghiệm kháng nguyên HBs, kháng thể HCV, kháng thể TP, kháng thể HIV và kháng thể HTLV-1.	Hộp	Gồm 2 mẫu chứng khác nhau dùng để kiểm soát chất lượng cho xét nghiệm kháng nguyên HBs, kháng thể HCV, kháng thể TP, kháng thể HIV và kháng thể HTLV-1. Quy cách: 3mL x 3 x 2 levels	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
324	PP26 0008 2035	Sinh phẩm, vật tư đi kèm sử dụng cho máy miễn dịch			Cung cấp hệ thống xét nghiệm miễn dịch tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
324.1		Chất nền hóa phát quang	Hộp	Thành phần chứa: Disodium 2-chloro-5-(4-methoxyspiro{1,2-dioxetane-3,2'-(5'-chloro)-tricyclo[3.3.1.1 ^{3,7}]decan}-4-yl)-1-phenylphosphate. Quy cách: R4: 40mL x 1, R5: 70mL x 1	
324.2		Nước rửa cho phản ứng của máy xét nghiệm miễn dịch	Hộp	Tween20 nồng độ $\leq 0,1\%$. Quy cách: 10L x 1	
324.3		Nước rửa đường ống của máy xét nghiệm miễn dịch	Hộp	Đệm TRIS $\leq 0,2\%$ Quy cách: 10L x 1	
324.4		Nước rửa kim hút hóa chất cho máy xét nghiệm miễn dịch	Hộp	Sodium hypochlorite $\leq 3,5\%$ Quy cách: 250mL x 2	
324.5		Dung dịch pha loãng mẫu	Hộp	Bovine serum albumin $\leq 1\%$ Quy cách: 20mL x 1	
324.6		Cóng phản ứng cho xét nghiệm miễn dịch	Cái	Cóng phản ứng dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch.	
324.7		Đầu côn cho xét nghiệm miễn dịch	Cái	Đầu côn dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
325	PP26 0008 2036	Sinh phẩm và vật tư đi kèm sử dụng cho máy sinh hóa miễn dịch			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
325.1		Chất kiểm chứng xét nghiệm miễn dịch nhiều nồng độ	Hộp	Huyết thanh kiểm tra chất lượng có giá trị để theo dõi độ chính xác của các quy trình xét nghiệm. Được điều chế từ huyết thanh người có sử dụng những nguyên vật liệu hóa sinh đã được tinh sạch (chiết xuất từ nguồn gốc người và động vật), hóa chất, thuốc, chất bảo quản và chất ổn định. Mẫu chứng được sử dụng ở dạng lỏng. Quy cách: Hộp/12 x 5mL	
325.2		Chất kiểm chứng xét nghiệm miễn dịch trong mẫu nước tiểu	Hộp	Huyết thanh kiểm tra chất lượng các xét nghiệm nước tiểu, gồm 2 mức nồng độ. Dạng lỏng. Có thành phần từ nước tiểu người. Quy cách: Hộp/12 x 5mL	
325.3		Dung dịch có tính kiềm chạy trên máy miễn dịch	Hộp	Thành phần chứa dung dịch natri hydroxyd có nồng độ $\geq 0,35$ N. Quy cách: Hộp/4 x 975mL	
325.4		Dung dịch để tách thuốc nhuộm acridinium chạy trên máy miễn dịch	Hộp	Thành phần chứa tối thiểu dung dịch hydro peroxid $\geq 1,3\%$ Quy cách: Hộp/4 x 975mL	
325.5		Nước rửa kim hút mẫu máy miễn dịch	Hộp	Có thành phần huyết tương người, chất bảo quản gồm chất kháng vi sinh vật và ProClin. Quy cách: Hộp/2 x 31,8mL	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
325.6		Cồng phản ứng	Thùng	Cồng phản ứng dùng một lần cho phản ứng CMIA (miễn dịch vi hạt hóa phát quang) Quy cách: 4000 cái	
325.7		Dung dịch rửa dùng trên máy miễn dịch	Hộp	Dung dịch có chứa muối đệm phosphate. Quy cách: Hộp/2 x 2L	
325.8		Chất kiểm chứng các xét nghiệm hoá sinh nồng độ thấp.	Hộp	Huyết thanh kiểm tra chất lượng có giá trị để theo dõi độ chính xác của các quy trình xét nghiệm. Được điều chế từ huyết thanh người có sử dụng những nguyên vật liệu hóa sinh đã được tinh sạch (chiết xuất từ nguồn gốc người và động vật), hóa chất, thuốc, chất bảo quản và chất ổn định. Mẫu chứng được sử dụng ở dạng lỏng. Chất kiểm chứng xét nghiệm hoá sinh nồng độ 1. Quy cách: Hộp/12 x 5mL	
325.9		Chất kiểm chứng các xét nghiệm hoá sinh nồng độ trung bình	Hộp	Huyết thanh kiểm tra chất lượng có giá trị để theo dõi độ chính xác của các quy trình xét nghiệm. Được điều chế từ huyết thanh người có sử dụng những nguyên vật liệu hóa sinh đã được tinh sạch (chiết xuất từ nguồn gốc người và động vật), hóa chất, thuốc, chất bảo quản và chất ổn định. Mẫu chứng được sử dụng ở dạng lỏng. Chất kiểm chứng xét nghiệm hoá sinh nồng độ 2. Quy cách: Hộp/12 x 5mL	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
325.10		Chất kiểm chứng các xét nghiệm hoá sinh nồng độ cao	Hộp	Huyết thanh kiểm tra chất lượng có giá trị để theo dõi độ chính xác của các quy trình xét nghiệm. Được điều chế từ huyết thanh người có sử dụng những nguyên vật liệu hóa sinh đã được tinh sạch (chiết xuất từ nguồn gốc người và động vật), hóa chất, thuốc, chất bảo quản và chất ổn định. Mẫu chứng được sử dụng ở dạng lỏng. Chất kiểm chứng xét nghiệm hoá sinh nồng độ 3. Quy cách: Hộp/12 x 5mL	
325.11		Nước rửa máy sinh hóa	Hộp	Chứa tối thiểu các thành phần: Chất cón, C11-15-secondary, ethoxylated, Natri hydroxide Quy cách: Hộp/10 x 68,4mL, 10 x 44,6mL	
325.12		Nước rửa máy sinh hóa trong bảo dưỡng máy hằng ngày	Hộp	Chứa tối thiểu các thành phần: 2-aminoethanol, Sodium acetate, 3-methyl-3-methoxybutanol, Diethylene glycol monoethyl ether, Polyoxyethylene, polyoxypropylene, Polyoxyalkylene ether, Polyoxyethylene ether, Citric acid Quy cách: Hộp/10 x 68,4mL, 10 x 44,6mL	
325.13		Hóa chất rửa máy sinh hóa có tính axit	Hộp	Chứa tối thiểu các thành phần: Citric acid monohydrate, Oxalic acid dihydrate, Polyethylene glycol, Methanol, Monochloroacetic acid Quy cách: Hộp/2 x 500mL	
325.14		Hóa chất rửa máy sinh hóa có tính kiềm	Hộp	Chứa tối thiểu các thành phần: NaOCl, NaOH, KOH. Quy cách: Hộp/2 x 500mL	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
325.15		Dung dịch rửa kim có tính axit	Hộp	Sử dụng trong quy trình bảo dưỡng hằng ngày. Chứa tối thiểu các thành phần: Citric acid monohydrate, Oxalic acid dihydrate, Polyethylene glycol, Methanol, Monochloroacetic acid. Quy cách: Hộp/10 x 68,4mL, 10 x 44,6mL	
326	PP26 0008 2037	Hóa chất chuẩn cho các xét nghiệm định lượng nội tiết (FSH, LH, HCG)	Hộp	Mục đích dùng trong hiệu chuẩn các xét nghiệm: FSH, LH. Dạng đông khô. Thành phần tối thiểu chứa: huyết thanh ngựa; chất ổn định protein; natri azit; chất bảo quản. Quy cách: Hộp/2 x 2 x 5mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
327	PP26 0008 2038	Sinh phẩm và vật tư đi kèm sử dụng cho máy miễn dịch			Cung cấp hệ thống xét nghiệm miễn dịch tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
327.1		Giếng phản ứng cho dòng máy miễn dịch tự động	Cái	Chất liệu Polypropylene; Dung tích 1mL ($\pm 0,1$ mL)	
327.2		Dung dịch kiểm tra máy	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa Phosphatase kiềm, albumin huyết thanh bò, ProClin 300, natri azit. Quy cách: Hộp/6 x 4mL	
327.3		Dung dịch rửa dòng máy miễn dịch tự động	Hộp	Thành phần: Muối đệm TRIS, chất hoạt tính bề mặt, Natri Azit Quy cách: Hộp/10L	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
327.4		Cơ chất phát quang	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: Dung dịch đệm chứa dioxetane Lumigen PPD, chất huỳnh quang và chất hoạt tính bề mặt Quy cách: Hộp/4 x 130mL	
327.5		Dung dịch rửa máy miễn dịch hàng ngày (có tính kiềm)	Hộp	Thành phần: KOH có nồng độ trong phạm vi từ 1 đến 5% Quy cách: Bình/1L	
327.6		Dung dịch rửa máy miễn dịch hàng ngày (có tính axit)	Hộp	Thành phần chính: Acid hữu cơ. Quy cách: Bình/1 gallon	
328	PP26 0008 2039	Các dung dịch và vật tư đi kèm hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
328.1		Dung dịch phụ cho xét nghiệm	Hộp	Dung dịch phụ cho xét nghiệm. Thành phần tối thiểu chứa: natri hydroxit. Quy cách: Hộp/2 x 25mL	
328.2		Dung dịch rửa kim	Hộp	Dung dịch rửa kim. Thành phần tối thiểu chứa: Natri hypochlorit; natri hydroxit. Quy cách: Hộp/1 x 50mL	
328.3		Dung dịch rửa đầu dò	Hộp	Dung dịch rửa đầu dò. Thành phần tối thiểu chứa: Nước muối đệm phosphat; natri azit; chất hoạt tính bề mặt. Quy cách: Hộp/2 x 25mL	
328.4		Dung dịch acid tham gia phản ứng miễn dịch	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: Hydrogen peroxide; nitric acid. Quy cách: Hộp/2 x 1500mL	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
328.5		Dung dịch base tham gia phản ứng miễn dịch	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: Sodium hydroxide; surfactant. Quy cách: Hộp/2 x 1500mL	
328.6		Dung dịch rửa dùng trong phản ứng miễn dịch	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: Phosphate-buffered saline; sodium azide; surfactant. Quy cách: Hộp/1 x 3000mL	
328.7		Dung dịch tẩy rửa hệ thống	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: Sodium hypochlorite. Quy cách: Hộp/2 x 1500mL	
328.8		Cóng phản ứng	Hộp	Cóng phản ứng bằng chất liệu nhựa cứng, chứa mẫu và hóa chất trong giai đoạn phản ứng trên hệ thống tích hợp tự động hóa. Quy cách: Hộp/3000 cái	
328.9		Đầu côn hút mẫu	Hộp	Đầu côn hút mẫu thử nghiệm bằng chất liệu nhựa cứng trên hệ thống tích hợp tự động hóa Quy cách: Hộp/6480 cái	
328.10		Thanh cóng pha loãng	Hộp	Mục đích sử dụng: Cóng pha loãng trên máy sinh hóa. Quy cách: Hộp/5 segment	
328.11		Thanh cóng phản ứng	Hộp	Mục đích sử dụng: Cóng phản ứng trên máy sinh hóa. Quy cách: Hộp/5 segment	
328.12		Dung dịch làm mát hệ thống quang kế	Hộp	Dùng làm mát hệ thống quang kế. Thành phần tối thiểu chứa: Propylene glycol. Quy cách: Hộp/1 x 250mL	
328.13		Dung dịch rửa phòng chống vi khuẩn cho bề nước và ngăn chặn bong bóng bám vào cuvet	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: Ethanolamine; hexahydro-1,3,5-tris (betahydroxyethyl) triadine; tergitol 15-S-9; natri hidroxit Quy cách: Hộp/4 x 36mL	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất BHYT dự kiến cho mượn)
328.14		Dung dịch rửa và điều chỉnh cuvet phản ứng	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: Tergitol 15-S-9; axit xitric; kali socbat Quy cách: Hộp/2 x 1500mL	
328.15		Dung dịch vệ sinh que thăm pha loãng	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: Natri hipoclorit Quy cách: Hộp/2 x 1500mL	
328.16		Dung dịch rửa cuvet	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: Natri hiđroxit Quy cách: Hộp/2 x 1500mL	
328.17		Dung dịch pha loãng mẫu chính	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: Natri clorua (160 mmol/L); Chất bảo quản Quy cách: Hộp/2 x 1500mL	
328.18		Dung dịch rửa ống hút thuốc thử 1, thiết bị trộn và cuvet	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: Natri hiđroxit (3,6%) Quy cách: Hộp/2 x 4 x 44,6mL	
328.19		Dung dịch rửa ống hút thuốc thử 2, thiết bị trộn và cuvet	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: Axit oxalic; axit glycolic; methanol ; carbowax PEG 400 Quy cách: Hộp/2 x 4 x 44,6mL	
328.20		Dung dịch rửa ống hút thuốc thử 4, thiết bị trộn và cuvet	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: Axit nitric Quy cách: Hộp/4 x 47mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm miễn dịch tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu.
329	PP26 0008 2040	Bộ hóa chất xét nghiệm M2BPGi trên máy tự động			

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
329.1		Thuốc thử cho xét nghiệm đo lượng đồng phân glycosyl hóa của Mac-2 binding protein (M2BPGi)	Test	Thuốc thử chứa tối thiểu các thành phần sau: hạt từ phủ WFA và kháng thể đơn dòng (chuột) kháng M2BP có gắn ALP. Đãi đo: C.O.I. có giới hạn dưới $\leq 0,1$ và giới hạn trên ≥ 20 .	- Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
329.2		Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm M2BPGi.	Hộp	Gồm 2 mẫu hiệu chuẩn khác nhau (âm tính và dương tính).	
329.3		Chất chứng cho xét nghiệm M2BPGi	Hộp	Gồm 2 mẫu chứng khác nhau có chứa kháng nguyên tái tổ hợp không lây nhiễm, không có nguồn gốc từ người.	
330	PP26 0008 2041	Bộ thuốc thử xét nghiệm CA 72-4 trên hệ thống máy tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
330.1		Thuốc thử xét nghiệm CA 72-4	Test	Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,5$ U/mL và giới hạn trên ≥ 250 U/mL. Thành phần chứa tối thiểu: Vi hạt phủ streptavidin, kháng thể đơn dòng kháng CA72-4 đánh dấu biotin, kháng thể đơn dòng kháng CA 72-4 đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm phosphate; chất bảo quản.	
330.2		Vật liệu kiểm soát xét nghiệm CA 72-4	Hộp	Huyết thanh người đông khô chứa CA 72-4 người với 2 khoảng nồng độ.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
331	PP26 0008 2042	Bộ hóa chất xét nghiệm AFP-L3			Cung cấp hệ thống xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang tự động có xuất xứ/chủ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS
331.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng AFP-L3	Test	Thành phần tối thiểu chứa: kháng thể kháng AFP ở người được đánh dấu bằng thuốc nhuộm huỳnh quang. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch huỳnh quang. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,3$ ng/mL và giới hạn trên ≥ 2.000 ng/mL.	- Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
331.2		Chất hiệu chuẩn AFP-L3	mL	Dùng cho xét nghiệm AFP-L3. Thành phần: + Chất đệm điện di; + Dung dịch kháng thể được đánh dấu; + Kháng thể kháng AFP ở người kết hợp ion âm (kháng thể đơn dòng ở chuột); + Kháng thể kháng AFP ở người được đánh dấu bằng thuốc nhuộm huỳnh quang (kháng thể đơn dòng ở chuột); + Dung dịch thuốc nhuộm huỳnh quang.	
331.3		Chất chứng AFP-L3 mức thấp	mL	Dùng cho xét nghiệm AFP-L3. Thành phần: + Chất đệm điện di; + Dung dịch kháng thể được đánh dấu; + Kháng thể kháng AFP ở người kết hợp ion âm (kháng thể đơn dòng ở chuột); + Kháng thể kháng AFP ở người được đánh dấu bằng thuốc nhuộm huỳnh quang (kháng thể đơn dòng ở chuột).	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
331.4		Chất chứng AFP-L3 mức cao	mL	Dùng cho xét nghiệm AFP-L3. Thành phần: + Chất đệm điện di; + Dung dịch kháng thể được đánh dấu; + Kháng thể kháng AFP ở người kết hợp ion âm (kháng thể đơn dòng ở chuột); + Kháng thể kháng AFP ở người được đánh dấu bằng thuốc nhuộm huỳnh quang (kháng thể đơn dòng ở chuột).	
332	PP26 0008 2043	Bộ dung dịch, vật tư xét nghiệm AFP-L3 và PIVKA-II			Cung cấp hệ thống xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang tự động có xuất xứ/chủ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
332.1		Dung dịch rửa máy xét nghiệm AFP-L3 và PIVKA-II	mL	Dùng cho xét nghiệm AFP-L3 và PIVKA-II. Thành phần gồm có: + Dung dịch kiềm có độ pH > 11; + Dung dịch tẩy. Dùng rửa kim của máy, là dung dịch đóng vai trò pha loãng của phức hợp miễn dịch khi thực hiện phân tích.	
332.2		Dung dịch pha loãng mẫu xét nghiệm AFP-L3 và PIVKA-II	mL	Dùng cho xét nghiệm AFP-L3 và PIVKA-II. Thành phần: + Nước muối sinh lý; + Dung dịch bão hòa ion. Dùng để pha loãng mẫu thử khi nồng độ của các chất vượt ngưỡng đo của thiết bị.	
332.3		Cup đựng mẫu xét nghiệm AFP-L3 và PIVKA-II	Cái	Dùng cho xét nghiệm AFP-L3 và PIVKA-II. Dùng để đựng mẫu xét nghiệm, kích thước vừa với ống xét nghiệm miễn dịch.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
332.4		Cống phản ứng xét nghiệm AFP-L3 và PIVKA-II	Khay	Dùng cho xét nghiệm AFP-L3 và PIVKA-II. Đóng vai trò như một Cuvete, cấu tạo gồm cách rãnh mao dẫn, là nơi xảy ra phản ứng của phức hợp miễn dịch khi qua môi trường điện di.	
333	PP26 0008 2044	Bộ thuốc thử xét nghiệm Everolimus trên hệ thống máy tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
333.1		Thuốc thử xét nghiệm Everolimus	Test	Phương pháp xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,5$ ng/mL và giới hạn trên ≥ 30 ng/mL. Thành phần chứa tối thiểu: Vi hạt phủ streptavidin; kháng thể đơn dòng kháng everolimus đánh dấu biotin; dẫn xuất everolimus đánh dấu phức hợp ruthenium.	
333.2		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Everolimus	Hộp	Hai mẫu chuẩn đông khô lấy từ máu người chứa everolimus với hai khoảng nồng độ.	
333.3		Chất kiểm chứng xét nghiệm Everolimus	Hộp	Ba mẫu chứng đông khô lấy từ máu người với ba khoảng nồng độ.	
334	PP26 0008 2045	Bộ hóa chất xét nghiệm ProGRP trên hệ thống tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
334.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng ProGRP	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới ≤ 1 pg/mL và có giới hạn trên ≥ 5000 pg/mL. Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,7$ pg/mL.	- Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
334.2		Chất chuẩn xét nghiệm định lượng ProGRP	Hộp	6 mẫu với 6 mức nồng độ khác nhau trong đệm Citrate với chất ổn định protein.	
334.3		Chất chứng xét nghiệm định lượng ProGRP	Hộp	Mẫu chứng 3 nồng độ có thành phần ProGRP tổng hợp trong đệm citrate với chất ổn định protein (từ bò).	
335	PP26 0008 2046	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng SCC trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
335.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng SCC	Test	Phương pháp hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,25$ ng/mL và giới hạn trên ≥ 70 ng/mL. LoD: $\leq 0,25$ ng/mL. LoQ: $\leq 0,25$ ng/mL.	
335.2		Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm định lượng SCC	Hộp	Thành phần chứa tối thiểu: Kháng nguyên SCCA1 trong dung dịch đệm chứa albumin huyết thanh bò, chất bảo quản.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
335.3		Hóa chất chứng cho xét nghiệm định lượng SCC	Hộp	Thành phần chứa tối thiểu: kháng nguyên SCCA1 trong huyết thanh người, chất bảo quản. 2 nồng độ khác nhau.	
336	PP26 0008 2047	Bộ hóa chất xét nghiệm SCC trên hệ thống tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
336.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng SCC	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,1$ ng/mL và có giới hạn trên ≥ 70 ng/mL. Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,1$ ng/mL.	
336.2		Chất chuẩn xét nghiệm định lượng SCC	Hộp	6 mẫu với 6 mức nồng độ khác nhau trong đệm borate với chất ổn định protein.	
336.3		Chất chứng xét nghiệm định lượng SCC	Hộp	Ba mẫu chứng trong đệm borate có chất ổn định protein.	
337	PP26 0008 2048	Bộ hóa chất xét nghiệm Thyroglobulin trên hệ thống tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
337.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng Thyroglobulin	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,2$ ng/mL và có giới hạn trên ≥ 500 ng/mL. Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,1$ ng/mL.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
337.2		Chất chuẩn xét nghiệm định lượng Thyroglobulin	Hộp	6 mẫu với 6 mức nồng độ khác nhau trong đệm phosphate với chất ổn định protein.	
337.3		Chất chứng xét nghiệm định lượng Thyroglobulin	Hộp	Ba mẫu chứng trong đệm phosphate có chất ổn định protein.	
338	PP26 0008 2049	Bộ hóa chất xét nghiệm TG			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS
338.1		Thuốc thử xét nghiệm thyroglobulin	Test	Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Phương pháp miễn dịch bắt cặp. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,04$ ng/mL và giới hạn trên ≥ 500 ng/mL.	- Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
338.2		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm thyroglobulin	Hộp	Huyết thanh ngựa đông khô chứa thyroglobulin với 2 khoảng nồng độ.	
339	PP26 0008 2050	Hóa chất xét nghiệm định lượng Thyroglobulin trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,05$ ng/mL và giới hạn trên ≥ 150 ng/mL. LoD: $\leq 0,05$ ng/mL. LoQ: $\leq 0,05$ ng/mL.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
340	PP26 0008 2051	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng Interleukin-6 trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS
340.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng Interleukin-6	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp hóa phát quang. Bao gồm chất hiệu chuẩn chứa tối thiểu: IL-6 ở người tái tổ hợp. Dạng đông khô. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 2,7$ pg/mL và giới hạn trên ≥ 5500 pg/mL. LoD: ≤ 1 pg/mL. LoQ: $\leq 2,7$ pg/mL.	- Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
340.2		Hóa chất chứng cho xét nghiệm định lượng Interleukin-6	Hộp	Dạng đông khô. Thành phần tối thiểu chứa: IL-6 ở người tái tổ hợp, albumin huyết thanh bò; chất bảo quản.	
341	PP26 0008 2052	Bộ hóa chất xét nghiệm Cystatin C			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS
341.1		Hóa chất xét nghiệm Cystatin C	Test	Phương pháp đo độ đục miễn dịch. Thành phần: + Thuốc thử 1: Dung dịch đệm Tris, Thuốc chẹn protein huyết thanh được tinh sạch; + Thuốc thử 2: Dung dịch đệm Glycine, Các kháng thể đa dòng kháng cystatin C bám trên các hạt latex. Khoảng nồng độ báo cáo: 0,05 mg/L đến nồng độ mẫu chuẩn cao nhất. Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,05$ mg/L.	- Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
341.2		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Cystatin C	Hộp	Thành phần: mẫu chuẩn dạng lỏng chứa huyết thanh người và cystatin C người tái tổ hợp.	
341.3		Chất chứng xét nghiệm Cystatin C	Hộp	Thành phần: mẫu chứng dạng lỏng chứa huyết thanh người và cystatin C người tái tổ hợp.	
342	PP26 0008 2053	Bộ hóa chất xét nghiệm Cyclosporin trên hệ thống tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
342.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng Cyclosporine	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới ≤ 30 ng/mL và giới hạn trên ≥ 1500 ng/mL.	
342.2		Hóa chất tách Cyclosporine khỏi mẫu	Hộp	Thành phần chứa tối thiểu dung dịch kèm sulfate trong methanol và ethylene glycol.	
342.3		Chất hiệu chuẩn Cyclosporine	Hộp	6 mẫu chuẩn có 6 mức nồng độ khác nhau được điều chế với máu toàn phần người đã xử lý.	
343	PP26 0008 2054	Bộ hóa chất xét nghiệm Vitamin D trên hệ thống tự động			
343.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng Vitamin D	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 3,5$ ng/mL và có giới hạn trên ≥ 150 ng/mL. Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 3,5$ ng/mL.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
343.2		Chất chuẩn xét nghiệm định lượng Vitamin D	Hộp	6 mẫu chuẩn có 6 mức nồng độ khác nhau.	
344	PP26 0008 2055	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng Vitamin D trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
344.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng Vitamin D	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp hóa phát quang. Bao gồm chất hiệu chuẩn có thành phần huyết tương người; albumin huyết thanh bò; cholesterol; chất bảo quản; natri azit. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 4,5$ ng/mL và giới hạn trên ≥ 150 ng/mL. LoD: $\leq 2,8$ ng/mL.	
344.2		Hóa chất chứng cho xét nghiệm định lượng Vitamin D	Hộp	Dạng đông khô. Thành phần tối thiểu chứa: huyết tương người có chất đậm, đã khử xơ với albumin huyết thanh bò; cholesterol; chất bảo quản; natri azit.	
345	PP26 0008 2056	Bộ chất kiểm chứng các xét nghiệm miễn dịch tự miễn			
345.1		Hóa chất kiểm chứng mức âm cho máy miễn dịch sử dụng cartridge	Test	Hóa chất kiểm chứng mức âm cho máy xét nghiệm miễn dịch. Thanh thử bao gồm giếng chứa mẫu âm tính.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm miễn dịch enzyme tự động có xuất xứ/chủ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
345.2		Hóa chất kiểm chứng mức dương cho máy miễn dịch sử dụng cartridge	Test	Hóa chất kiểm chứng mức dương cho máy xét nghiệm miễn dịch. Thanh thử bao gồm giếng chứa mẫu dương tính.	
346	PP26 0008 2057	Hóa chất xét nghiệm AMA-M2	Test	Phạm vi phân tích có giới hạn dưới ≤ 1 U/ml và giới hạn trên ≥ 200 U/ml. Phương pháp đo: Phản ứng miễn dịch gắn enzyme gián tiếp.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm miễn dịch enzyme tự động có xuất xứ/chủ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
347	PP26 0008 2058	Hóa chất xét nghiệm ANA Detect	Test	Nguyên lý: phản ứng miễn dịch liên kết enzyme, gián tiếp. Được dùng để sàng lọc định tính các tự kháng thể lớp IgG đặc hiệu với tối thiểu các kháng nguyên sau: SS-A-52 (Ro-52), SS-A-60 (Ro-60), SS-B (La), RNP/Sm, RNP-70, RNP-A, RNP-C, Sm-BB, Sm-D, Sm-E, Sm-F, Sm-G, Scl-70, Jo-1, dsDNA, ssDNA, polynucleosome, mononucleosome, phức hợp histone. Điểm cắt (cut-off): ≥ 1 .	Cung cấp hệ thống xét nghiệm miễn dịch enzyme tự động có xuất xứ/chủ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
348	PP26 0008 2059	Hóa chất xét nghiệm Anti-dsDNA IgG	Test	Phạm vi phân tích có giới hạn dưới ≤ 1 IU/mL và giới hạn trên ≥ 200 IU/mL. Phương pháp đo: Phản ứng miễn dịch gắn enzyme gián tiếp.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm miễn dịch enzyme tự động có xuất xứ/chủ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
349	PP26 0008 2060	Hóa chất xét nghiệm Anti-LKM-1	Test	Phạm vi phân tích có giới hạn dưới ≤ 1 U/ml và giới hạn trên ≥ 100 U/ml. Phương pháp đo: Phản ứng miễn dịch gắn enzyme gián tiếp.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm miễn dịch enzyme tự động có xuất xứ/chủ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
350	PP26 0008 2061	Bộ hóa chất xét nghiệm HBsAg trên máy tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm miễn dịch tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
350.1		Thuốc thử cho xét nghiệm đo nồng độ kháng nguyên bề mặt của vi rút viêm gan B (HBsAg)	Test	Thuốc thử chứa tối thiểu các thành phần sau: kháng thể đơn dòng kháng HBs gắn biotin, vi hạt từ được phủ streptavidin và kháng thể đơn dòng kháng HBs gắn ALP. Dải đo có giới hạn dưới $\leq 0,05$ IU/mL và giới hạn trên ≥ 2500 IU/mL.	
350.2		Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HBsAg.	Hộp	Có 6 mẫu chuẩn với 6 nồng độ khác nhau, không chứa bất kỳ thành phần nào có dẫn xuất từ người.	
351	PP26 0008 2062	Bộ hóa chất xét nghiệm định tính HBsAg trên hệ thống tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu.
351.1		Hóa chất xét nghiệm định tính HBsAg	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Độ đặc hiệu $\geq 99,9\%$.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
351.2		Chất hiệu chuẩn định tính HBsAg	Hộp	Mẫu chuẩn 1 có thành phần huyết tương người. Mẫu chuẩn 2 có thành phần HBsAg người được tinh sạch dạng bất hoạt trong dung dịch đệm phosphate với huyết tương người và chất ổn định protein.	- Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
351.3		Chất kiểm chứng định tính HBsAg	Hộp	Mẫu chứng âm có thành phần huyết tương người. Mẫu chứng dương có thành phần HBsAg người được tinh sạch dạng bất hoạt trong dung dịch đệm phosphate với huyết tương người và chất ổn định protein.	
352	PP26 0008 2063	Bộ hóa chất xét nghiệm HBsAg			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải.
352.1		Hóa chất xét nghiệm HBsAg	Test	Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Thành phần chứa tối thiểu: Vi hạt phủ streptavidin; kháng thể đơn dòng kháng HBsAg đánh dấu biotin; kháng thể đơn dòng và kháng thể đa dòng kháng HBsAg đánh dấu phức hợp ruthenium.	- Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
352.2		Dung dịch kiểm chứng HBsAg	Hộp	Huyết thanh chứng 1 chứa: Huyết thanh người, âm tính với HBsAg; chất bảo quản. Huyết thanh chứng 2 chứa: HBsAg (người) khoảng 0,2 IU/mL trong huyết thanh người; chất bảo quản.	
353	PP26 0008 2064	Bộ hóa chất định lượng Anti-HBs			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
353.1		Hóa chất định lượng Anti-HBs	Test	Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Độ nhạy tương đối 100%. Khoảng đo có giới hạn dưới ≤ 2 IU/L và giới hạn trên ≥ 1000 IU/L. Thành phần chứa tối thiểu: Vi hạt phủ streptavidin; HBsAg người/tái tổ hợp đánh dấu biotin; HBsAg người/tái tổ hợp đánh dấu phức hợp ruthenium.	hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
353.2		Dung dịch kiểm chứng Anti-HBs	Hộp	Dung dịch 1 chứa: Huyết thanh người, âm tính với kháng thể kháng HBs; chất bảo quản. Dung dịch 2 chứa: Kháng thể kháng HBs (người) khoảng 100 IU/L trong huyết thanh người; chất bảo quản.	
354	PP26 0008 2065	Bộ hóa chất xét nghiệm Anti-HBs trên máy tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm miễn dịch tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
354.1		Thuốc thử cho xét nghiệm đo lường kháng thể kháng HBs (HBsAb)	Test	Thuốc thử chứa tối thiểu các thành phần sau: kháng nguyên HBs tái tổ hợp được đánh dấu ALP và vi hạt từ được phủ bởi kháng nguyên HBs tái tổ hợp. Dải đo có giới hạn dưới ≤ 5 mIU/mL và giới hạn trên ≥ 1000 mIU/mL.	
354.2		Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Anti-HBs.	Hộp	Có 4 mẫu chuẩn với 4 nồng độ khác nhau, một số mẫu chuẩn có chứa kháng thể đa dòng kháng kháng nguyên HBs của thỏ, không chứa vật liệu có nguồn gốc từ người.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
355	PP26 0008 2066	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng ANTI HBS trên hệ thống tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
355.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng ANTI HBS	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới là ≤ 2 mIU/mL và có giới hạn trên ≥ 1000 mIU/mL. Ngưỡng phát hiện (LOD) $\leq 0,8$ mIU/mL.	
355.2		Chất hiệu chuẩn ANTI HBS	Hộp	6 mẫu chuẩn có 6 mức nồng độ khác nhau, trong đó một mẫu chuẩn không có phản ứng với anti-HBs, các mẫu chuẩn còn lại có phản ứng với anti-HBs.	
355.3		Chất kiểm chứng ANTI HBS	Hộp	Mẫu chứng âm có thành phần huyết tương người không có phản ứng với anti-HBs. Các mẫu chứng dương có thành phần huyết tương người có phản ứng với anti-HBs.	
356	PP26 0008 2067	Bộ hóa chất xét nghiệm HBeAg			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu.
356.1		Hóa chất xét nghiệm HBeAg	Test	Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Độ đặc hiệu lâm sàng 100%. Thành phần chứa tối thiểu: Vi hạt phủ streptavidin; Kháng thể đơn dòng kháng HBeAg đánh dấu biotin; kháng thể đơn dòng kháng HBeAg đánh dấu phức hợp ruthenium.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
356.2		Dung dịch kiểm chứng HBeAg	Hộp	Huyết thanh chứng 1 chứa: Huyết thanh người, âm tính với HBeAg; chất bảo quản. Huyết thanh chứng 2 chứa: huyết thanh chứng HBeAg khoảng 2,5 IU/mL; chất bảo quản.	- Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
357	PP26 0008 2068	Bộ hóa chất xét nghiệm HBeAg trên máy tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm miễn dịch tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu.
357.1		Thuốc thử cho xét nghiệm phát hiện kháng nguyên HBe (HBeAg)	Test	Thuốc thử chứa tối thiểu các thành phần sau: vi hạt từ được phủ bởi kháng thể đơn dòng kháng kháng nguyên HBe và kháng thể đơn dòng kháng kháng nguyên Hbe có gắn nhãn ALP.	- Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
357.2		Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HBeAg.	Hộp	Gồm 2 mẫu chuẩn khác nhau, trong đó 1 mẫu có chứa kháng nguyên Hbe tái tổ hợp, không chứa nguyên liệu có nguồn gốc từ người.	
358	PP26 0008 2069	Bộ hóa chất xét nghiệm định tính HBeAg trên hệ thống tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ.
358.1		Hóa chất xét nghiệm HBeAg	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Ngưỡng phát hiện ≥ 1 S/CO. Độ nhạy toàn phần là 100%.	- Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu.
358.2		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm HBeAg	Hộp	2 mẫu chuẩn khác nhau chứa dung dịch đệm và chất ổn định protein từ bò.	- Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
358.3		Chất kiểm chứng HBeAg	Hộp	Mẫu chứng âm có thành phần huyết tương người. Mẫu chứng dương có thành phần DNA tái tổ hợp nguồn gốc từ HBeAg trong đệm TRIS có chất ổn định protein (tử bào).	
359	PP26 0008 2070	Bộ hóa chất xét nghiệm định tính ANTI HBE trên hệ thống tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ.
359.1		Hóa chất xét nghiệm định tính ANTI HBE	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Ngưỡng phát hiện ≥ 1 S/CO. Độ nhạy 100%.	- Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
359.2		Chất hiệu chuẩn ANTI HBE	Hộp	Mẫu chuẩn có thành phần huyết tương người.	
359.3		Chất kiểm chứng ANTI HBE	Hộp	Mẫu chứng âm có thành phần huyết tương người không có phản ứng anti-HBe. Mẫu chứng dương có thành phần là huyết tương người có phản ứng với anti-HBe.	
360	PP26 0008 2071	Bộ hóa chất xét nghiệm Anti-HBe trên máy tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm miễn dịch tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu.
360.1		Thuốc thử cho xét nghiệm phát hiện kháng thể anti-Hbe	Test	Thuốc thử chứa tối thiểu các thành phần sau: kháng nguyên HBe tái tổ hợp, hạt từ tính được bọc bởi kháng thể đơn dòng anti-HBe và kháng thể đơn dòng anti-Hbe gắn nhãn ALP.	- Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
360.2		Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Anti-HBe.	Hộp	Gồm 2 mẫu chuẩn khác nhau, trong đó 1 mẫu có chứa kháng thể đơn dòng Anti-Hbe ở chuột, không chứa nguyên liệu có nguồn gốc từ người.	
361	PP26 0008 2072	Bộ hóa chất định tính Anti-HBe			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
361.1		Hóa chất định tính Anti-HBe	Test	Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Độ đặc hiệu $\geq 99,9\%$. Thành phần chứa tối thiểu: Vi hạt phủ streptavidin; kháng thể đơn dòng kháng HBe đánh dấu biotin; kháng thể đơn dòng kháng HBe đánh dấu phức hợp ruthenium; chất bảo quản. Mẫu chuẩn âm tính: Huyết thanh người, chất bảo quản. Mẫu chuẩn dương tính: Kháng thể kháng HBe trong huyết thanh người; chất bảo quản.	
361.2		Dung dịch kiểm chứng Anti-HBe	Hộp	Huyết thanh chứng 1 chứa: Huyết thanh người, âm tính với kháng thể kháng HBe; chất bảo quản. Huyết thanh chứng 2 chứa: Kháng thể kháng HBe (người) khoảng 0,25 IU/mL trong huyết thanh người; chất bảo quản.	
362	PP26 0008 2073	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng ANTI HBC - IGM trên hệ thống tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
362.1		Hóa chất xét nghiệm định tính ANTI HBC - IgM	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Ngưỡng phát hiện ≥ 1 S/CO. Độ nhạy toàn phần là 100%. Độ đặc hiệu 100%.	giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
362.2		Chất hiệu chuẩn ANTI HBC – IgM	Hộp	2 mẫu chuẩn khác nhau chứa huyết tương người.	
362.3		Chất kiểm chứng ANTI HBC - IgM	Hộp	Mẫu chứng âm không có phản ứng; Mẫu chứng dương có phản ứng với anti-HBC IgM.	
363	PP26 0008 2074	Thuốc thử xét nghiệm định tính Anti-HBc IgM	Test	Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch hóa phát quang. Độ nhạy 100%. Độ đặc hiệu 100%.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
364	PP26 0008 2075	Chất hiệu chuẩn Anti HBc - IgM	Hộp	Chất chuẩn 1 chứa huyết thanh chứng gồm huyết thanh người, âm tính với kháng thể IgM kháng HBc; chất bảo quản. Chất chuẩn 2 chứa huyết thanh chứng có kháng thể IgM kháng HBc (người) > 130 U/mL trong huyết thanh người; chất bảo quản. Quy cách: 16 x 1mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
365	PP26 0008 2076	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính Anti-HBc IgM	Hộp	Gồm mẫu chứng âm và chứng dương (chứa kháng thể IgM kháng HBc ≥ 130 U/ml).	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
366	PP26 0008 2077	Bộ hóa chất xét nghiệm Anti-HBc trên máy tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm miễn dịch tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
366.1		Thuốc thử cho xét nghiệm phát hiện kháng thể kháng HBc	Test	Thuốc thử chứa tối thiểu các thành phần sau: hạt từ tính được bọc bởi kháng nguyên HBc tái tổ hợp và kháng nguyên HBc tái tổ hợp gắn nhãn ALP.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
366.2		Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Anti-HBc.	Hộp	Gồm 2 mẫu chuẩn khác nhau, trong đó 1 mẫu có chứa kháng thể đa dòng kháng kháng nguyên HBc của thỏ, không chứa nguyên liệu có nguồn gốc từ người.	
367	PP26 0008 2078	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng ANTI HBC II trên hệ thống tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ.
367.1		Hóa chất xét nghiệm định tính ANTI HBC II	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Ngưỡng phát hiện ≥ 1 S/CO. Độ đặc hiệu $> 99\%$. Độ nhạy 100% .	- Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
367.2		Chất hiệu chuẩn ANTI HBC II	Hộp	Mẫu chuẩn có thành phần từ người, có phản ứng với anti-HBc.	
367.3		Chất kiểm chứng ANTI HBC II	Hộp	Mẫu chứng âm có thành phần huyết tương người. Mẫu chứng dương có thành phần là huyết tương người, và có phản ứng với anti-HBc.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
368	PP26 0008 2079	Hóa chất xét nghiệm định tính Anti HBc total	Test	Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang, nguyên lý cạnh tranh. Giới hạn phát hiện: $\leq 0,8$ IU/mL.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
369	PP26 0008 2080	Chất kiểm chứng Anti HBc total	Hộp	Chất chuẩn 1 chứa huyết thanh chứng gồm huyết thanh người, âm tính với kháng thể kháng HBc; chất bảo quản. Chất chuẩn 2 chứa huyết thanh chứng có kháng thể kháng HBc (người) khoảng 1 U/mL trong huyết thanh người; chất bảo quản. Quy cách: 16 x 1,3mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
370	PP26 0008 2081	Bộ hóa chất xét nghiệm định tính HAVAb-IgM trên hệ thống tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
370.1		Hóa chất xét nghiệm định tính HAVAb-IgM	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Độ đặc hiệu $\geq 99\%$. Độ nhạy $\geq 95\%$.	- Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
370.2		Chất hiệu chuẩn HAVAb-IgM	Hộp	Mẫu chuẩn có thành phần huyết tương người có phản ứng với IgM anti-HAV.	
370.3		Chất kiểm chứng HAVAb-IgM	Hộp	Mẫu chứng âm có thành phần huyết tương người. Mẫu chứng dương có thành phần huyết tương người có phản ứng với IgM anti-HAV.	
371	PP26 0008 2082	Bộ hóa chất định tính kháng thể kháng HAV			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải.
371.1		Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng HAV	Test	Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Nguyên lý xét nghiệm μ -Capture. Độ nhạy lâm sàng $\geq 98\%$. Độ đặc hiệu lâm sàng là 100%.	- Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
371.2		Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng vi rút viêm gan A	Hộp	Huyết thanh chứng 1 chứa: Huyết thanh người, âm tính với kháng thể IgM kháng HAV; chất bảo quản. Huyết thanh chứng 2 chứa: Kháng thể IgM kháng HAV (người) khoảng 3 U/mL trong huyết thanh người; chất bảo quản.	
372	PP26 0008 2083	Bộ hóa chất định tính Anti-HCV			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
372.1		Hóa chất định tính Anti-HCV	Test	Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Độ nhạy chẩn đoán là 100 %. Thành phần chứa tối thiểu: Vi hạt phủ streptavidin; kháng nguyên đặc hiệu HCV đánh dấu biotin; kháng nguyên đặc hiệu HCV đánh dấu phức hợp ruthenium. Mẫu chuẩn âm tính chứa: Huyết thanh người, âm tính với kháng thể kháng HCV; chất bảo quản. Mẫu chuẩn dương tính chứa: Huyết thanh người dương tính với kháng thể kháng HCV; chất bảo quản.	- Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
372.2		Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính kháng thể kháng HCV	Hộp	Huyết thanh chứng 1 chứa: Huyết thanh người, âm tính với kháng thể kháng HCV; chất bảo quản. Huyết thanh chứng 2 chứa: Anti-HCV (người) trong huyết thanh người; chất bảo quản.	
373	PP26 0008 2084	Bộ hóa chất xét nghiệm định tính ANTI HCV trên hệ thống tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
373.1		Hóa chất xét nghiệm ANTI HCV	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Ngưỡng phát hiện ≥ 1 S/CO. Độ nhạy toàn phần là 100% . Độ đặc hiệu $\geq 98,9\%$.	
373.2		Chất hiệu chuẩn ANTI HCV	Hộp	Mẫu chuẩn chứa huyết tương người; có phản ứng với anti-HCV	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
373.3		Chất kiểm chứng ANTI HCV	Hộp	Mẫu chứng âm chứa huyết tương người. Mẫu chứng dương chứa huyết tương người và có phản ứng với anti-HCV.	
374	PP26 0008 2085	Bộ hóa chất xét nghiệm Anti-HCV II trên máy tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm miễn dịch tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
374.1		Thuốc thử cho xét nghiệm phát hiện kháng thể kháng HCV (Anti-HCV)	Test	Thuốc thử chứa tối thiểu các thành phần sau: kháng nguyên HCV gắn biotin, vi hạt từ được phủ kháng nguyên HCV và kháng thể đơn dòng kháng IgG ở người, có gắn ALP.	
374.2		Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Anti-HCV II	Hộp	Gồm 2 mẫu chuẩn khác nhau, trong đó 1 mẫu có chứa kháng thể kháng HCV của người.	
375	PP26 0008 2086	Bộ hóa chất xét nghiệm định tính HIV trên hệ thống tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
375.1		Hóa chất xét nghiệm định tính HIV	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Ngưỡng phát hiện ≥ 1 S/CO. Độ nhạy: 100%. Độ đặc hiệu: $\geq 99,5\%$.	
375.2		Chất hiệu chuẩn định tính HIV	Hộp	Mẫu chuẩn có thành phần virus HIV đã ly giải được tinh sạch, điều chế trong muối đệm với chất ổn định protein (tù bò)	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
375.3		Chất kiểm chứng định tính HIV	Hộp	Bao gồm 1 chứng âm và 3 chứng dương.	
376	PP26 0008 2087	Bộ hóa chất xét nghiệm HIV Ag+Ab trên máy tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm miễn dịch tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
376.1		Thuốc thử cho xét nghiệm phát hiện kháng thể kháng HIV-1, và kháng thể kháng HIV-2, và kháng nguyên HIV-1 p24	Test	Thuốc thử chứa tối thiểu các thành phần sau: kháng thể đơn dòng (người) kháng HIV-1p24 gắn biotin, vi hạt từ được phủ kháng nguyên HIV và kháng thể đơn dòng (người) kháng HIV-1p24 có gắn ALP và kháng nguyên HIV có gắn ALP.	
376.2		Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HIV Ag+Ab	Hộp	Gồm 2 mẫu chuẩn khác nhau.	
376.3		Chất chứng cho xét nghiệm HIV Ag+Ab.	Hộp	Gồm 3 mẫu chứng khác nhau: âm tính với HIV, dương tính với kháng nguyên HIV (không chứa vật liệu có nguồn gốc từ người) và dương tính với kháng thể HIV (chứa vật liệu có nguồn gốc từ người).	
377	PP26 0008 2088	Bộ hóa chất xét nghiệm định tính HIV Ag/Ab Combo trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
377.1		Hóa chất xét nghiệm định tính HIV Ag/Ab Combo	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp: miễn dịch kiểu sandwich kháng nguyên/kháng thể 2 bước. Độ nhạy tương đối: $\geq 99,9\%$. Độ đặc hiệu tương đối: $\geq 99,9\%$.	nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
377.2		Hóa chất chứng cho xét nghiệm định tính HIV Ag/Ab Combo	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: Huyết tương người đã xử lý không phản ứng với HIV, phản ứng với HIV-1, phản ứng với HIV-2 và phản ứng với kháng nguyên p24 HIV-1; natri azit; chất bảo quản	
378	PP26 0008 2089	Bộ hóa chất xét nghiệm định tính và bán định lượng CMV IgG trên hệ thống tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
378.1		Hóa chất xét nghiệm định tính và bán định lượng CMV IgG	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới là $\leq 1,5$ AU/mL và có giới hạn trên ≥ 250 AU/mL.	
378.2		Chất hiệu chuẩn CMV IgG	Hộp	6 mẫu chuẩn có 6 mức nồng độ khác nhau.	
378.3		Chất kiểm chứng CMV IgG	Hộp	Mẫu chứng âm chứa huyết tương người và huyết thanh cừu. Các mẫu chứng dương có phản ứng với anti-CMV IgG.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
379	PP26 0008 2090	Bộ hóa chất xét nghiệm định tính CMV IgM trên hệ thống tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
379.1		Hóa chất xét nghiệm định tính CMV IgM	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Ngưỡng phát hiện ≥ 1 Index/S/CO.	
379.2		Chất hiệu chuẩn CMV IgM	Hộp	Mẫu chuẩn có thành phần huyết tương người có phản ứng với anti-CMV IgM.	
379.3		Chất kiểm chứng CMV IgM	Hộp	Mẫu chứng âm có thành phần huyết tương người. Mẫu chứng dương có thành phần huyết tương người có phản ứng với anti-CMV IgM	
380	PP26 0008 2091	Bộ hóa chất xét nghiệm định tính EBV EBNA-1 IgG trên hệ thống tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
380.1		Hóa chất xét nghiệm định tính EBV EBNA-1 IgG	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Ngưỡng phát hiện ≥ 1 S/CO. Độ đặc hiệu tương đối $\geq 98,7\%$. Độ nhạy tương đối là 100%.	
380.2		Chất hiệu chuẩn EBV EBNA-1 IgG	Hộp	Mẫu chuẩn là huyết tương người có phản ứng anti-EBNA-1 IgG.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
380.3		Chất kiểm chứng EBV EBNA-1 IgG	Hộp	Mẫu chứng âm là huyết tương người. Mẫu chứng dương là huyết tương người có phản ứng anti-EBNA-1 IgG.	
381	PP26 0008 2092	Bộ hóa chất xét nghiệm định tính EBV VCA IgG trên hệ thống tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
381.1		Hóa chất xét nghiệm EBV VCA IgG	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Độ đặc hiệu tương đối $\geq 97\%$.	
381.2		Chất hiệu chuẩn EBV VCA IgG	Hộp	Mẫu chuẩn là huyết tương người phản ứng với anti-EBV VCA IgG.	
381.3		Chất kiểm chứng EBV VCA IgG	Hộp	Mẫu chứng âm là huyết tương người. Mẫu chứng dương tính là huyết tương người phản ứng với anti-EBV VCA IgG.	
382	PP26 0008 2093	Bộ hóa chất xét nghiệm định tính EBV VCA IgM trên hệ thống tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
382.1		Hóa chất xét nghiệm EBV VCA IgM	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Độ đặc hiệu tương đối $\geq 99,6\%$.	
382.2		Chất hiệu chuẩn EBV VCA IgM	Hộp	Mẫu chuẩn chứa huyết tương người, có phản ứng với anti-EBV VCA IgM	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
382.3		Chất kiểm chứng EBV VCA IgM	Hộp	Mẫu chứng âm có thành phần huyết tương người. Mẫu chứng dương chứa huyết tương người, có phản ứng với anti-EBV VCA IgM.	
383	PP26 0008 2094	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng Vancomycin trên hệ thống tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ.
383.1		Hóa chất xét nghiệm Vancomycin	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 1,5 \mu\text{g/mL}$, giới hạn trên $\geq 100 \mu\text{g/mL}$. Ngưỡng phát hiện (LOD) $\leq 0,6 \mu\text{g/mL}$.	- Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
383.2		Chất hiệu chuẩn Vancomycin	Hộp	6 mẫu chuẩn Thành phần có chứa chất nền là huyết thanh bò và tối thiểu một số kháng sinh sau: amikacin, gentamicin, carbamazepine, vancomycin.	
384	PP26 0008 2095	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng Vancomycin trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ.
384.1		Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng Vancomycin trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp	Test	Phương pháp: miễn dịch ức chế đo độ đục tăng cường hạt. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 3 \mu\text{g/mL}$ và giới hạn trên $\geq 50 \mu\text{g/mL}$. LoD: $\leq 0,2 \mu\text{g/mL}$. LoQ: $\leq 3 \mu\text{g/mL}$.	- Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
384.2		Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm định lượng Vancomycin	Hộp	Mục đích sử dụng: hiệu chuẩn xét nghiệm Vancomycin. Thành phần tối thiểu chứa: huyết thanh bò.	
385	PP26 0008 2096	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng Acetaminophen trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
385.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng Acetaminophen	Test	Phương pháp đo mức hấp thụ chất màu 5(4-iminophenol)-8-quinoline. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,2$ mg/dL và giới hạn trên ≥ 20 mg/dL. LoD: $\leq 0,2$ mg/dL.	
385.2		Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm định lượng Acetaminophen	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: Albumin huyết thanh người; ethanol; acetaminophen; salicylate; natri azit.	
386	PP26 0008 2097	Hóa chất định tính kháng thể IgG kháng Ancylostoma	Test	Phương pháp miễn dịch enzyme. Độ nhạy: $\geq 99\%$. Độ đặc hiệu: $\geq 99\%$.	Cung cấp thiết bị phân tích ELISA tự động hoàn toàn có xuất xứ/chữ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU.
387	PP26 0008 2098	Hóa chất bán định lượng kháng thể IgG kháng Anginostromylus	Test	Kỹ thuật xét nghiệm ELISA. Độ nhạy: 100%. Độ đặc hiệu: $\geq 98\%$.	Cung cấp thiết bị phân tích ELISA tự động hoàn toàn có xuất xứ/chữ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
388	PP26 0008 2099	Hóa chất định tính kháng thể IgG kháng E.Histolytica	Test	Kỹ thuật xét nghiệm hấp thụ miễn dịch liên kết Enzyme (ELISA). Độ nhạy: $\geq 99,9\%$. Độ đặc hiệu: $\geq 98\%$. Có khả năng kháng nhiễu: Hemoglobin ≥ 10 mg/ml, Triglycerides ≥ 5 mg/ml, Bilirubin $\geq 0,5$ mg/ml.	Cung cấp thiết bị phân tích ELISA tự động hoàn toàn có xuất xứ/chữ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU.
389	PP26 0008 2100	Hóa chất định tính kháng thể IgG kháng Echinococcus	Test	Kỹ thuật xét nghiệm hấp thụ miễn dịch liên kết Enzyme (ELISA). Độ nhạy: $\geq 97\%$. Độ đặc hiệu: $\geq 98\%$. Có khả năng kháng nhiễu: Hemoglobin ≥ 10 mg/ml, Triglycerides ≥ 5 mg/ml, Bilirubin $\geq 0,5$ mg/ml.	Cung cấp thiết bị phân tích ELISA tự động hoàn toàn có xuất xứ/chữ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU.
390	PP26 0008 2101	Hóa chất định tính kháng thể IgG kháng Fasciola	Test	Kỹ thuật xét nghiệm hấp thụ miễn dịch liên kết Enzyme (ELISA). Độ nhạy: 100%. Độ đặc hiệu: 100%.	Cung cấp thiết bị phân tích ELISA tự động hoàn toàn có xuất xứ/chữ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU.
391	PP26 0008 2102	Hóa chất bán định lượng kháng thể IgG kháng Gnathostoma	Test	Kỹ thuật xét nghiệm ELISA. Độ nhạy: $\geq 90\%$. Độ đặc hiệu: 100%.	Cung cấp thiết bị phân tích ELISA tự động hoàn toàn có xuất xứ/chữ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU.
392	PP26 0008 2103	Hóa chất bán định lượng kháng thể IgG kháng Paragonimus	Test	Kỹ thuật xét nghiệm ELISA. Độ nhạy: $\geq 95\%$. Độ đặc hiệu: 100%.	Cung cấp thiết bị phân tích ELISA tự động hoàn toàn có xuất xứ/chữ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
393	PP26 0008 2104	Hóa chất định tính kháng thể IgG kháng Strongyloides	Test	Kỹ thuật xét nghiệm hấp thụ miễn dịch liên kết Enzyme (ELISA). Độ nhạy: $\geq 89\%$. Độ đặc hiệu: $\geq 94\%$. Có khả năng kháng nhiễu: Hemoglobin ≥ 10 mg/ml, Triglycerides ≥ 5 mg/ml, Bilirubin $\geq 0,5$ mg/ml.	Cung cấp thiết bị phân tích ELISA tự động hoàn toàn có xuất xứ/chữ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU.
394	PP26 0008 2105	Hóa chất định tính kháng thể IgG kháng Taenia Solium	Test	Kỹ thuật xét nghiệm hấp thụ miễn dịch liên kết Enzyme (ELISA). Độ nhạy: $\geq 99,9\%$. Độ đặc hiệu: $\geq 99,9\%$. Có khả năng kháng nhiễu: Hemoglobin ≥ 10 mg/ml, Triglycerides ≥ 5 mg/ml, Bilirubin $\geq 0,5$ mg/ml.	Cung cấp thiết bị phân tích ELISA tự động hoàn toàn có xuất xứ/chữ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU.
395	PP26 0008 2106	Hóa chất bán định lượng kháng thể IgG kháng Toxocara	Test	Kỹ thuật xét nghiệm ELISA. Độ nhạy: $\geq 96\%$. Độ đặc hiệu: $\geq 98\%$. Có khả năng kháng nhiễu: Hemoglobin ≥ 10 mg/ml, Triglycerides ≥ 5 mg/ml, Bilirubin $\geq 0,5$ mg/ml.	Cung cấp thiết bị phân tích ELISA tự động hoàn toàn có xuất xứ/chữ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU.
396	PP26 0008 2107	Hóa chất định tính kháng thể IgM kháng Ancylostoma	Test	Phương pháp miễn dịch enzyme. Độ nhạy: 100%. Độ đặc hiệu: 100%.	Cung cấp thiết bị phân tích ELISA tự động hoàn toàn có xuất xứ/chữ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU.
397	PP26 0008 2108	Hóa chất định tính kháng thể IgM kháng Agiostrongylus	Test	Kỹ thuật xét nghiệm ELISA.	Cung cấp thiết bị phân tích ELISA tự động hoàn toàn có xuất xứ/chữ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU.
398	PP26 0008 2109	Hóa chất bán định lượng kháng thể IgM kháng Clonorchis	Test	Kỹ thuật xét nghiệm ELISA.	Cung cấp thiết bị phân tích ELISA tự động hoàn toàn có xuất xứ/chữ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
399	PP26 0008 2110	Hóa chất bán định lượng kháng thể IgG kháng Clonorchis	Test	Kỹ thuật xét nghiệm ELISA. Độ nhạy: 100%. Độ đặc hiệu: $\geq 90\%$.	Cung cấp thiết bị phân tích ELISA tự động hoàn toàn có xuất xứ/chữ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU.
400	PP26 0008 2111	Hóa chất bán định lượng kháng thể IgM kháng E.histolytica	Test	Kỹ thuật xét nghiệm ELISA.	Cung cấp thiết bị phân tích ELISA tự động hoàn toàn có xuất xứ/chữ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU.
401	PP26 0008 2112	Hóa chất bán định lượng kháng thể IgM kháng Echinococcus	Test	Kỹ thuật xét nghiệm ELISA.	Cung cấp thiết bị phân tích ELISA tự động hoàn toàn có xuất xứ/chữ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU.
402	PP26 0008 2113	Hóa chất bán định lượng kháng thể IgM kháng Fasciola	Test	Kỹ thuật xét nghiệm ELISA.	Cung cấp thiết bị phân tích ELISA tự động hoàn toàn có xuất xứ/chữ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU.
403	PP26 0008 2114	Hóa chất bán định lượng kháng thể IgM kháng Gnathostoma	Test	Kỹ thuật xét nghiệm ELISA. Độ nhạy: 100%. Độ đặc hiệu: 100%.	Cung cấp thiết bị phân tích ELISA tự động hoàn toàn có xuất xứ/chữ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU.
404	PP26 0008 2115	Hóa chất bán định lượng kháng thể IgM kháng Paragonimus	Test	Kỹ thuật xét nghiệm ELISA.	Cung cấp thiết bị phân tích ELISA tự động hoàn toàn có xuất xứ/chữ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU.
405	PP26 0008 2116	Hóa chất bán định lượng kháng thể IgM kháng Schistosoma	Test	Kỹ thuật xét nghiệm ELISA.	Cung cấp thiết bị phân tích ELISA tự động hoàn toàn có xuất xứ/chữ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU.
406	PP26 0008 2117	Hóa chất bán định lượng kháng thể IgG kháng Schistosoma	Test	Kỹ thuật xét nghiệm ELISA. Độ nhạy: 100%. Độ đặc hiệu: $\geq 85\%$.	Cung cấp thiết bị phân tích ELISA tự động hoàn toàn có xuất xứ/chữ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU.
407	PP26 0008 2118	Hóa chất bán định lượng kháng thể IgM kháng Strongyloides	Test	Kỹ thuật xét nghiệm ELISA.	Cung cấp thiết bị phân tích ELISA tự động hoàn toàn có xuất xứ/chữ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
408	PP26 0008 2119	Hóa chất bán định lượng kháng thể IgM kháng Toxocara	Test	Kỹ thuật xét nghiệm ELISA.	Cung cấp thiết bị phân tích ELISA tự động hoàn toàn có xuất xứ/chữ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU.
409	PP26 0008 2120	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch định lượng và định tính các kháng thể IgM kháng Aspergillus fumigatus	Test	Độ nhạy: $\geq 99\%$. Độ đặc hiệu: $\geq 90\%$.	Cung cấp thiết bị phân tích ELISA tự động hoàn toàn có xuất xứ/chữ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU.
410	PP26 0008 2121	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch định lượng và định tính kháng thể IgG kháng Chlamydia pneumoniae	Test	Độ nhạy: $\geq 98\%$. Độ đặc hiệu: $\geq 96\%$.	Cung cấp thiết bị phân tích ELISA tự động hoàn toàn có xuất xứ/chữ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU.
411	PP26 0008 2122	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch định lượng và định tính kháng thể IgM kháng Chlamydia pneumoniae	Test	Độ nhạy: $\geq 95\%$. Độ đặc hiệu: $\geq 97\%$.	Cung cấp thiết bị phân tích ELISA tự động hoàn toàn có xuất xứ/chữ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU.
412	PP26 0008 2123	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch định lượng và định tính kháng thể IgG kháng Chlamydia trachomatis	Test	Độ nhạy: $\geq 95\%$. Độ đặc hiệu: $\geq 98\%$.	Cung cấp thiết bị phân tích ELISA tự động hoàn toàn có xuất xứ/chữ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
413	PP26 0008 2124	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch định lượng và định tính kháng thể IgM kháng Chlamydia trachomatis	Test	Độ nhạy: $\geq 90\%$. Độ đặc hiệu: $\geq 95\%$.	Cung cấp thiết bị phân tích ELISA tự động hoàn toàn có xuất xứ/chủ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU.
414	PP26 0008 2125	Bộ thuốc thử xét nghiệm Rubella trên hệ thống máy tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải.
414.1		Thuốc thử xét nghiệm kháng thể IgG kháng vi rút Rubella	Test	Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang/bắt cặp. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,25$ IU/mL và giới hạn trên ≥ 500 IU/mL. Thành phần chứa tối thiểu: Vi hạt phủ streptavidin; kháng thể đơn dòng kháng IgG người đánh dấu biotin, các hạt tương tự Rubella; đệm phosphate; phân đoạn kháng thể đơn dòng kháng Rubella đánh dấu ruthenium; đệm phosphate; chất bảo quản. Mẫu chuẩn âm tính có chứa: Huyết thanh người, không có phản ứng với kháng thể IgG kháng Rubella; chất bảo quản. Mẫu chuẩn dương tính có chứa: Kháng thể IgG kháng Rubella trong huyết thanh người; chất bảo quản.	- Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
414.2		Vật liệu kiểm soát xét nghiệm kháng thể IgG kháng vi rút Rubella	Hộp	Thuốc thử 1 chứa Huyết thanh người, âm tính đến dương tính yếu với kháng thể IgG kháng Rubella; chất bảo quản. Thuốc thử 2 chứa Huyết thanh người, dương tính với kháng thể IgG kháng Rubella; chất bảo quản.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
414.3		Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng vi rút Rubella	Test	Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Thành phần chứa: Vi hạt phủ streptavidin; kháng nguyên tái tổ hợp đặc hiệu Rubella; kháng thể đơn dòng kháng IgM người đánh dấu biotin; kháng thể kháng Rubella đánh dấu phức hợp ruthenium. Mẫu chuẩn âm tính chứa: Huyết thanh người, không có phản ứng với kháng thể kháng Rubella IgM; chất bảo quản. Mẫu chuẩn dương tính chứa: Kháng thể kháng Rubella IgM; chất bảo quản.	
414.4		Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng vi rút Rubella	Hộp	Huyết thanh chứng 1 chứa huyết thanh người, âm tính với kháng thể Rubella IgM; chất bảo quản. Huyết thanh chứng 2 chứa huyết thanh người, dương tính với kháng thể IgM kháng Rubella khoảng 550 U/ml; chất bảo quản.	
415	PP26 0008 2126	Hóa chất xét nghiệm kháng thể IgG kháng vi rút Rubella	Test	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hóa phát quang (CMIA) định lượng và định tính các kháng thể IgG kháng virus rubella trong huyết thanh và huyết tương. Thành phần tối thiểu: Một phần virus rubella đã tinh sạch phủ vi hạt trong dung dịch đệm TRIS, chất kết hợp kháng IgG người.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
416	PP26 0008 2127	Hóa chất xét nghiệm kháng thể IgG kháng vi rút Rubella	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch hóa phát quang. Khoảng đo: có giới hạn dưới $\leq 0,2$ IU/mL và giới hạn trên ≥ 500 IU/mL. Bao gồm mẫu chuẩn.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
417	PP26 0008 2128	Chất kiểm chứng xét nghiệm kháng thể IgG kháng vi rút Rubella	Hộp	Chất chứng cho xét nghiệm miễn dịch vi hạt hóa phát quang (CMIA) định lượng và định tính các kháng thể IgG kháng virus rubella trong huyết thanh và huyết tương. Thành phần tối thiểu: huyết tương người, mẫu chứng (+) có phản ứng với anti-Rubella IgG. Quy cách: Hộp/3 x 8mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
418	PP26 0008 2129	Chất kiểm chứng xét nghiệm kháng thể IgG kháng vi rút Rubella	Hộp	Mẫu chứng dùng cho xét nghiệm kháng thể IgG kháng vi rút Rubella Quy cách: 3 x 2 x 2,7mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
419	PP26 0008 2130	Hóa chất xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng vi rút Rubella	Test	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hóa phát quang (CMIA) định tính kháng thể IgM kháng virus Rubella trong huyết thanh và huyết tương. Thành phần: Toàn bộ virus Rubella (chủng HPV 77) phủ trên vi hạt trong dung dịch muối đệm TRIS, chất kết hợp kháng thể chuột kháng IgM người.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
420	PP26 0008 2131	Hóa chất xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng vi rút Rubella	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch hóa phát quang. Bao gồm mẫu chuẩn.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
421	PP26 0008 2132	Chất kiểm chứng xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng vi rút Rubella	Hộp	Hóa chất chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hóa phát quang (CMIA) định tính kháng thể IgM kháng virus Rubella trong huyết thanh và huyết tương. Thành phần tối thiểu: chứa huyết tương người. Quy cách: Hộp/2 x 4mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp kèm khối điện giải tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
422	PP26 0008 2133	Chất kiểm chứng xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng vi rút Rubella	Hộp	Mẫu chứng dùng cho xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng vi rút Rubella Quy cách: 2 x 2 x 2,7mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
423	PP26 0008 2134	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng Syphilis trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
423.1		Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng Syphilis	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp hóa phát quang. Bao gồm chất hiệu chuẩn có thành phần tối thiểu chứa: Huyết tương người dương tính với kháng thể Treponema pallidum; chất đệm phosphate; natri azit. Khoảng đo: Chỉ số từ 0,1 đến 45. Độ nhạy tương đối: $\geq 99,9\%$. Độ đặc hiệu tương đối: $\geq 99,9\%$.	
423.2		Hóa chất chứng cho xét nghiệm định tính Syphilis	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: Huyết tương người đã xử lý âm tính và dương tính với kháng thể Treponema pallidum; chất bảo quản	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
424	PP26 0008 2135	Bộ thuốc thử xét nghiệm Toxo trên hệ thống máy tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Máy sinh hóa có khả năng tích hợp khối điện giải. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
424.1		Thuốc thử xét nghiệm kháng thể IgG kháng Toxoplasma gondii	Test	Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,2$ IU/mL và giới hạn trên ≥ 650 IU/mL. Thành phần chứa tối thiểu: Vi hạt phủ streptavidin; kháng nguyên đặc hiệu T.gondii đánh dấu biotin, kháng nguyên đặc hiệu T.gondii đánh dấu phức hợp ruthenium. Mẫu chuẩn âm tính chứa: Huyết thanh người, không phản ứng với kháng thể IgG kháng Toxoplasma; chất bảo quản. Mẫu chuẩn dương tính chứa: Huyết thanh người, phản ứng với kháng thể IgG kháng Toxoplasma; chất bảo quản.	
424.2		Vật liệu kiểm soát xét nghiệm kháng thể IgG kháng Toxoplasma gondii	Hộp	Dung dịch 1 chứa Huyết thanh người, âm tính đến dương tính yếu với kháng thể IgG kháng Toxo; chất bảo quản. Dung dịch 2 chứa Huyết thanh người, dương tính với kháng thể IgG kháng Toxo; chất bảo quản.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
424.3		Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Toxoplasma gondii	Test	Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Độ nhạy tương đối $\geq 95\%$. Độ đặc hiệu tương đối $\geq 98\%$. Thành phần chứa tối thiểu: Vi hạt phủ streptavidin; kháng nguyên toxoplasma đánh dấu phức hợp ruthenium; kháng thể đơn dòng kháng IgM người đánh dấu biotin (chuột); đệm HEPES; chất bảo quản. Mẫu chuẩn âm tính chứa: Huyết thanh người, âm tính với kháng thể IgM kháng Toxo; chất bảo quản. Mẫu chuẩn dương tính chứa: Huyết thanh người, phản ứng với kháng thể IgM kháng Toxo; chất bảo quản.	
424.4		Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Toxoplasma gondii	Hộp	Dung dịch 1 chứa Huyết thanh người, âm tính với kháng thể IgM kháng Toxo; chất bảo quản. Dung dịch 2 chứa Huyết thanh người, dương tính với kháng thể IgM kháng Toxo; chất bảo quản.	
425	PP26 0008 2136	Hóa chất xét nghiệm định lượng Total IgE	Test	Mẫu đo: Huyết thanh/huyết tương. Phương pháp hóa phát quang. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 1,5$ IU/mL và giới hạn trên ≥ 3000 IU/mL. LoD: $\leq 1,4$ IU/mL. LoQ: $\leq 1,5$ IU/mL.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tích hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất hệ thống phân tích sinh hóa tự động: ≥ 1200 xét nghiệm/giờ. - Có khả năng kết hợp khối điện giải với công suất ≥ 600 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
426	PP26 0008 2137	Thẻ định danh và kháng sinh đồ vi khuẩn Gram dương, hiếu khí			Cung cấp hệ thống định danh và kháng sinh đồ tự động có xuất xứ/chủ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
426.1		Thẻ định danh vi khuẩn Gram dương	Card	Có thẻ định danh được nhiều loại (≥ 120 loài) vi khuẩn Gram dương gây bệnh ở người thường gặp, tối thiểu gồm: Enterococcus faecalis, Enterococcus faecium, Enterococcus gallinarum, Listeria ivanovii, Listeria monocytogenes, Staphylococcus aureus, Staphylococcus epidermidis, Staphylococcus saprophyticus, Staphylococcus haemolyticus, Staphylococcus lugdunensis, Staphylococcus hominis, Staphylococcus capitis, Streptococcus pneumoniae, Streptococcus pyogenes, Streptococcus agalactiae, Streptococcus mitis, Streptococcus mutans, Streptococcus intermedius. Có ≥ 43 xét nghiệm hóa sinh đánh giá việc sử dụng nguồn cacbon, các hoạt động enzym và tính kháng.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
426.2		Thẻ kháng sinh đồ Gram dương dành cho nhóm liên cầu	Card	Dành cho tối thiểu các vi khuẩn: Streptococcus pneumoniae, beta-hemolytic Streptococcus, và Streptococcus viridans. Thành phần trong thẻ chứa tối thiểu: Ampicillin; Benzylpenicillin; Cefotaxime; Ceftriaxone; Chloramphenicol; Clindamycin; Erythromycin; Gentamicin; InducibleClindamycinResistance; Levofloxacin; Linezolid; Moxifloxacin; Rifampicin; Teicoplanin; Tetracycline; Tigecycline; Trimethoprim/Sulfamethoxazole; Vancomycin.	
426.3		Thẻ kháng sinh đồ Gram dương dành cho nhóm tụ cầu và liên cầu	Card	Dành cho các vi khuẩn Staphylococcus spp., Enterococcus spp., và S. agalactiae. Thành phần kháng sinh trong thẻ chứa tối thiểu: Ampicillin, Benzylpenicillin, Sàng lọc Cefoxitin, Ciprofloxacin, Clindamycin, Erythromycin, Fosfomicin, Fusidic Acid, Gentamicin, Gentamicin hàm lượng cao, Imipenem, Inducible Clindamycin Resistance, Linezolid, Moxifloxacin, Oxacillin, Rifampicin, Streptomycin hàm lượng cao, Teicoplanin, Tetracycline, Tigecycline, Trimethoprim/Sulfamethoxazole, Vancomycin	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất BHYT dự kiến cho mượn)
426.4		Thẻ kháng sinh đồ Gram dương dành cho nhóm tụ cầu và liên cầu (kèm Nitrofurantoin)	Card	Dành cho các vi khuẩn Staphylococcus spp., Enterococcus spp., và S. agalactiae. Thành phần kháng sinh trong thẻ chứa tối thiểu: Ampicillin, Benzylpenicillin, Sàng lọc Cefoxitin, Ciprofloxacin, Clindamycin, Erythromycin, Gentamicin, Gentamicin hàm lượng cao, Inducible Clindamycin Resistance, Levofloxacin, Linezolid, Moxifloxacin, Nitrofurantoin, Oxacillin, Quinupristin/Dalfopristin, Rifampicin, Rifampicin hàm lượng cao, Streptomycin hàm lượng cao, Tetracycline, Tigecycline, Trimethoprim/Sulfamethoxazole, Vancomycin.	
427	PP26 0008 2138	Thẻ định danh và kháng sinh đồ vi khuẩn Gram âm, hiếu khí			Cung cấp hệ thống định danh và kháng sinh đồ tự động có xuất xứ/chủ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
427.1		Thẻ định danh vi khuẩn Gram âm	Card	Có thể định danh được ≥ 120 loài trực khuẩn Gram âm, gồm tối thiểu: Citrobacter freundii, Citrobacter koseri, Edwardsiella tarda, Edwardsiella hoshinae, Enterobacter cloacae, Escherichia coli, Klebsiella pneumoniae, Klebsiella oxytoca, Morganella morganii, Pantoea agglomerans, Proteus mirabilis, Proteus vulgaris, Providencia stuartii, Providencia rettgeri, Salmonella Paratyphi A, Salmonella Typhi, Serratia marcescens, Shigella spp, Yersinia spp, Acinetobacter baumannii, Acinetobacter haemolyticus, Aeromonas hydrophila, Aeromonas caviae, Burkholderia cepacia, Chryseobacterium spp, Elizabethkingia meningoseptica, Moraxella spp, Neisseria spp, Pseudomonas aeruginosa, Vibrio cholerae, Stenotrophomonas maltophilia. Có ≥ 47 xét nghiệm hóa sinh và một giếng đối chứng âm.	tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
427.2		Thẻ kháng sinh đồ dành cho nhóm trực khuẩn Gram âm đường ruột có sinh ESBL	Card	Thành phần kháng sinh tối thiểu chứa trong thẻ: Ampicillin, Ampicillin/Sulbactam, Cefotaxime, Ceftazidime, Cefuroxime, Ciprofloxacin, Ertapenem, ESBL, Gentamicin, Imipenem, Meropenem, Piperacillin, Piperacillin/Tazobactam, Piperacillin/Tazobactam, Tigecycline, Trimethoprim/Sulfamethoxazole.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
427.3		Thẻ kháng sinh đồ dành cho nhóm trực khuẩn Gram âm không lên men đường	Card	Thành phần kháng sinh tối thiểu chứa trong thẻ: Amikacin, Amoxicillin/Clavulanic Acid, Cefepime, Ceftazidime, Ceftazidime/Avibactam, Ceftolozane/Tazobactam, Ciprofloxacin, Colistin, Fosfomycin, Gentamicin, Imipenem/Relebactam, Meropenem, Meropenem/Vaborbactam, Piperacillin/Tazobactam, Tigecycline.	
428	PP26 0008 2139	Thẻ định danh và kháng sinh đồ nấm			Cung cấp hệ thống định danh và kháng sinh đồ tự động có xuất xứ/chủ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS
428.1		Thẻ định danh nấm men	Card	Có thẻ định danh ít nhất 50 loài vi nấm trong đó tối thiểu gồm: Candida albicans, Candida Ciferri, Candida haemulonii, Candida glabrata, Candida parapsilosis, Candida tropicalis, Candida krusei, Candida kefyr, Cryptococcus neoformans, Cryptococcus laurentii, Cryptococcus albidus, Cryptococcus uniguttulatus, Trichosporon asahi. Có ≥ 46 xét nghiệm hóa sinh đánh giá việc sử dụng nguồn cacbon, nguồn nitrogen, các hoạt động enzym.	- Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
428.2		Thẻ kháng sinh đồ nấm	Card	Thành phần kháng sinh tối thiểu chứa trong thẻ: Amphotericin B, Caspofungin, Fluconazole, Flucytosine, Micafungin, Voriconazole	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
429	PP26 0008 2140	Thẻ định danh Neisseria và Haemophilus	Card	Có thể định danh được tối thiểu 25 loài vi khuẩn, tối thiểu gồm Neisseria gonorrhoeae, Neisseria meningitidis, Haemophilus influenzae, Haemophilus haemolyticus, Campylobacter coli, Moraxella spp. Có ≥ 30 xét nghiệm hóa sinh và một giếng đối chứng âm.	Cung cấp hệ thống định danh và kháng sinh đồ tự động có xuất xứ/chủ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
430	PP26 0008 2141	Vật tư tiêu hao cho máy định danh và kháng sinh đồ tự động			Cung cấp hệ thống định danh và kháng sinh đồ tự động có xuất xứ/chủ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS
430.1		Dung dịch nước muối 0,45%	Lít	Thành phần: Sodium Chloride từ 0,4% đến 0,5%	- Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
430.2		Ống tuýp pha huyền dịch vi khuẩn	Ống	Chất liệu: Polystyrene, kích thước 12 ($\pm 0,2$ mm) mm x 75 mm ($\pm 0,2$ mm), thể tích 5ml (± 1 ml)	
431	PP26 0008 2142	Thẻ định danh vi khuẩn kỵ khí	Thẻ/ Card	Có thể định danh được ít nhất 90 loài vi khuẩn kỵ khí, tối thiểu gồm: Bacteroides fragilis, Prevotella intermedia, Clostridium perfringens, Clostridium septicum, Corynebacterium spp Có ≥ 36 xét nghiệm hóa sinh đánh giá việc sử dụng nguồn cacbon và hoạt động của enzym.	Cung cấp hệ thống định danh và kháng sinh đồ tự động có xuất xứ/chủ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
432	PP26 0008 2143	Túi ủ nuôi cấy vi khuẩn kỵ khí	Hộp 10 túi	Túi ủ tạo khí trường dành cho nhóm vi khuẩn kỵ khí Quy cách: Hộp/10 túi	Cung cấp hệ thống định danh và kháng sinh đồ tự động có xuất xứ/chủ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
433	PP26 0008 2144	Hộp chứa túi ủ vi khuẩn	Hộp 1 cái	Hộp chứa túi ủ vi khuẩn, sức chứa 2,5L Quy cách: Hộp/1 cái	Cung cấp hệ thống định danh và kháng sinh đồ tự động có xuất xứ/chủ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
434	PP26 0008 2145	Que chỉ thị kỵ khí	Test	Que chỉ thị kỵ khí	Cung cấp hệ thống định danh và kháng sinh đồ tự động có xuất xứ/chủ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu.- Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
435	PP26 0008 2146	Thẻ nuôi cấy kỵ khí thủ công	Hộp 25 thanh + 25 ống	Bao gồm 16 cặp giếng. Cặp giếng đầu tiên không chứa kháng sinh và được sử dụng như một giếng chứng kiểm soát sự phát triển của vi khuẩn; các cặp giếng tiếp theo chứa kháng sinh ở một hoặc nhiều nồng độ khác nhau; cặp giếng cuối cùng để trống. Quy cách: Hộp 25 thanh + 25 ống	Cung cấp hệ thống định danh và kháng sinh đồ tự động có xuất xứ/chủ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
436	PP26 0008 2147	Bộ thuốc nhuộm Gram trên máy tự động			Cung cấp hệ thống nhuộm tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU.
436.1		Thuốc thử Lugol	mL	Thành phần tối thiểu gồm: iốt (Lugol).	
436.2		Thuốc nhuộm Safranin	mL	Thành phần tối thiểu gồm: Fuchsin hoặc Safranin	
436.3		Thuốc nhuộm Crystal Violet	mL	Thành phần tối thiểu gồm: crystal violet, cồn, formalin.	
437	PP26 0008 2148	Bộ dung dịch nhuộm Gram trên máy tự động	Bộ	Sử dụng trên thiết bị nhuộm lam kính tự động. Thành phần: Gồm 4 dung dịch pha sẵn: Crystal Violet; GRAM Iodine; Acetone Alcohol; Safranin hoặc Carbol Fuchsin. Quy cách: 0,95 lít/chai	Cung cấp máy nhuộm lam tự động có xuất xứ/chủ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU
438	PP26 0008 2149	Bộ dung dịch nhuộm AFB (Ziehl-Neelsen/ Kinyoun) trên máy tự động	Bộ	Sử dụng trên thiết bị nhuộm lam kính tự động. Thành phần: Gồm 3 dung dịch pha sẵn: Carbol-Fuchsin; Acid alcohol; Methylene Blue. Quy cách: 0,95 lít/chai	Cung cấp máy nhuộm lam tự động có xuất xứ/chủ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU
439	PP26 0008 2150	Bộ thuốc nhuộm Ziehl Neelsen phát hiện trực khuẩn kháng Acid (AFB)	Test	Thành phần tối thiểu gồm: Trichloroacetic acid, Fuchsin, Hydrochloric acid, Methylene blue.	Cung cấp hệ thống nhuộm tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU.
440	PP26 0008 2151	Bộ hóa chất định danh nhanh vi khuẩn, nấm bằng phương pháp sinh học phân tử			Cung cấp hệ thống PCR lồng đa tác nhân tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
440.1		Hóa chất dùng cho định danh nhanh vi khuẩn gây nhiễm trùng huyết	Test	Thực hiện quy trình PCR lồng đa môi, có thể phát hiện ≥ 43 tác nhân gây bệnh gồm vi khuẩn, nấm men và gen kháng kháng sinh. Độ nhạy: $\geq 99\%$. Độ đặc hiệu: $\geq 99,8\%$.	ngoại kiểm.
440.2		Hóa chất dùng cho định danh nhanh vi khuẩn gây viêm màng não	Test	Thực hiện quy trình PCR lồng đa môi, có thể phát hiện ≥ 14 tác nhân gây bệnh gồm vi khuẩn, virus và nấm. Độ nhạy: $\geq 94\%$. Độ đặc hiệu: $\geq 99,5\%$.	
440.3		Hóa chất dùng cho định danh nhanh vi khuẩn gây nhiễm khuẩn đường hô hấp dưới	Test	Thực hiện quy trình PCR lồng đa môi, có thể phát hiện ≥ 34 tác nhân gây bệnh gồm vi khuẩn, virus và gen kháng kháng sinh. Độ nhạy: $\geq 96\%$. Độ đặc hiệu: $\geq 97\%$.	
441	PP26 0008 2152	Chai nuôi cấy dịch vô trùng hiệu khí chứa hạt Polymeric	Chai	Chai môi trường nuôi cấy có thành phần polycarbonate, chứa môi trường và hạt polyme hấp phụ. Thành phần tối thiểu chứa: casein peptone, soybean peptone, meat peptone, các axit amin. Chai chứa N ₂ , O ₂ và CO ₂ khí quyển trong điều kiện chân không. Có khả năng trung hòa tối thiểu các kháng sinh: glycyclines, macrolides, cefoxitin, ceftaroline, aminoglycosides, fluoroquinolones, lincosamides, glycopeptides.	Cung cấp hệ thống nuôi cấy dịch/máu tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
442	PP26 0008 2153	Chai nuôi cấy dịch vô trùng kỵ khí chứa hạt Polymeric	Chai	Chai môi trường nuôi cấy có thành phần polycarbonate, chứa môi trường và hạt polyme hấp phụ. Thành phần tối thiểu chứa: peptones/chiết xuất sinh học, chất chống đông máu, vitamins và các axit amin, các nguồn carbon, các nguyên tố vi lượng. Chai chứa khí N ₂ , O ₂ và CO ₂ trong chân không. Có khả năng trung hòa tối thiểu các kháng sinh: imipenem, meropenem, oxacillin, glycylicyclines, macrolides, cefoxitin, ceftaroline, aminoglycosides, fluoroquinolones, lincosamides, ketolides, và glycopeptides.	Cung cấp hệ thống nuôi cấy dịch/máu tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm
443	PP26 0008 2154	Bộ hóa chất, sinh phẩm và vật tư xét nghiệm định lượng viêm gan B, C			Cung cấp hệ thống máy PCR tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Các quá trình tách chiết, tinh sạch, khuếch đại hoàn toàn tự động. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
443.1		Sinh phẩm chứng âm cho xét nghiệm sàng lọc HIV, HCV, HBV	Hộp	Mẫu huyết tương người bình thường, không phản ứng với kháng thể kháng HCV, kháng thể kháng HIV1/2, HBsAg, kháng thể kháng HBc; không phát hiện HIV-1 RNA, HIV-2 RNA, HCV RNA và HBV DNA bằng các phương pháp PCR.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
443.2		Thuốc thử xét nghiệm định lượng DNA HBV	Test	Tách chiết và tinh sạch acid nucleic hoàn toàn tự động. Giới hạn phát hiện: Phát hiện DNA HBV ở nồng độ tối thiểu 3 IU/mL cho thể tích xử lý mẫu 500 µL và ở nồng độ tối thiểu 17,5 IU/mL cho thể tích xử lý mẫu 200 µL (chống đông EDTA). Độ đặc hiệu: 100%. Thành phần chứa tối thiểu: dung dịch Proteinase, Chuẩn định lượng DNA, thuốc thử Master Mix, thuốc thử HBV Master Mix.	
443.3		Thuốc thử xét nghiệm định lượng RNA HCV	Test	Tách chiết và tinh sạch acid nucleic hoàn toàn tự động. Giới hạn phát hiện: phát hiện RNA HCV ở nồng độ tối thiểu 8,46 IU/mL cho thể tích xử lý mẫu 500 µL trong huyết tương chống đông bằng EDTA. Độ nhạy phân tích: ≤15 IU/mL (500 µL). Độ đặc hiệu là 100%. Thành phần chứa tối thiểu: dung dịch Proteinase, Chuẩn định lượng RNA, thuốc thử Master Mix, thuốc thử HCV Master Mix.	
443.4		Vật liệu kiểm soát dương tính xét nghiệm định tính và định lượng RNA HIV-1, định lượng DNA HBV, định tính và định lượng RNA HCV	Hộp	Vật liệu kiểm soát dương tính nồng độ thấp. Vật liệu kiểm soát dương tính nồng độ cao.	
443.5		Hóa chất pha loãng	Hộp	Thành phần tối thiểu gồm: Đệm Tris, methyl-4 hydroxybenzoate, natri azide.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
443.6		Hóa chất ly giải	Hộp	Thành phần tối thiểu gồm: guanidine, thiocyanate, polydocanol, dithiothreitol, dihydro natri citrate.	
443.7		Hóa chất rửa hệ thống	Hộp	Thành phần tối thiểu gồm: Natri citrate dihydrate, methyl-4 hydroxybenzoate	
443.8		Hóa chất hạt bi từ	Hộp	Thành phần tối thiểu gồm: Hạt thủy tinh từ tính, đệm Tris, methyl-4 hydroxybenzoate, natri azide Quy cách: Hộp/480 xét nghiệm	
443.9		Đĩa xử lý 24 vị trí	Hộp	Vật tư tiêu hao sử dụng một lần cho quá trình xử lý mẫu. Đĩa có tối thiểu 24 vị trí. Quy cách: Hộp/60 cái	
443.10		Đĩa khuếch đại 24 vị trí	Hộp	Đĩa khuếch đại là vật tư tiêu hao được sử dụng cho quá trình xử lý mẫu. Đĩa có tối thiểu 24 vị trí. Quy cách: Hộp/120 cái	
443.11		Đĩa chất thải lỏng 24 vị trí	Hộp	Đĩa chất thải lỏng là vật tư tiêu hao sử dụng cho máy tách chiết và Real Time PCR tự động. Quy cách: Hộp/60 cái	
443.12		Đầu côn hút	Hộp	Đầu côn có màng lọc, thể tích hút 1000 μL ($\pm 10\mu\text{L}$). Không chứa Dnase, Rnase, Pyrogen, DNA và ATP người và chất ức chế PCR. Quy cách: Hộp/8 x 480 đầu tip	
443.13		Đầu tip hút có lọc	Hộp	Đầu tip hút có lọc thể tích 300 μL ($\pm 10\mu\text{L}$). Không chứa Dnase, Rnase, Pyrogen, DNA và ATP người và chất ức chế PCR. Quy cách: Hộp/12 x 480 đầu tip	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
444	PP26 0008 2155	Ống đựng mẫu thứ cấp sử dụng cho hệ thống máy PCR tự động	Hộp	Ống đựng mẫu kích thước 13mm (±2mm) x 75mm (±2mm). Quy cách: Hộp/1500 cái/thùng	
445	PP26 0008 2156	Chai cấy máu hiếu khí trên hệ thống tự động	Chai	Thành phần chứa tối thiểu: nước đã qua xử lý, canh trường Soybean-Casein Digest, cao nấm men, Amino axit, đường, Sodium Polyanetholsulfonate, Vitamins, chất chống oxi hóa/khử, Nonionic Adsorbing Resin, Cationic Exchange Resin.	Cung cấp hệ thống cấy máu tự động có xuất xứ/chủ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
446	PP26 0008 2157	Chai cấy máu tìm nấm	Chai	Sử dụng cho phục hồi nấm men và nấm sợi. Chai chứa môi trường nuôi cấy không chọn lọc bao gồm: nước đã qua xử lý, Canh trường 7H9 Middlebrook không chứa muối phosphate, Brain Heart Infusion, Casein Thủy phân, Supplement H, Inositol, Glycerol, Sodium Polyanetholsulfonate, Pyridoxal HCl, Ferric Ammonium Citrate, Potassium Phosphate, Saponin, Chất chống tạo bọt, có bổ sung thêm CO2 và O2. Chai có cảm biến hoá học.	Cung cấp hệ thống cấy máu tự động có xuất xứ/chủ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
447	PP26 0008 2158	Gói tạo môi trường kỵ khí có chỉ thị	Gói	Tạo khí trường thích hợp để hỗ trợ việc phân lập và nuôi cấy ban đầu các vi khuẩn kỵ khí bằng cách sử dụng các gói tạo khí với chất chỉ thị kèm theo bên trong các hộp ủ đa dụng. Gói tạo khí có chứa các thành phần: cacbonat vô cơ, than hoạt tính, axit ascorbic và nước. Gói tạo khí sẽ cung cấp khí trường phù hợp cho vi khuẩn kỵ khí: tạo ra khí trường kỵ khí với ít hơn 1% oxi và nhiều hơn hoặc bằng 13% CO₂ trong 24 giờ ủ. Nhiệt độ bảo quản: 2 độ C đến 25 độ C.	
448	PP26 0008 2159	Hộp dùng để nuôi cấy	Hộp	Sử dụng để duy trì môi trường khí trường mong muốn trong suốt quá trình ủ. Hộp ủ được làm bằng vật liệu kháng hóa chất và có độ bền cao. Kích thước tiêu chuẩn: có thể ủ 15-18 đĩa Petri.	
449	PP26 0008 2160	Thuốc thử xét nghiệm định tính ADN của Mycobacterium tuberculosis complex (MTBC) đa kháng thuốc	Test	Thành phần tối thiểu bao gồm: Master Mix PCR khô chứa các nucleotide, mẫu dò và môi cho gen mục và enzyme PCR; Thanh hóa chất chứa hóa chất gồm đệm rửa, đệm tách, đệm trung hòa, dung dịch gạn và đầu tip dùng một lần cần cho xử lý mẫu và tách chiết DNA; Ống tách chiết chứa các hóa chất khô gồm bi từ có ái lực với DNA, protease và churning xử lý mẫu.	Cung cấp hệ thống PCR tự động có xuất xứ/chủ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
450	PP26 0008 2161	Hóa chất xử lý mẫu dùng cho xét nghiệm lao đa kháng thuốc	Hộp	Hoá chất dùng để hoá lỏng mẫu đờm và làm giảm khả năng sống của Mycobacteria Tuberculosis Quy cách: Hộp/48 ống	Cung cấp hệ thống PCR tự động có xuất xứ/chủ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
451	PP26 0008 2162	Thanh giếng PCR	Hộp	Cartridge gồm 24 giếng. Quy cách: Hộp/24 cartridges (576 test)	Cung cấp hệ thống PCR tự động có xuất xứ/chủ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
452	PP26 0008 2163	Bộ thuốc thử Real-time PCR định tính phức hợp vi khuẩn lao từ mẫu đàm, dịch rửa phế quản/khí quản, máu toàn phần, dịch não tủy, nước tiểu, dịch nuôi cấy vi khuẩn	Test	Có khả năng phát hiện đồng thời DNA của vi khuẩn lao và vi khuẩn lao kháng Rifampicin trên máy PCR tự động. Tích hợp chất chứng trong bộ hóa chất xét nghiệm PCR để kiểm soát quá trình phản ứng. Vùng gene đích: rpoB gene; IS6110 & IS1081. Loại mẫu: tối thiểu gồm mẫu đờm hoặc痰 cặn đờm. Xét nghiệm nằm trong hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao hoặc các văn bản hướng dẫn tương đương của Bộ Y tế. Độ nhạy: $\geq 99\%$ (so với mẫu soi kính dương tính/nuôi cấy dương tính). Độ đặc hiệu: $\geq 95\%$.	- Cung cấp hệ thống xét nghiệm sinh học phân tử tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Bao gồm: tích hợp quy trình chuẩn bị mẫu, khuếch đại axit nucleic và phát hiện trình tự đích trong các mẫu bệnh phẩm. - Sử dụng công nghệ ≥ 10 màu hoặc tương đương, theo dõi được ≥ 10 tín hiệu trong một ống phản ứng. - Có ≥ 4 mô đun kiểm soát độc lập, có thể thực hiện đồng thời nhiều loại xét nghiệm khác nhau và xử lý nhiều loại mẫu khác nhau. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra/so sánh liên phòng và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
453	PP26 0008 2164	Bộ thuốc thử Real-time PCR định tính phức hợp vi khuẩn lao từ mẫu đàm, dịch rửa phế quản/khí quản, máu toàn phần, dịch não tủy, nước tiểu, dịch nuôi cấy vi khuẩn (bao gồm tách chiết tự động)	Test	Bộ kit cung cấp sẵn chứng âm, chứng dương và chứng nội. Độ nhạy: ≤ 5 CFU/mẫu Phát hiện phức hợp vi khuẩn lao (MTBC) bao gồm: M. tuberculosis, M. africanum, M. bovis, M. bovis BCG, M. microti. Có sử dụng UDG-Enzyme.	Cung cấp hệ thống Real-time PCR kèm máy tách chiết tự động có xuất xứ/chủ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
454	PP26 0008 2165	Bộ thuốc thử Real-time PCR phát hiện định tính HSV từ máu toàn phần, dịch não tủy (bao gồm tách chiết tự động)	Test	Có chứng âm tách chiết, chứng nội và chứng dương. Độ nhạy: ≤ 500 GE/ml mẫu.	Cung cấp hệ thống Real-time PCR kèm máy tách chiết tự động có xuất xứ/chủ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
455	PP26 0008 2166	Bộ xét nghiệm để phát hiện DNA của Candida albicans, C. glabrata, C. krusei, C. parapsilosis, C. tropicalis, C. auris và Candida spp. bằng phương pháp Real-time PCR	Test	Độ đặc hiệu $\geq 98\%$. Độ nhạy $\geq 99\%$. Độ chính xác $\geq 98\%$.	Cung cấp hệ thống Real-time PCR kèm máy tách chiết tự động có xuất xứ/chủ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
456	PP26 0008 2167	Bộ hóa chất, vật tư đi kèm xét nghiệm Real-time PCR lao, HSV, Candida			Cung cấp hệ thống PCR tự động có xuất xứ/chủ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
456.1		Bộ xét nghiệm chỉ định cho quy trình ly trích và tinh sạch DNA bộ gen, DNA/RNA virus, DNA vi khuẩn	Test	Dùng tách chiết acid nucleic, phân lập và tinh sạch đồng thời DNA bộ gen, DNA vi khuẩn và DNA/RNA virus.	
456.2		Đầu côn có lọc 0,1-10 uL, vô trùng	Cái	Chất liệu Polypropylene. Không chứa DNase, RNase, DNA người, Pyrogen và ATP. Được tiệt trùng bằng bức xạ gamma.	
456.3		Đầu côn có lọc 10-100 uL, vô trùng	Cái	Chất liệu Polypropylene. Không chứa DNase, RNase, DNA người, Pyrogen và ATP. Được tiệt trùng bằng bức xạ gamma.	
456.4		Đầu côn có lọc 100-1000 uL, vô trùng	Cái	Chất liệu Polypropylene. Không chứa DNase, RNase, DNA người, Pyrogen và ATP. Được tiệt trùng bằng bức xạ gamma.	
456.5		Ống PCR 0,2ml nắp bằng, trong suốt	Cái	Tuýp PCR 0,2 ml, nắp phẳng trong suốt. Chất liệu Polypropylene. Không chứa DNase, RNase, DNA người, Pyrogen và ATP.	
456.6		Ống 1,5ml	Cái	Ống ly tâm 1,5ml. Chất liệu Polypropylene. Không chứa DNase, RNase, DNA người, Pyrogen và ATP. Ống có phần trên hình trụ, đáy hình nón, nắp liền ống. Chịu nhiệt được trong khoảng từ -80 độ C đến 121 độ C.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
456.7		Ống 15ml hoặc 50ml	Cái	Ống ly tâm 15 ml hoặc 50 ml. Chất liệu ống: Polypropylene. Không chứa DNase, RNase, DNA người, Pyrogen và ATP. Ống có phần trên hình trụ, đáy hình nón, nắp vặn rời. Chịu nhiệt được trong khoảng từ âm 80 độ C đến 121 độ C.	
456.8		Hóa chất xử lý đằm/NaOH	Test	Thành phần chứa tối thiểu: NaOH và Na3 Citrate; N-Acetyl-L-Cysteine; Đệm PO4.	
457	PP26 0008 2168	Bộ hóa chất, vật tư đi kèm xét nghiệm kháng nấm đồ			Cung cấp máy kháng nấm đồ tự động có xuất xứ/chủ sở hữu các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
457.1		Khay kháng nấm đồ	Khay	Khay 96 giếng được sử dụng trong chẩn đoán in-vitro (IVD). Được đóng gói riêng trong túi giấy bạc kèm chất chống ẩm. Khay sử dụng phương pháp vi pha loãng. Khay cho kết quả MIC thực thay vì kết quả ngoại suy. Khay đáp ứng các yêu cầu của FDA, CLSI và EUCAST hoặc tương đương. Khay sử dụng chất chỉ thị màu alamarBlue. Thành phần chất kháng nấm (dải nồng độ - µg/ml): Micafungin (0,008-8), Caspofungin (0,008-8), 5-Flucytosine (0,06-64), Posaconazole (0,008-8), Voriconazole (0,008-8), Itraconazole (0,015-16), Fluconazole (0,12-256), Anidulafungin (0,015-8), Amphotericin B (0,12-8)	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
457.2		Môi trường canh thang thực hiện kháng nấm đồ	Hộp	Môi trường canh thang thực hiện kháng nấm đồ vi pha loãng.	
457.3		Khay kháng sinh đồ với kháng sinh Colistin	Khay	Khay chứa kháng sinh Colistin với dãy nồng độ từ 0,12 đến 128 µg/ml. Phương pháp vi pha loãng.	
457.4		Môi trường canh thang thực hiện kháng sinh đồ	Ống	Môi trường canh thang Mueller Hinton thực hiện kháng sinh đồ bằng phương pháp vi pha loãng MIC.	
457.5		Nước khử khoáng vô trùng	Ống	Nước khử khoáng vô trùng.	
457.6		Đầu phân phối huyền dịch	Cái	Đầu phân phối mẫu dùng cho máy phân phối mẫu tự động.	
458	PP26 0008 2169	Ống độ đục chuẩn 0,5 McF	Ống	Ống độ đục chuẩn 0,5 McF. Quy cách: Ống 3mL	Cung cấp hệ thống PCR tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
459	PP26 0008 2170	Hóa chất xét nghiệm Mycobacterium tuberculosis đo tải lượng hệ thống tự động	Test	Độ đặc hiệu phân tích: hệ các Mycobacterium tuberculosis (M. tuberculosis, M. africanum, M. bovis, M. microti, M. canettii, M. pinnipedi, M. caprae, M. orygis, M. mungi và chủng vaccine Bacillus Calmette–Guérin, BCG), 100%. Độ nhạy phân tích (Giới hạn phát hiện LoD): ≤ 0,1 cp/µl với xác suất 95%.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
460	PP26 0008 2171	Hóa chất xét nghiệm CMV đo tải lượng hệ thống tự động	Test	Độ đặc hiệu phân tích: Human Cytomegalovirus (CMV) 100 %. Độ đặc hiệu lâm sàng: $\geq 90\%$. Độ nhạy lâm sàng: $\geq 92\%$.	Cung cấp hệ thống PCR tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
461	PP26 0008 2172	Hóa chất xét nghiệm EBV đo tải lượng hệ thống tự động	Test	Độ đặc hiệu phân tích: Epstein-Barr virus 100 %. Độ đặc hiệu lâm sàng: $\geq 94\%$. Độ nhạy lâm sàng: $\geq 99\%$.	Cung cấp hệ thống PCR tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
462	PP26 0008 2173	Hóa chất xét nghiệm HSV đo tải lượng hệ thống tự động	Test	Độ đặc hiệu phân tích: Herpes simplex virus type 1 (HSV-1) và Herpes simplex virus type 2 (HSV-2) là 100%. Độ đặc hiệu chẩn đoán: $\geq 97\%$. Độ nhạy chẩn đoán: 100%.	Cung cấp hệ thống PCR tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
463	PP26 0008 2174	Hóa chất xét nghiệm VZV Real-time PCR	Test	Độ đặc hiệu lâm sàng: $\geq 97\%$. Độ đặc hiệu phân tích: 100%.	Cung cấp hệ thống PCR tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
464	PP26 0008 2175	Hóa chất tách chiết DNA/RNA	Test	Thành phần tối thiểu bao gồm cartridge, bọc thanh từ (magnetic cover), enzyme Proteinase K và đệm PEB. Thể tích mẫu đầu vào trong phạm vi: từ 200 đến 400 µl.	Cung cấp hệ thống PCR tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
465	PP26 0008 2176	Khay giếng dùng cho máy Realtime PCR	Test	Loại đĩa 96 giếng dùng được cho máy Realtime PCR.	Cung cấp hệ thống PCR tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
466	PP26 0008 2177	Miếng dán giếng dùng cho máy Realtime PCR	Test	Miếng dán đầy đĩa 96 giếng dùng được cho máy Realtime PCR.	Cung cấp hệ thống PCR tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
467	PP26 0008 2178	Khay giếng có nắp dùng cho máy Realtime PCR	Túi	Chất liệu nhựa trắng, nắp trong tạo ra sự nhất quán trong môi trường truyền quang (qPCR). Nắp phẳng, ngăn tràn đổ. Dây gồm 8 ống. Thể tích ống 0,2ml ($\pm 0,01$ ml). Không chứa RNase, Dnase, nội độc tố.	Cung cấp hệ thống PCR tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
468	PP26 0008 2179	Bộ hóa chất xét nghiệm định danh vi sinh vật bằng phương pháp khối phổ			Cung cấp hệ thống định danh khối phổ MALDI-TOF tự động. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
468.1		Khay phản ứng tích hợp hóa chất xét nghiệm định danh vi khuẩn	Test	Lam mục tiêu để định danh vi sinh vật theo phương pháp khối phổ MALDI-TOF (Matrix-Assisted Laser Desorption Ionisation-Time Of Flight). Mỗi lam gồm 48 điểm phân tích và 3 điểm hiệu chuẩn.	ngoại kiểm.
468.2		Hóa chất nền cho phản ứng định danh vi khuẩn	Hộp	Chất nền hấp thụ năng lượng laser và truyền năng lượng này đến các vi sinh vật để tạo ra quá trình ion hóa. Thành phần tối thiểu gồm: Alpha-cyano-4-hydroxy-cinnamic acid, Ethanol, Acetonitrile.	
468.3		Hóa chất nền cho phản ứng định danh vi khuẩn thực hiện trên hệ thống tự động (Chất xử lý nấm sợi)	Hộp	Sử dụng ethanol, axit formic và acetonitrile để khử hoạt tính nấm mốc và tách chiết protein trong các nấm mốc đó, nhằm định danh nấm mốc từ các đĩa thạch theo phương pháp MALDI-TOF. Thành phần chứa tối thiểu: Ethanol, Formic acid, Acetonitrile.	
468.4		Hóa chất nền cho phản ứng định danh vi khuẩn thực hiện trên hệ thống tự động (Chất xử lý nấm)	Hộp	Chất nền được sử dụng để xử lý các loại nấm men nhằm tạo điều kiện dễ dàng nhận dạng chúng theo phương pháp MALDI-TOF. Thành phần tối thiểu chứa: Formic acid.	
469	PP26 0008 2180	Vòng cấy kim loại (định lượng)	Cái	Vòng cấy bằng kim loại, không cán. Thể tích đầu vòng cấy 1 µl. Dài tối thiểu 100mm.	
470	PP26 0008 2181	Vòng cấy kim loại (thường)	Cái	Vòng cấy bằng kim loại, không cán. Thể tích đầu vòng cấy 10 µl. Dài tối thiểu 85mm.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
471	PP26 0008 2182	Que cấy nhựa vô trùng	Cái	Bảng nhựa PP (Polypropylene) vô trùng, cán tròn, liền khối với vòng cấy. Chiều dài toàn phần: ≥ 225 mm. Vòng cấy hình tròn có đường kính trong tối thiểu 4 mm. Thể tích đầu vòng cấy 10 μ l.	
472	PP26 0008 2183	Tăm bông bệnh phẩm vô trùng	Que	Que tăm bông nằm trong ống nhựa hàn kín vô trùng từng que và vào bao riêng lẻ. Ống nhựa bên ngoài có chiều dài tối thiểu 180 mm, đường kính ống tối thiểu 10 mm. Cán que có chiều dài tối thiểu 70 mm, đường kính tối thiểu 10 mm.	
473	PP26 0008 2184	Thuốc nhuộm Gram	Bộ	Thành phần gồm 04 loại dung dịch: Crystal Violet, Lugol, Alcohol và Safranin. Quy cách: Bộ/4 chai 100ml	
474	PP26 0008 2185	Thuốc nhuộm Carbon Fuchsin	Lít	Dung dịch thành phần của thuốc nhuộm Ziehl Neelsen	
475	PP26 0008 2186	Thuốc nhuộm Methylene blue	Chai	Thuốc nhuộm Methylene blue Quy cách: 100ml/Chai	
476	PP26 0008 2187	Thạch máu	Đĩa	Đĩa petri đường kính 90mm. Thành phần tối thiểu chứa: Peptone; Corn starch; Sodium chloride; Agar ; Nước cất; Máu cừ. Độ dày 5mm (± 1 mm).	
477	PP26 0008 2188	Thạch nâu (CAXV)	Đĩa	Đĩa petri đường kính 90mm. Thành phần tối thiểu chứa: Peptone; Corn starch; Sodium chloride; Agar; nước cất; máu ngựa. Độ dày 5mm (± 1 mm).	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
478	PP26 0008 2189	Thạch Mac Conkey	Đĩa	Đĩa petri đường kính 90mm. Thành phần tối thiểu chứa: Peptones; Pancreatic digest of gelatin; Lactose monohydrate; Bile salts; Sodium chloride; Crystal violet; Neutral red; Agar; nước cất. Độ dày 5mm (± 1 mm).	
479	PP26 0008 2190	Thạch SS	Đĩa	Đĩa petri đường kính 90mm. Thành phần tối thiểu chứa: Beef Extract; Pancreatic Digest of Casein; Peptic Digest of Animal Tissue; Lactose; Bile Salts; Sodium Citrate; Sodium Thiosulfate; Ferric Citrate; Neutral Red; Agar; Brilliant Green; nước cất. Độ dày 5mm (± 1 mm).	
480	PP26 0008 2191	Thạch Sabouraud	Đĩa	Đĩa petri đường kính 90mm. Thành phần tối thiểu chứa: Dextrose; Peptone; Agar; nước cất. Độ dày 5mm (± 1 mm).	
481	PP26 0008 2192	Chai cấy máu hai pha	Chai	Chai có hai phần: Phần trên là pha đặc với BHI agar và phần dưới là pha lỏng với BHI lỏng có SPS.	
482	PP26 0008 2193	Thạch MHA	Đĩa	Đĩa thạch tròn có đường kính 90mm. Thành phần tối thiểu chứa: Beef extract; Acid hydrolysate of Casein; Starch; Agar; nước cất. Độ dày 5mm (± 1 mm).	
483	PP26 0008 2194	Thạch MHA (có máu cừu)	Đĩa	Đĩa có đường kính 90mm. Thành phần có chứa Sheep Blood.	
484	PP26 0008 2195	Thạch Sabouraud có Chloramphenicol	Đĩa	Đĩa có đường kính 90mm. Thành phần có chứa Chloramphenicol, Agar.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
485	PP26 0008 2196	Môi trường phân lập Candida	Đĩa	Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường sinh màu dùng cho phân lập và phát hiện nhanh các loài Candida. Đĩa có đường kính 90mm. Thành phần tối thiểu chứa: Peptone, Chloramphenicol, Chromogenic mix, Agar, nước cất.	
486	PP26 0008 2197	Khoanh giấy kháng sinh Aztreonam	Khoanh	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy có đường kính 6mm ($\pm 0,1$ mm). Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ. Khoanh giấy được tẩm Aztreonam có nồng độ 30 μ g.	
487	PP26 0008 2198	Khoanh giấy kháng sinh Cefoxitin	Khoanh	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy có đường kính 6mm ($\pm 0,1$ mm). Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ. Khoanh giấy được tẩm Cefoxitin có nồng độ 30 μ g.	
488	PP26 0008 2199	Khoanh giấy kháng sinh Cefpodoxime	Khoanh	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy có đường kính 6mm ($\pm 0,1$ mm). Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ. Khoanh giấy được tẩm Cefpodoxime có nồng độ 10 μ g.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
489	PP26 0008 2200	Khoanh giấy kháng sinh Ceftriaxone	Khoanh	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy có đường kính 6mm ($\pm 0,1$ mm). Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ. Khoanh giấy được tẩm Ceftriaxone có nồng độ 30 μ g.	
490	PP26 0008 2201	Khoanh giấy kháng sinh Nitrofurantoin	Khoanh	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy có đường kính 6mm ($\pm 0,1$ mm). Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ. Khoanh giấy được tẩm Nitrofurantoin có nồng độ 300 μ g.	
491	PP26 0008 2202	Thanh tẩm kháng sinh Ampicillin-sulbactam	Test	Thanh giấy tẩm thuốc kháng sinh được sử dụng xét nghiệm định lượng dùng để xác định nồng độ ức chế tối thiểu của thuốc kháng sinh đối với vi sinh vật. Phạm vi nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) của Ampicillin-sulbactam: từ 0,016 đến 256 μ g/mL	
492	PP26 0008 2203	Thanh tẩm kháng sinh Cefazidime-avibactam	Test	Thanh giấy tẩm thuốc kháng sinh được sử dụng xét nghiệm định lượng dùng để xác định nồng độ ức chế tối thiểu của thuốc kháng sinh đối với vi sinh vật. Phạm vi nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) của Cefazidime-avibactam 0,016/4-256/4 μ g/mL	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
493	PP26 0008 2204	Thanh tâm kháng sinh Ceftolozane-tazobactam	Test	Thanh giấy tẩm thuốc kháng sinh được sử dụng xét nghiệm định lượng dùng để xác định nồng độ ức chế tối thiểu của thuốc kháng sinh đối với vi sinh vật. Phạm vi nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) của Ceftolozane-tazobactam 0,016/4 µg/mL - 256/4 µg/mL	
494	PP26 0008 2205	Thanh tâm kháng sinh Meropenem-Vaborbactam	Thanh	Thanh giấy tẩm thuốc kháng sinh được sử dụng xét nghiệm định lượng dùng để xác định nồng độ ức chế tối thiểu của thuốc kháng sinh đối với vi sinh vật. Phạm vi nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) của Meropenem-Vaborbactam từ 0,016/8µg/mL đến 256/8 µg/mL	
495	PP26 0008 2206	Thanh tâm kháng sinh Imipenem-Relebactam	Thanh	Thanh giấy tẩm thuốc kháng sinh được sử dụng xét nghiệm định lượng dùng để xác định nồng độ ức chế tối thiểu của thuốc kháng sinh đối với vi sinh vật. Phạm vi nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) của Imipenem-Relebactam từ 0,002/4 µg/mL đến 32/4 µg/mL	
496	PP26 0008 2207	Thanh tâm kháng sinh Meropenem	Thanh	Thanh giấy tẩm thuốc kháng sinh được sử dụng xét nghiệm định lượng dùng để xác định nồng độ ức chế tối thiểu của thuốc kháng sinh đối với vi sinh vật. Phạm vi nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) của Meropenem: từ 0,016µg/mL đến 256µg/mL	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
497	PP26 0008 2208	Thanh tấm kháng sinh Trimethoprim-sulfamethoxazole (1/19)	Test	Thanh giấy tấm thuốc kháng sinh được sử dụng xét nghiệm định lượng dùng để xác định nồng độ ức chế tối thiểu của thuốc kháng sinh đối với vi sinh vật. Phạm vi nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) của Trimethoprim-sulfamethoxazole (1/19) từ 0,002 µg/mL đến 32 µg/mL.	
498	PP26 0008 2209	Đĩa giấy tấm kháng sinh Amikacin	Đĩa	Đĩa giấy có đường kính 6mm, nồng độ kháng sinh trong đĩa 90% - 125%. Đĩa giấy tấm kháng sinh có nồng độ: Amikacin 30 µg.	
499	PP26 0008 2210	Đĩa giấy tấm kháng sinh Ceftolozane-Tazobactam (30/10)	Khoanh	Đĩa giấy có đường kính 6mm, nồng độ kháng sinh trong đĩa 90%-125%. Đĩa giấy tấm kháng sinh có nồng độ: Ceftolozane-Tazobactam 40 µg.	
500	PP26 0008 2211	Đĩa giấy tấm kháng sinh Imipenem	Đĩa	Đĩa giấy có đường kính 6mm, nồng độ kháng sinh trong đĩa 90%-125%. Đĩa giấy tấm kháng sinh có nồng độ: Imipenem 10 µg.	
501	PP26 0008 2212	Đĩa giấy tấm kháng sinh Fosfomycin (có chứa G6P 50)	Đĩa	Đĩa giấy có đường kính 6mm, nồng độ kháng sinh trong đĩa 90%-125%. Đĩa giấy tấm kháng sinh có nồng độ: Fosfomycin 200 µg (200/50).	
502	PP26 0008 2213	Đĩa giấy tấm kháng sinh MEROPENEM	Đĩa	Đĩa giấy có đường kính 6mm, nồng độ kháng sinh trong đĩa 90%-125%. Đĩa giấy tấm kháng sinh có nồng độ: MEROPENEM 10 µg.	
503	PP26 0008 2214	Chủng vi khuẩn Escherichia coli	Que	Chủng Escherichia coli ATCC.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
504	PP26 0008 2215	Chủng vi khuẩn Staphylococcus aureus subsp, aureus	Que	Chủng Staphylococcus aureus ATCC	
505	PP26 0008 2216	Chủng vi khuẩn Enterococcus faecalis	Que	Chủng Enterococcus faecalis ATCC	
506	PP26 0008 2217	Chủng chuẩn vi khuẩn Pseudomonas aeruginosa	Que	Chủng Pseudomonas aeruginosa ATCC	
507	PP26 0008 2218	Chủng chuẩn vi khuẩn Enterobacter hormaechei	Que	Chủng Enterobacter hormaechei ATCC	
508	PP26 0008 2219	Chủng chuẩn vi khuẩn Stenotrophomona s maltophilia	Que	Chủng Stenotrophomonas maltophilia ATCC	
509	PP26 0008 2220	Chủng chuẩn vi khuẩn Enterococcus casseliflavus	Que	Chủng Enterococcus casseliflavus ATCC	
510	PP26 0008 2221	Chủng chuẩn vi khuẩn Staphylococcus saprophyticus	Que	Chủng Staphylococcus saprophyticus ATCC	
511	PP26 0008 2222	Chủng chuẩn vi nấm Candida albicans	Que	Candida albicans 14053	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
512	PP26 0008 2223	Chủng chuẩn vi nấm Candida parapsilosis	Que	Candida parapsilosis 22019	
513	PP26 0008 2224	Test nhanh tìm máu ẩn trong phân (FOB)	Test	Độ nhạy $\geq 95\%$ Độ đặc hiệu $\geq 98\%$. Có xuất xứ từ các nước G7 hoặc EU hoặc OECD.	
514	PP26 0008 2225	Test phát hiện kháng thể Treponema Pallidum	Test	Nguyên lý: phản ứng kháng nguyên kháng thể để sàng lọc giang mai (RPR). Độ nhạy $\geq 95\%$. Độ đặc hiệu $\geq 98\%$. Có xuất xứ từ các nước G7 hoặc EU hoặc OECD.	
515	PP26 0008 2226	Xét nghiệm nhanh chẩn đoán giang mai	Test	Nguyên lý: ngưng kết hồng cầu tìm kháng thể đặc hiệu của vi khuẩn giang mai (TPHA). Độ nhạy $\geq 98\%$. Độ đặc hiệu: $\geq 99\%$. Thành phần kit tối thiểu gồm: Lọ test cells, Lọ control cells, Lọ positive control, Lọ negative control, dung dịch đệm. Có xuất xứ từ các nước G7 hoặc EU hoặc OECD.	
516	PP26 0008 2227	HIV 1/2 test nhanh (sinh phẩm thứ 1)	Test	Phát hiện kháng thể kháng với HIV-1 và HIV-2 trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. Độ nhạy 100%, độ đặc hiệu $\geq 99,75\%$. Được ban hành trong khuyến cáo phương cách xét nghiệm chẩn đoán HIV quốc gia năm 2020 của Viện vệ sinh dịch tễ trung ương. Hàm lượng chứa tối thiểu: Anti- HIV-1 Antibody, Anti-HIV-2 Antibody, HIV-1 Group O (pGO9-CKS/XL-1), Antigen hiv-2 (PjC100), HIV-1 (pOM10/PV361) Antigen, HIV-1 (pTB319/XL-1) Antigen, HIV-2 (peptide) Antigen,	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
				HIV-1/2 Peptide- BSA. Có xuất xứ từ các nước G7 hoặc EU hoặc OECD.	
517	PP26 0008 2228	HIV 1/2 test nhanh (sinh phẩm thứ 2)	Test	Sử dụng 3 protein tái tổ hợp đặc hiệu của HIV: p24 và gp41 với HIV 1; gp36 với HIV 2. Độ nhạy 100% (HIV-1), $\geq$ 96,5% (HIV-2), độ đặc hiệu 100%. Kết quả không bị ảnh hưởng bởi các chất: Triglycerid, Albumin, Bilirubin, Hemoglobin. Thành phần gồm card và assay diluent dropper: HIV 1/2 antigen, gold conjugate; Recombinant HIV 1 antigen; Recombinant HIV 2 antigen; Goat anti-HIV Ag antibody. Có xuất xứ từ các nước G7 hoặc EU hoặc OECD.	
518	PP26 0008 2229	HIV 1/2 test nhanh (sinh phẩm thứ 3)	Test	Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA), phân biệt virus HIV-1 bao gồm type phụ O và HIV-2 bằng sự hình thành 3 vạch rõ ràng trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99,8% so với ELISA. Không có phản ứng chéo với các mẫu thử tách máu, mẫu rối loạn đông máu, mẫu dương tính với kháng thể kháng HCV và mẫu máu phụ nữ mang thai. Trên 1 test bao gồm tối thiểu các thành phần sau: Phức hợp vàng: Kháng nguyên gp41, p24, gp36 tái tổ hợp – chất keo vàng; Vạch thử 1: Kháng nguyên HIV -1 tái tổ hợp (gp41, p24), Vạch thử 2: Kháng nguyên HIV -2 tái tổ hợp (gp36); Vạch chứng:	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
				Huyết thanh dê có kháng thể HIV (nồng độ trong khoảng 0,6-0,9 µg). Có xuất xứ từ các nước G7 hoặc EU hoặc OECD.	
519	PP26 0008 2230	Test thử nhanh phát hiện sốt xuất huyết	Test	Dạng que hoặc thẻ hoặc card hoặc khay (cassette).Phát hiện và phân biệt kháng thể IgG và IgM kháng virus Dengue. So với phương pháp ELISA: Độ nhạy ≥ 94%, độ đặc hiệu ≥ 96%. Thành phần 1 test thử gồm tối thiểu: + Vàng phức hợp: Keo vàng Ab (kháng thể) kháng Dengue đơn dòng chuột, keo vàng Ab chuột; + Có 2 vạch thử: trong đó 1 vạch chứa IgG kháng người đơn dòng chuột, vạch còn lại chứa IgM kháng người đơn dòng chuột; + Vạch chứng: IgG dê kháng chuột (nồng độ trong khoảng 0,4 - 0,8 µg). Các mẫu bệnh phẩm huyết tán, nhiễm mỡ, mật, có chứa các yếu tố dạng thấp không gây nhiễu kết quả. Có xuất xứ từ các nước G7 hoặc EU hoặc OECD.	
520	PP26 0008 2231	Test nhanh thử kháng nguyên NS1 sốt xuất huyết	Test	Thành phần trong 1 test thử gồm tối thiểu: + Phức hợp vàng: Keo vàng - pool NS1 kháng dengue đơn dòng chuột, Keo vàng - IgY gà; + Vạch thử: Hỗn hợp kháng thể đơn dòng chuột kháng Dengue NS1 Ab; + Vạch chứng: Kháng thể đơn dòng chuột kháng gà IgY (nồng độ trong khoảng 0,4 - 0,9 µg). So với RT-PCR: Độ nhạy ≥ 92% và độ đặc hiệu ≥ 98%. Các mẫu bệnh phẩm huyết tán, nhiễm mỡ, mật, có chứa các yếu tố dạng thấp không	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
				gây nhiễu kết quả. Không phản ứng chéo với P. falciparum, P. vivax. Có xuất xứ từ các nước G7 hoặc EU hoặc OECD.	
521	PP26 0008 2232	Test nhanh phát hiện kháng nguyên vi rút cúm A, B	Test	So với phương pháp nuôi cấy vi rút và RT-PCR: Độ nhạy $\geq 91\%$; Độ đặc hiệu: $\geq 98\%$. Thành phần trong 1 thanh thử gồm tối thiểu: + Cộng hợp vàng A (thành phần chính): Kháng thể đơn dòng chuột kháng cúm A - keo vàng, Cộng hợp vàng B (thành phần chính): Kháng thể đơn dòng chuột kháng cúm B - keo vàng; + Vạch thử "A" (thành phần chính): kháng thể đơn dòng chuột kháng cúm A; + Vạch thử "B" (thành phần chính): kháng thể đơn dòng chuột kháng cúm B; + Vạch chứng (thành phần chính): kháng thể dê kháng chuột. Kèm que kiểm chuẩn cúm A, cúm B và âm tính. - Không bị nhiễu bởi các chất: lipid huyết, tán huyết, vàng da. Có xuất xứ từ các nước G7 hoặc EU hoặc OECD.	
522	PP26 0008 2233	Test nhanh phát hiện kháng thể kháng H.Pylori	Test	Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA...) kháng H.Pylori trong mẫu huyết thanh, huyết tương. Không phản ứng chéo với Hepatitis A, B, HIV và Syphilis. Thông số kỹ thuật bộ kit được so sánh với ELISA: + Độ nhạy: $\geq 96,5\%$ + Độ đặc hiệu 100%. Có xuất xứ từ các nước G7 hoặc EU hoặc OECD.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
523	PP26 0008 2234	Test nhanh thử kháng nguyên sốt rét	Test	Độ nhạy: $\geq 99,5\%$ (P.f), $\geq 95,5\%$ (P.v); Độ đặc hiệu: $\geq 99,5\%$. Thành phần: Phức hợp vàng: Chất keo vàng kháng thể đơn dòng đặc hiệu P.f HRP2 từ chuột, chất keo vàng kháng thể đơn dòng đặc hiệu pLDH của Plasmodium vivax từ chuột, Vạch thử P.f: Kháng thể đơn dòng đặc hiệu P.f HRP2 từ chuột, Vạch thử P.v: Kháng thể đơn dòng đặc hiệu pLDH của Plasmodium vivax từ chuột, Vạch chứng: Kháng thể IgG dê kháng chuột (nồng độ trong khoảng 0,8-1,2 μg). Có xuất xứ từ các nước G7 hoặc EU hoặc OECD.	
524	PP26 0008 2235	Test nhanh phát hiện kháng nguyên H.Pylori	Test	Giới hạn phát hiện $\leq 2,5\text{ng/mL}$ hoặc $\leq 1 \times 10^7$ CFU/ml. Có xuất xứ từ các nước G7 hoặc EU hoặc OECD.	
525	PP26 0008 2236	Test nhanh xác định men CARBAPENEM ASE ở vi khuẩn kháng thuốc	Test	Dùng để xác định OXA-48, KPC, NDM, VIM và IMP. Độ nhạy $\geq 98\%$. Độ đặc hiệu 100%. Có xuất xứ từ các nước G7 hoặc EU hoặc OECD.	
526	PP26 0008 2237	Xét nghiệm nhanh Galactomannan	Test	Xét nghiệm sắc ký miễn dịch để phát hiện định tính Aspergillus galactomannan LFA trong các mẫu huyết thanh và dịch rửa phế quản phế nang (BAL). Có xuất xứ từ các nước G7 hoặc EU hoặc OECD.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
527	PP26 0008 2238	Bộ Xét nghiệm Tổng phân tích tế bào máu, hồng cầu lưới và đếm tế bào dịch trên máy tự động			- Cung cấp hệ thống tổng phân tích tế bào máu tự động có khả năng đếm hồng cầu lưới, đếm tế bào dịch có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Bao gồm: hệ thống phân phối mẫu tự động, nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện khay chứa mẫu. - Phương pháp đo dòng chảy tế bào huỳnh quang kết hợp phương pháp điện trở kháng dòng chảy tập trung, phương pháp phân tích Hemoglobin không cyanide. - Công suất tối thiểu một máy phân tích tự động: ≥ 200 xét nghiệm/giờ. - Có thể tích hợp nhiều máy phân tích thành 1 hệ thống lớn hoặc cung cấp nhiều máy để nâng công suất; - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu; - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm. - Yêu cầu phân tích được 5 thành phần bạch cầu riêng biệt về số lượng và tỷ lệ %.
527.1		Dung dịch pha loãng dùng cho máy huyết học	Thùng	Thành phần: Sodium chloride; Tris buffer, EDTA-2K. Quy cách: Thùng 20L	
527.2		Dung dịch ly giải dùng đếm các bạch cầu trung tính, lympho, mono và ưa axit	Thùng	Organic quaternary ammonium salts $\leq 0,07\%$; Nonionic surfactant Quy cách: Thùng 5L	
527.3		Dung dịch ly giải dùng đếm bạch cầu ưa bazơ	Thùng	Organic quaternary ammonium salts $\geq 0,2\%$; Nonionic surfactant Quy cách: Thùng 5L	
527.4		Dung dịch đo hemoglobin	Hộp	Thành phần: Sodium lauryl sulfate Quy cách: Hộp/500mL x 3	
527.5		Dung dịch nhuộm dùng đếm bạch cầu ưa bazơ	Hộp	Thành phần: Polymethine; Ethylene Glycol Quy cách: Hộp/82mL x 2	
527.6		Dung dịch nhuộm dùng đếm các bạch cầu trung tính, lympho, mono và ưa axit	Hộp	Thành phần: Polymethine; methanol; Ethylene Glycol Quy cách: Hộp/42mL x 2	
527.7		Dung dịch kiểm rửa máy huyết học	Hộp	Thành phần: Sodium Hypochloride Quy cách: Hộp/4mL x 20	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
527.8		Chất chuẩn huyết học	Hộp	Chất hiệu chuẩn cho các thông số WBC, RBC, HGB, HCT, PLT, RET Thành phần tối thiểu bao gồm tế bào hồng cầu người đã ổn định, bạch cầu ở người, tiểu cầu, hồng cầu nhân được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản Quy cách: Hộp/1 x 3mL	
527.9		Chất chứng huyết học mức 1	Lọ	Thành phần: bao gồm tế bào hồng cầu và bạch cầu ở người, tiểu cầu và hồng cầu nhân. Quy cách: Lọ 3mL	
527.10		Chất chứng huyết học mức 2	Lọ	Thành phần: bao gồm tế bào hồng cầu và bạch cầu ở người, tiểu cầu và hồng cầu nhân. Quy cách: Lọ 3mL	
527.11		Chất chứng huyết học mức 3	Lọ	Thành phần: bao gồm tế bào hồng cầu và bạch cầu ở người, tiểu cầu và hồng cầu nhân. Quy cách: Lọ 3mL	
528	PP26 0008 2239	Bộ hóa chất xét nghiệm tổng phân tích tế bào máu và hồng cầu lưới bằng máy tự động			
528.1		Hóa chất pha loãng mẫu cho xét nghiệm đếm hồng cầu, tiểu cầu	Thùng	Thành phần chứa tối thiểu: Sodium Phosphate Dibasic < 0,3%, Potassium Phosphate, Monobasic < 0,05%, EDTA, di-sodium salt < 0,03%, Sodium Chloride < 0,9%, Potassium Chloride < 0,05%, n-dodecyl-β-d-maltoside < 0,002%, ProClin 300 < 0,07%, ProClin 950 < 0,09%. Quy cách: Thùng 9,6L	- Cung cấp hệ thống tổng phân tích tế bào máu tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU; - Bao gồm: hệ thống phân phối mẫu tự động, nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện khay chứa mẫu; - Kết hợp các phương pháp: dòng chảy tập trung, đếm quang học, laser tán xạ quang học đa góc; - Công suất tối thiểu một máy phân tích tự động: ≥ 200 xét nghiệm/giờ; - Có thể tích hợp nhiều máy phân tích thành 1 hệ thống lớn hoặc cung cấp nhiều máy để nâng công suất; - Kết nối LIS; - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu;

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
528.2		Dung dịch ly giải hồng cầu, dùng cho xét nghiệm đo nồng độ Hemoglobin trong máu toàn phần	Hộp	Thành phần chứa tối thiểu: Imidazole <2,8%, Sodium Hydroxide <0,5%, Hoạt chất bề mặt < 1% Quy cách: Hộp/Thùng/4 x 975mL	- Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm; - Yêu cầu phân tích được 5 thành phần bạch cầu riêng biệt về số lượng và tỷ lệ %.
528.3		Hóa chất pha loãng máu cho đếm số lượng bạch cầu trong tổng phân tích tế bào máu	Hộp	Thành phần chứa tối thiểu: Potassium Bicarbonate <0,3%, Ammonium Chloride <0,3%, Formaldehyde <0,09%, Sodium Acetate <0,2%. Chất bảo quản <0,07%, Saponin <0,02%, Nuclear Stain <0,0004% Quy cách: Hộp/Thùng/4 x 975mL	
528.4		Hóa chất chứng cho thực hiện QC huyết học	Hộp	Gồm 3 mức nồng độ, chứa tối thiểu các thành phần sau: tế bào hồng cầu người hoặc tế bào hồng cầu của động vật có vú đã ổn định, tế bào bạch cầu người, động vật có vú hoặc mô phỏng và tiểu cầu trong môi trường có chất bảo quản. Quy cách: Hộp/12 x 3mL	
528.5		Dung dịch rửa máy huyết học tự động	Thùng	Thành phần chứa tối thiểu: Sodium hypochlorite $\leq$ 6,3%, Sodium hydroxide < 0,06-0,60%. Quy cách: Thùng/4 x 1000mL	
528.6		Mẫu hiệu chuẩn xét nghiệm tổng phân tích tế bào máu	Hộp	Mẫu chuẩn hiệu chuẩn các thông số WBC, RBC, HGB, MCV, PLT, và MPV. Thành phần: tế bào hồng cầu người hoặc tế bào hồng cầu của động vật có vú đã ổn định, tế bào bạch cầu người, động vật có vú hoặc dạng mô phỏng và tiểu cầu trong môi trường có chất bảo quản. Quy cách: Hộp/2 x 3mL	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
529	PP26 0008 2240	Bộ hóa chất, vật tư xét nghiệm tổng phân tích tế bào máu và hồng cầu lưới trên máy tự động			- Cung cấp hệ thống tổng phân tích tế bào máu tự động tích hợp phân tích hồng cầu lưới có xuất xứ các nước G7 hoặc EU; - Bao gồm: hệ thống phân phối mẫu tự động, nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện khay chứa mẫu; - Công suất tối thiểu một máy phân tích tự động: ≥ 200 xét nghiệm/giờ; - Có thể tích hợp nhiều hệ thống phân tích thành 1 hệ thống lớn; - Kết nối LIS; - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu; - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra/so sánh liên phòng và phí phân tích chương trình ngoại kiểm; - Kết hợp các phương pháp: phân tích trở kháng, phân tích laser kết hợp huỳnh quang và tán xạ ánh sáng; - Yêu cầu phân tích được 5 thành phần bạch cầu riêng biệt về số lượng và tỷ lệ %.
529.1		Dung dịch pha loãng	Thùng	Thành phần tối thiểu: Imidazole, không chứa cyanide. Quy cách: Thùng 10 Lít	
529.2		Dung dịch ly giải	Hộp	Thành phần tối thiểu: Quaternary Ammonium Salts, Sodium Sulfite. Quy cách: Hộp/5L	
529.3		Hóa chất dùng để chuẩn bị mẫu (ly giải hồng cầu và bảo vệ bạch cầu)	Hộp	Thành phần gồm tối thiểu hóa chất ly giải hồng cầu và hóa chất ổn định bạch cầu, tối thiểu chứa: Formic Acid; Natri Carbonate. Quy cách: Hộp/1900mL + 850mL	
529.4		Dung dịch rửa	Hộp	Thành phần: Dung dịch chứa enzym phân giải protein Quy cách: Hộp/10L	
529.5		Chất kiểm chuẩn	Hộp	Thành phần: gồm hồng cầu được ổn định trong môi trường đẳng trương, thành phần giống tiểu cầu và hồng cầu cố định mô phỏng bạch cầu và hồng cầu có nhân. Quy cách: Hộp/12 x 3,5 mL (4x3,5mL Level I + 4x3,5mL Level II + 4x3,5mL Level III)	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
530	PP26 0008 2241	Dung dịch nhuộm để đo hồng cầu lưới	Hộp	Được sử dụng để đánh dấu hồng cầu lưới. Thành phần: Polymethine; methanol; Ethylene Glycol Quy cách: Hộp/12mL x 2	- Cung cấp hệ thống tổng phân tích tế bào máu tự động có khả năng đếm hồng cầu lưới, đếm tế bào dịch có xuất xứ các nước G7 hoặc EU; - Bao gồm: hệ thống phân phối mẫu tự động, nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện khay chứa mẫu; - Phương pháp đo dòng chảy tế bào huỳnh quang kết hợp phương pháp điện trở kháng dòng chảy tập trung, phương pháp phân tích Hemoglobin không cyanide;- Công suất tối thiểu một máy phân tích tự động: ≥ 200 xét nghiệm/giờ; - Có thể tích hợp nhiều máy phân tích thành 1 hệ thống lớn hoặc cung cấp nhiều máy để nâng công suất; - Kết nối LIS; - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu; - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm; - Yêu cầu phân tích được 5 thành phần bạch cầu riêng biệt về số lượng và tỷ lệ %.
531	PP26 0008 2242	Dung dịch pha loãng để đo hồng cầu lưới	Hộp	Thành phần: Tricine buffer $\leq 0,17\%$ Quy cách: Hộp/1L x 1	- Cung cấp hệ thống tổng phân tích tế bào máu tự động có khả năng đếm hồng cầu lưới, đếm tế bào dịch có xuất xứ các nước G7 hoặc EU; - Bao gồm: hệ thống phân phối mẫu tự động, nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện khay chứa mẫu; - Phương pháp đo dòng chảy tế bào huỳnh quang kết hợp phương pháp điện trở kháng dòng chảy tập trung, phương pháp phân tích Hemoglobin không cyanide;- Công suất tối thiểu một máy phân tích tự động: ≥ 200 xét nghiệm/giờ; - Có thể tích hợp nhiều máy phân tích thành 1 hệ thống lớn hoặc cung cấp nhiều máy để nâng công suất; - Kết nối LIS;

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
					- Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu; - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm; - Yêu cầu phân tích được 5 thành phần bạch cầu riêng biệt về số lượng và tỷ lệ %.
532	PP26 0008 2243	Hóa chất xét nghiệm hồng cầu lưới	Hộp	Thành phần chứa tối thiểu: Imidazole <0,4%, Sodium chloride <0,7%, Nuclear. Stain <0,00005%, Chất bề mặt <0,006%, Chất bảo quản <0,04%. Quy cách: Hộp/Thùng/4 x 370mL	- Cung cấp hệ thống tổng phân tích tế bào máu tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU; - Bao gồm: hệ thống phân phối mẫu tự động, nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện khay chứa mẫu; - Kết hợp các phương pháp: dòng chảy tập trung, đếm quang học, laser tán xạ quang học đa góc; - Công suất tối thiểu một máy phân tích tự động: ≥ 200 xét nghiệm/giờ; - Có thể tích hợp nhiều máy phân tích thành 1 hệ thống lớn hoặc cung cấp nhiều máy để nâng công suất; - Kết nối LIS; - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu; - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm; - Yêu cầu phân tích được 5 thành phần bạch cầu riêng biệt về số lượng và tỷ lệ %.
533	PP26 0008 2244	Dung dịch nhuộm hồng cầu lưới	Hộp	Thành phần tối thiểu gồm 2 thuốc thử: Thuốc thử A: thuốc nhuộm Retic; Thuốc thử B: Retic clear. Quy cách: Hộp/1900mL + 380mL	- Cung cấp hệ thống tổng phân tích tế bào máu tự động tích hợp phân tích hồng cầu lưới có xuất xứ các nước G7 hoặc EU; - Bao gồm: hệ thống phân phối mẫu tự động, nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện khay chứa mẫu; - Công suất tối thiểu một máy phân tích tự động: ≥ 200 xét nghiệm/giờ; - Có thể tích hợp nhiều hệ thống phân tích thành 1 hệ thống lớn;

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
					- Kết nối LIS; - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu; - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra/so sánh liên phòng và phí phân tích chương trình ngoại kiểm; - Kết hợp các phương pháp: phân tích trở kháng, phân tích laser kết hợp huỳnh quang và tán xạ ánh sáng; - Yêu cầu phân tích được 5 thành phần bạch cầu riêng biệt về số lượng và tỷ lệ %.
534	PP26 0008 2245	Chất kiểm chuẩn dùng cho xét nghiệm hồng cầu lưới	Hộp	Thành phần: gồm hồng cầu được ổn định trong môi trường đẳng trương, các thành phần giống hồng cầu lưới đã được ổn định. Quy cách: Hộp/12 x 3,5 mL (4x3,5mL Level I + 4x3,5mL Level II + 4x3,5mL Level III)	- Cung cấp hệ thống tổng phân tích tế bào máu tự động tích hợp phân tích hồng cầu lưới có xuất xứ các nước G7 hoặc EU; - Bao gồm: hệ thống phân phối mẫu tự động, nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện khay chứa mẫu; - Công suất tối thiểu một máy phân tích tự động: ≥ 200 xét nghiệm/giờ; - Có thể tích hợp nhiều hệ thống phân tích thành 1 hệ thống lớn; - Kết nối LIS; - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu; - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra/so sánh liên phòng và phí phân tích chương trình ngoại kiểm; - Kết hợp các phương pháp: phân tích trở kháng, phân tích laser kết hợp huỳnh quang và tán xạ ánh sáng; - Yêu cầu phân tích được 5 thành phần bạch cầu riêng biệt về số lượng và tỷ lệ %.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
535	PP26 0008 2246	Chất chứng dành cho dịch cơ thể mức 1	Hộp	Thành phần: Hồng cầu ở người và bạch cầu trong môi trường có chất bảo quản. Vật liệu kiểm soát sử dụng được cho các tế bào có nhân, hồng cầu, bạch cầu và xét nghiệm dịch cơ thể. Quy cách: Hộp/1 x 3mL	- Cung cấp hệ thống tổng phân tích tế bào máu tự động có khả năng đếm hồng cầu lưới, đếm tế bào dịch có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Bao gồm: hệ thống phân phối mẫu tự động, nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện khay chứa mẫu; - Phương pháp đo dòng chảy tế bào huỳnh quang kết hợp phương pháp điện trở kháng dòng chảy tập trung, phương pháp phân tích Hemoglobin không cyanide; - Công suất tối thiểu một máy phân tích tự động: ≥ 200 xét nghiệm/giờ; - Có thể tích hợp nhiều máy phân tích thành 1 hệ thống lớn hoặc cung cấp nhiều máy để nâng công suất; - Kết nối LIS; - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu; - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm; - Yêu cầu phân tích được 5 thành phần bạch cầu riêng biệt về số lượng và tỷ lệ %.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
536	PP26 0008 2247	Chất chứng dành cho dịch cơ thể mức 2	Hộp	Thành phần: Hồng cầu ở người và bạch cầu trong môi trường có chất bảo quản. Vật liệu kiểm soát sử dụng được cho các tế bào có nhân, hồng cầu, bạch cầu và xét nghiệm dịch cơ thể. Quy cách: Hộp/1 x 3mL	- Cung cấp hệ thống tổng phân tích tế bào máu tự động có khả năng đếm hồng cầu lưới, đếm tế bào dịch có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Bao gồm: hệ thống phân phối mẫu tự động, nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện khay chứa mẫu; - Phương pháp đo dòng chảy tế bào huỳnh quang kết hợp phương pháp điện trở kháng dòng chảy tập trung, phương pháp phân tích Hemoglobin không cyanide; - Công suất tối thiểu một máy phân tích tự động: ≥ 200 xét nghiệm/giờ; - Có thể tích hợp nhiều máy phân tích thành 1 hệ thống lớn hoặc cung cấp nhiều máy để nâng công suất; - Kết nối LIS; - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu; - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm; - Yêu cầu phân tích được 5 thành phần bạch cầu riêng biệt về số lượng và tỷ lệ %.
537	PP26 0008 2248	Bộ hóa chất, vật tư xét nghiệm định nhóm máu trên máy tự động			- Cung cấp hệ thống định nhóm máu, xét nghiệm Coombs trực tiếp, gián tiếp, xét nghiệm phản ứng hòa hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Kỹ thuật Gelcard, sử dụng card hoặc giếng phản ứng có sẵn gel.
537.1		Gelcard định nhóm máu ABO/Rh bằng hai phương pháp huyết thanh mẫu và hồng cầu mẫu	Card	Gelcard có tối thiểu 8 giếng, trong đó: Giếng 1: Anti A (IgM và IgG); Giếng 2: Anti B (IgM); Giếng 3: Anti AB (IgM); Giếng 4: Anti-D (IgM); Giếng 5: Anti-D' (IgM và IgG). Anti-D có khả năng phát hiện D yếu và D từng phần; Giếng 6: Control (dung dịch đệm không có kháng thể); Giếng 7, 8: dung dịch đệm không có kháng thể.	- Công suất tối thiểu một máy phân tích tự động: ≥ 50 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
537.2		Gelcard định nhóm máu ABO/Rh bằng phương pháp huyết thanh mẫu	Card	Thành phần tối thiểu chứa: Giếng Anti A (IgM); Giếng Anti B (IgM); Giếng Anti-D (IgM); Giếng Control.	
537.3		Gelcard thử nghiệm trong môi trường nước muối hoặc enzyme	Card	Thành phần: tối thiểu chứa vi hạt trong môi trường đệm, chất bảo quản.	
537.4		Dung dịch pha loãng hồng cầu	Hộp	Thành phần tối thiểu: Glycine, glucose. Quy cách: Hộp/2 x 100mL	
537.5		Dung dịch rửa bên trong kim	Hộp	Thành phần: tối thiểu chứa dung dịch muối đậm đặc, chất bảo quản. Quy cách: Hộp/12 x 125mL	
537.6		Dung dịch rửa bên ngoài kim	Hộp	Thành phần: tối thiểu gồm dung dịch đậm đặc chứa chất hoạt động bề mặt, chất bảo quản. Quy cách: Hộp/12 x 125mL	
537.7		Bộ hồng cầu mẫu A1 và B	Hộp	Thành phần: tối thiểu chứa 0,8% hồng cầu người nhóm máu A1 và B, chất bảo quản, cloramphenicol. Quy cách: Hộp/2 x 10mL	
537.8		Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm định nhóm máu	Hộp	Thành phần: tối thiểu chứa hồng cầu người trong dung dịch đệm đẳng trương, chất bảo quản, cloramphenicol, kháng thể. Quy cách: Hộp/4 x 6mL	
537.9		Gelcard Xét nghiệm Coombs trực tiếp và gián tiếp	Card	Thành phần: tối thiểu chứa gel trong môi trường AHG chứa kháng thể đa dòng.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
537.10		Bộ hồng cầu mẫu sàng lọc kháng thể bất thường	mL	Thành phần: tối thiểu chứa hỗn dịch tế bào hồng cầu người nhóm máu O nồng độ $\leq 0,8\%$.	
538	PP26 0008 2249	Bộ hồng cầu mẫu sàng lọc kháng thể bất thường	mL	Bộ hồng cầu mẫu sàng lọc kháng thể bất thường	- Cung cấp hệ thống định nhóm máu, xét nghiệm Coombs trực tiếp, gián tiếp, xét nghiệm phản ứng hòa hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất tối thiểu một máy phân tích tự động: ≥ 50 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
539	PP26 0008 2250	Bộ hóa chất, vật tư đi kèm xét nghiệm định nhóm máu, xét nghiệm Coombs trực tiếp, Coombs gián tiếp, phản ứng hòa hợp miễn dịch trên máy tự động			- Cung cấp hệ thống định nhóm máu, xét nghiệm Coombs trực tiếp, gián tiếp, xét nghiệm phản ứng hòa hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Kỹ thuật Gelcard, sử dụng card hoặc giếng phản ứng có sẵn gel. - Công suất tối thiểu một máy phân tích tự động: ≥ 50 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
539.1		Ống pha loãng hồng cầu	Cái	Cóng đựng mẫu 1,4 ml	
539.2		Gelcard 6 cột môi trường nước muối	Card	Mỗi thẻ gel (card) gồm 6 cột chứa gel dùng để xác định kháng nguyên nhóm máu trên hồng cầu	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
539.3		Hóa chất nội kiểm nhóm máu	Hộp	Thành phần : Máu toàn phần từ người. Mẫu nội kiểm định nhóm máu, Coombs. Mẫu 1: Nhóm máu A2B RhD+ với huyết thanh AB, Coombs DAT âm tính, Coombs IAT âm tính. Mẫu 2: Nhóm máu O RhD- với huyết thanh anti-A, anti-B, anti-D, Coombs DAT âm tính, Coombs IAT dương tính.	
539.4		Gelcard 6 cột môi trường (IgG/C3d/IgM)	Card	Mỗi thẻ gel (card) gồm 6 cột gel chứa hoạt chất gồm kháng thể kháng IgG, kháng thể kháng IgM, kháng thể kháng C3d.	
540	PP26 0008 2251	Bộ hóa chất, vật tư xét nghiệm định nhóm máu, phản ứng hòa hợp miễn dịch trên máy tự động			- Cung cấp hệ thống định nhóm máu, xét nghiệm Coombs trực tiếp, gián tiếp, xét nghiệm phản ứng hòa hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất tối thiểu một máy phân tích tự động: ≥ 50 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS
540.1		Thẻ xét nghiệm định nhóm máu hệ ABO, Rh (D)	test	Card 6 giếng sử dụng công nghệ ngưng kết cột dùng để xét nghiệm định tính để xác định các kháng nguyên nhóm máu ABO và D (Rh1), thành phần: + Cột 1: Thuốc thử nhóm máu Anti-A (Anti-ABO1). Độ nhạy: 99,9%, độ đặc hiệu: 100%. + Cột 2: Thuốc thử nhóm máu Anti-B (Anti-ABO2). Độ nhạy: 99,7%, độ đặc hiệu: 100%. + Cột 3: Thuốc thử nhóm máu Anti-D (Anti-RH1). Độ nhạy: 100%, độ đặc hiệu: 99,5%. + Cột 4: Tự chứng. + Cột 5 và 6: Chất pha loãng ngược.	- Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
540.2		Khay giếng pha loãng	Khay	Khay bao gồm các giếng pha loãng mẫu. Sử dụng trên máy định danh nhóm máu tự động hoàn toàn.	
540.3		Hồng cầu mẫu	mL	Thành phần tối thiểu chứa dịch treo tế bào hồng cầu A1 và B (3%) của người cho có nhóm Rh âm tính (D-, C-, E-) trong dung dịch pha loãng đệm phosphate-citrate, được bổ sung purine, steroid và nucleoside để duy trì hoạt động và/hoặc làm chậm sự tán huyết trong thời gian sử dụng. Chloramphenicol, neomycin và gentamicin sulfate.	
540.4		Dung dịch bảo dưỡng	mL	Thành phần tối thiểu gồm huyết thanh bò, muối vô cơ, và các chất bảo quản.	
540.5		Nước muối sinh lý 0,5%	mL	Nước muối sinh lý NaCl có nồng độ trong phạm vi từ 0,5% đến 0,9%, dùng để pha loãng hồng cầu. Có thể sử dụng trên hệ thống máy định nhóm máu tự động hoàn toàn (hoặc tương đương).	
541	PP26 0008 2252	Hóa chất kiểm soát xét nghiệm định nhóm máu xuôi	Hộp	Vật liệu kiểm soát để đảm bảo độ tin cậy của thuốc thử huyết thanh học ngân hàng máu cơ bản và các hệ thống định nhóm máu tự động/thủ công sử dụng kỹ thuật ngưng kết cột. Bộ Kit Control bao gồm có 4 ống: + Ống 1: Nhóm A1 B D+C+E+c+e+ (R1R2); + Ống 2: Nhóm O D+C+E-c-e+ (R1R1) K+, anti-A, anti-B, anti-C; + Ống 3: Nhóm A D+C-E+c+e- (R2R2) Fy(a-), anti-B, anti-Fya;	

- Cung cấp hệ thống định nhóm máu, xét nghiệm Coombs trực tiếp, gián tiếp, xét nghiệm phản ứng hòa hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU.
- Công suất tối thiểu một máy phân tích tự động: ≥ 50 xét nghiệm/giờ.
- Kết nối LIS
- Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu.
- Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
				+ Ống 4: Nhóm B D-C-E-c+e+ (rr) K-, anti-A, anti-D. Quy cách: Hộp/6 x 180test	
542	PP26 0008 2253	Bộ hóa chất xét nghiệm Coombs trực tiếp trên máy tự động			- Cung cấp hệ thống định nhóm máu, xét nghiệm Coombs trực tiếp, gián tiếp, xét nghiệm phản ứng hòa hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất tối thiểu một máy phân tích tự động: ≥ 50 xét nghiệm/giờ.
542.1		Thẻ xét nghiệm định tính AHG	Card	Card 6 giếng sử dụng công nghệ ngưng kết cột dùng để xác định sự hiện diện hay vắng mặt của globulin miễn dịch và/hoặc bổ thể trên các tế bào hồng cầu người. Thuốc thử này thích hợp cho xét nghiệm antiglobulin trực tiếp và gián tiếp. Thành phần: Anti-Human Globulin, Anti-IgG, -C3d; polyspecific	- Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
542.2		Khay giếng pha loãng	Khay	Khay bao gồm các giếng pha loãng mẫu. Sử dụng trên máy định danh nhóm máu tự động hoàn toàn.	
542.3		Dung dịch bảo dưỡng	mL	Thành phần tối thiểu gồm huyết thanh bò, muối vô cơ, và các chất bảo quản.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
542.4		Nước muối sinh lý 0,5%	mL	Nước muối sinh lý NaCl có nồng độ trong phạm vi từ 0,5% đến 0,9% dùng để pha loãng hồng cầu. Có thể sử dụng trên hệ thống máy định nhóm máu tự động hoàn toàn (hoặc tương đương).	
543	PP26 0008 2254	Bộ hóa chất xét nghiệm Coombs gián tiếp trên máy tự động			- Cung cấp hệ thống định nhóm máu, xét nghiệm Coombs trực tiếp, gián tiếp, xét nghiệm phản ứng hòa hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất tối thiểu một máy phân tích tự động: ≥ 50 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
543.1		Thẻ xét nghiệm định tính AHG	Card	Card 6 giếng sử dụng công nghệ ngưng kết cột sẽ phát hiện các tế bào mẫn cảm với kháng thể IgG và sẽ không phản ứng với các tế bào mẫn cảm với bổ thể. Anti-IgG thích hợp cho xét nghiệm antiglobulin trực tiếp và gián tiếp. Thành phần: Globulin kháng người, Anti-IgG (Thỏ).	
543.2		Dung dịch tăng cường phản ứng	mL	Dung dịch đệm phosphat có nồng độ ion thấp (LISS) có chứa $\geq 0,03M$ natri clorua.	
543.3		Thuốc thử xét nghiệm định tính phát hiện kháng thể nhóm máu bất thường	mL	Hồng cầu để phát hiện hoặc định danh kháng thể nhóm máu bất thường. Thành phần chứa dịch treo tế bào hồng cầu nhóm O 0,8% của người trong dung dịch cường độ ion thấp.	
543.4		Dung dịch bảo dưỡng	mL	Thành phần tối thiểu gồm huyết thanh bò, muối vô cơ, và các chất bảo quản.	
543.5		Nước muối sinh lý 0,5%	mL	Nước muối sinh lý NaCl có nồng độ trong phạm vi từ 0,5% đến 0,9% dùng để pha loãng hồng cầu. Có thể sử dụng trên hệ thống máy định nhóm máu tự động hoàn toàn (hoặc tương đương).	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
544	PP26 0008 2255	Bộ hóa chất xét nghiệm phản ứng hòa hợp trên máy tự động			- Cung cấp hệ thống định nhóm máu, xét nghiệm Coombs trực tiếp, gián tiếp, xét nghiệm phản ứng hòa hợp tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Công suất tối thiểu một máy phân tích tự động: ≥ 50 xét nghiệm/giờ. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
544.1		Thẻ xét nghiệm định tính AHG	Card	Card 6 giếng sử dụng công nghệ ngưng kết cột sẽ phát hiện các tế bào miễn cảm với kháng thể IgG và sẽ không phản ứng với các tế bào miễn cảm với bổ thể. Anti-IgG thích hợp cho xét nghiệm antiglobulin trực tiếp và gián tiếp. Thành phần: Globulin kháng người, Anti-IgG (Thỏ).	
544.2		Thẻ xét nghiệm nhóm máu hệ ABO, kháng thể bất thường và phản ứng hòa hợp miễn dịch	Card	Card 6 giếng sử dụng công nghệ ngưng kết cột dùng để xác định kháng thể nhóm máu ABO dự kiến và xét nghiệm sàng lọc kháng thể và hòa hợp theo quy trình ngưng kết trực tiếp, thành phần: Reverse Diluent (Chất tăng cường phản ứng được tối ưu hóa để sử dụng trong xét nghiệm định nhóm máu ngược). * Độ nhạy: A1 cells: 99,8%; A2 cells: 99,7%; B cells: 99,9%. * Độ đặc hiệu: A1 cells: 99,6%; A2 cells: 99,1%; B cells: 99,2%; O cells: 99,6%.	
544.3		Dung dịch tăng cường phản ứng	mL	Dung dịch đệm phosphat có nồng độ ion thấp (LISS) có chứa $\geq 0,03M$ natri clorua	
544.4		Khay giếng pha loãng	Khay	Khay bao gồm các giếng pha loãng mẫu. Sử dụng trên máy định danh nhóm máu tự động hoàn toàn.	
544.5		Dung dịch bảo dưỡng	mL	Thành phần tối thiểu gồm huyết thanh bò, muối vô cơ, và các chất bảo quản.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
544.6		Nước muối sinh lý 0,5%	mL	Nước muối sinh lý NaCl có nồng độ trong phạm vi từ 0,5% đến 0,9% dùng để pha loãng hồng cầu. Có thể sử dụng trên hệ thống máy định nhóm máu tự động hoàn toàn (hoặc tương đương).	
545	PP26 0008 2256	Huyết thanh mẫu A	mL	Anti-A kháng thể đơn dòng. Độ đặc hiệu 100%.	
546	PP26 0008 2257	Huyết thanh mẫu B	mL	Anti-B kháng thể đơn dòng. Độ đặc hiệu 100%.	
547	PP26 0008 2258	Huyết thanh mẫu D	mL	Anti-D kháng thể đơn dòng. Độ đặc hiệu 100%.	
548	PP26 0008 2259	Anti human globulin (AHG)	mL	Kháng thể đơn dòng. Độ đặc hiệu 100%.	
549	PP26 0008 2260	Dung dịch pha loãng hồng cầu dùng cho định nhóm máu/ phát máu/ Coombs	mL	Thành phần: dung dịch đệm có nồng độ ion thấp, Sodium azide <0,1%.	
550	PP26 0008 2261	Thẻ định nhóm máu ABO đầu giường (có sẵn Anti A, Anti B)	Test	Dạng thẻ giấy. Có ô Anti-A, ô Anti-B được cố định trên thẻ dạng khô. Có 2 giếng chứa máu bệnh nhân và túi máu trước khi làm test. Độ đặc hiệu: Anti A: 100%; Anti B: 100%. Độ nhạy: pha loãng nhỏ nhất 256 lần với độ liên kết $\geq 3+$. Có ô ghi kết quả hòa hợp giữa bệnh nhân và túi máu, kết luận được truyền máu ngay trên card. Có xuất xứ từ các nước G7 hoặc EU hoặc OECD.	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
551	PP26 0008 2262	Thẻ định nhóm máu ABO/Rh gắn sẵn huyết thanh mẫu	Test	Thẻ giấy có chứa kháng thể khô. Thành phần: Ô anti A chứa kháng thể đơn dòng Anti A, Ô anti B chứa kháng thể đơn dòng Anti B, Ô anti D chứa kháng thể đơn dòng Anti D. Có xuất xứ từ các nước G7 hoặc EU hoặc OECD.	
552	PP26 0008 2263	Bộ hóa chất, sinh phẩm xét nghiệm máu lắng			Cung cấp hệ thống xét nghiệm máu lắng tự động có xuất xứ/chủ sở hữu từ các nước G7 hoặc EU. - Kết nối LIS - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
552.1		Thẻ xét nghiệm máu lắng	Test	Kỹ thuật westergreen. Độ biến thiên CV $\leq 20\%$.	
552.2		Chất chứng xét nghiệm máu lắng	Hộp	Gồm 2 ngưỡng giá trị bình thường và cao. Thành phần có chứa hồng cầu động vật hoặc người.	
553	PP26 0008 2264	Bộ hóa chất, sinh phẩm, vật tư các xét nghiệm đông máu trên máy tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm đông máu tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU - Tổng công suất ≥ 250 xét nghiệm/giờ. - Nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện mẫu. - Kết nối LIS - Phương pháp: đo quang. - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
553.1		Hóa chất đo thời gian APTT	Test	Thành phần chứa tối thiểu: Phospholipid, chất kích hoạt silica keo, đệm, chất bảo quản và đóng gói kèm theo Calci Clorua.	
553.2		Hóa chất đo thời gian PT	Test	Thành phần chứa: yếu tố mô người tái tổ hợp, phospholipid tổng hợp, chất ổn định, chất bảo quản và đệm.	
553.3		Hóa chất định lượng Fibrinogen	Test	Thành phần dạng bột đông khô, chứa Thrombin bò. Phương pháp Clauss	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
553.4		Dung dịch dùng để làm sạch	Hộp	Thành phần tối thiểu chứa: Acid hydrochloric $\leq 0,5\%$. Dạng lỏng. Quy cách: Hộp/1 x 500 mL	
553.5		Dung dịch dùng để làm sạch và tẩy nhiễm	Hộp	Thành phần dung dịch natri hypoclorit. Quy cách: Hộp/1 x 80mL	
553.6		Dung dịch dùng để xúc rửa	Bình	Thành phần 2-Methyl-4-isothiazolin-3-one hydrochloride (Methylisothiazolinone hydrochloride) $\leq 0,005\%$. Dạng lỏng. Quy cách: 4000 ml/Bình	
553.7		Cóng phản ứng	Cái	Thành phần: Polystyrene 4 công liên khối trên một thanh.	
553.8		Chất chuẩn dùng cho các xét nghiệm đông máu	Hộp	Thành phần dạng bột đông khô, chứa: huyết tương người, đệm, chất ổn định và chất bảo quản. Hóa chất dùng để hiệu chuẩn các xét nghiệm đông máu như Fibrinogen, các yếu tố đông máu, yếu tố Von Willebrand, Antithrombin, Plasminogen, Plasmin Inhibitor, Protein S, Protein C. Quy cách: Hộp/10 x 1mL	
553.9		Chất kiểm chứng mức bình thường dùng cho các xét nghiệm đông máu	Hộp	Thành phần: dạng bột đông khô, chứa: huyết tương người, đệm, chất ổn định và chất bảo quản. Hóa chất dùng để kiểm soát chất lượng các xét nghiệm đông máu như PT, APTT, TT, Fibrinogen, các yếu tố đông máu, yếu tố Von Willebrand, Antithrombin, Plasminogen, Plasmin Inhibitor, Protein S, Protein C ở dải giá trị bình thường. Quy cách: Hộp/10 x 1mL	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
553.10		Chất kiểm chứng mức bất thường thấp dùng cho các xét nghiệm trên máy phân tích đông máu	Hộp	Thành phần dạng bột đông khô, chứa: huyết tương người, đệm, chất ổn định và chất bảo quản. Hóa chất dùng để kiểm soát chất lượng các xét nghiệm đông máu như PT,APTT, TT, Fibrinogen, Antithrombin, Protein S, Protein C, ở dải giá trị bất thường thấp. Quy cách: Hộp/10 x 1mL	
553.11		Chất kiểm chứng mức bất thường cao dùng cho các xét nghiệm đông máu	Hộp	Thành phần dạng bột đông khô, chứa: huyết tương người, đệm, chất ổn định và chất bảo quản. Hóa chất dùng để kiểm soát chất lượng các xét nghiệm đông máu như PT,APTT ở dải giá trị bất thường cao. Quy cách: Hộp/10 x 1mL	
554	PP26 0008 2265	Hoá chất để xác định thời gian thromboplastin hoạt hoá từng phần	Test	Thuốc thử dạng lỏng, chứa tối thiểu: Phosphatide đậu nành, cephalin thỏ, chất đệm, chất ổn định, chất bảo quản.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm đông máu tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU - Tổng công suất ≥ 250 xét nghiệm/giờ. - Nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện mẫu. - Kết nối LIS - Phương pháp: đo quang. - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
555	PP26 0008 2266	Hóa chất xét nghiệm APTT hoạt hóa bằng Kaolin, máy đông máu tự động	Test	Độ lặp lại đo mẫu bình thường: $\leq 0,6$ CV%. Độ lặp lại đo mẫu bất thường: $\leq 0,7$ CV%. Độ tái lập đo mẫu bình thường: $\leq 3,5$ CV%. Độ tái lập đo mẫu bất thường: $\leq 2,6$ CV%. Thành phần tối thiểu: + Thuốc thử 1: cephalin từ mô não thỏ, dạng đông khô; + Thuốc thử 2: dung dịch đệm huyền phù của kaolin, Na3N.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm đông máu tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU - Tổng công suất ≥ 250 xét nghiệm/giờ. - Nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện mẫu. - Kết nối LIS - Phương pháp đo: đo từ và đo quang. - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
556	PP26 0008 2267	Hoá chất đo thời gian prothrombin	Test	Thuốc thử dạng đông khô chứa tối thiểu: Thromboplastin: yếu tố mô tái tổ hợp ở người với phospholipid tổng hợp, Calcium, chất trung hòa heparin, chất đệm, chất ổn định BSA.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm đông máu tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU - Tổng công suất ≥ 250 xét nghiệm/giờ. - Nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện mẫu. - Kết nối LIS - Phương pháp: đo quang. - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
557	PP26 0008 2268	Hóa chất xét nghiệm PT	Test	Thuốc thử 1: chứa thromboplastin đông khô (chiết xuất từ não thỏ) và chất ức chế heparin đặc hiệu. Thuốc thử 2: dung dịch hòa tan có chứa canxi.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm đông máu tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Tổng công suất ≥ 250 xét nghiệm/giờ. - Nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện mẫu. - Kết nối LIS - Phương pháp đo: đo từ và đo quang. - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
558	PP26 0008 2269	Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen	Test	Gồm thrombin người đã citrat hóa có chứa canxi, chất ức chế đặc hiệu heparin.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm đông máu tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU - Tổng công suất ≥ 250 xét nghiệm/giờ. - Nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện mẫu. - Kết nối LIS - Phương pháp đo: đo từ và đo quang. - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
559	PP26 0008 2270	Hoá chất định lượng Fibrinogen trong huyết tương	Test	Thuốc thử dạng đông khô chứa tối thiểu: Thrombin bò, chất ổn định, chất đệm.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm đông máu tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Tổng công suất ≥ 250 xét nghiệm/giờ. - Nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện mẫu. - Kết nối LIS - Phương pháp: đo quang. - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
560	PP26 0008 2271	Dung dịch lỏng Canxi Clorua 0,025 M dùng cho các xét nghiệm đông máu	Hộp	Dung dịch Canxi Clorua 0,025 M. Quy cách: Hộp/24 x 15mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm đông máu tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU - Tổng công suất ≥ 250 xét nghiệm/giờ. - Nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện mẫu. - Kết nối LIS - Phương pháp đo: đo từ và đo quang. - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
561	PP26 0008 2272	Hóa chất rửa máy hệ thống đông máu tự động	Thùng	Thành phần chứa hóa chất họ ether glycol được pha loãng trong nước. Quy cách: Thùng/6 x 2500mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm đông máu tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Tổng công suất ≥ 250 xét nghiệm/giờ. - Nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện mẫu. - Kết nối LIS - Phương pháp đo: đo từ và đo quang. - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
562	PP26 0008 2273	Cóng đo từ xét nghiệm đông máu cho máy tự động	Cái	Cuvette dùng 1 lần, có bi làm bằng thép không gỉ bên trong.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm đông máu tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Tổng công suất ≥ 250 xét nghiệm/giờ. - Nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện mẫu. - Kết nối LIS - Phương pháp đo: đo từ và đo quang. - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
563	PP26 0008 2274	Hóa chất rửa kim hệ thống máy đông máu tự động	Hộp	Thành phần: kali hydroxide nồng độ $\leq 1\%$. Quy cách: Hộp/24 x 15mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm đông máu tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU - Tổng công suất ≥ 250 xét nghiệm/giờ. - Nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện mẫu. - Kết nối LIS - Phương pháp đo: đo từ và đo quang. - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
564	PP26 0008 2275	Dung dịch pha loãng mẫu đông máu	Hộp	Dung dịch đệm pH trung bình 7,35 ($\pm 0,01$), natri azide. Quy cách: Hộp/24 x 15mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm đông máu tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Tổng công suất ≥ 250 xét nghiệm/giờ. - Nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện mẫu. - Kết nối LIS - Phương pháp đo: đo từ và đo quang. - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
565	PP26 0008 2276	Nội kiểm đông máu cho các xét nghiệm thường quy (PT, APTT, TT, Fib)	Hộp	Huyết tương người được citrat hóa, dạng đông khô; gồm hai mức nồng độ khác nhau. Quy cách: Hộp/12 x 2 x 2mL	Cung cấp hệ thống xét nghiệm đông máu tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Tổng công suất ≥ 250 xét nghiệm/giờ. - Nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện mẫu. - Kết nối LIS - Phương pháp đo: đo từ và đo quang. - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
566	PP26 0008 2277	Chất chứng cho các xét nghiệm đông máu (mức bệnh lý)	Hộp	Vật liệu kiểm soát trong giới hạn bệnh lý cho các xét nghiệm đông máu: Thời gian Prothrombin (PT), thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT), Fibrinogen (Phương pháp Clauss), Các yếu tố đông máu II, V, VII, VIII, IX, X, XI, XII, XIII và vWF, chất ức chế: Antithrombin III, protein C, protein S, $\alpha 2$ -antiplasmin, chất ức chế C1; Plasminogen, thời gian Thrombin. Thành phần: Thuốc thử đông khô chứa: Huyết tương người. Quy cách: Hộp/1mL x 10	Cung cấp hệ thống xét nghiệm đông máu tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Tổng công suất ≥ 250 xét nghiệm/giờ. - Nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện mẫu. - Kết nối LIS - Phương pháp: đo quang. - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
567	PP26 0008 2278	Chất chứng cho các xét nghiệm đông máu (mức bình thường)	Hộp	Vật liệu kiểm soát trong khoảng bình thường cho các xét nghiệm: Thời gian Prothrombin (PT), Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT), Thời gian thrombin (TT), Thời gian Batroxobin, Fibrinogen, Các yếu tố đông máu II, V, VII, VIII, IX, X, XI, XII, XIII và vWF, Chất ức chế: Antithrombin III, protein C, protein S, α 2-antiplasmin, chất ức chế C1; Plasminogen, Các chất phân tích trong dòng ProC, Kháng đông Lupus. Thành phần: Thuốc thử đông khô chứa: Huyết tương người. Quy cách: Hộp/1mL x 10	Cung cấp hệ thống xét nghiệm đông máu tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Tổng công suất ≥ 250 xét nghiệm/giờ. - Nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện mẫu. - Kết nối LIS - Phương pháp: đo quang. - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
568	PP26 0008 2279	Chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm đông máu và các yếu tố đông máu	Hộp	Chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sau: Thời gian Prothrombin (PT), Fibrinogen (Phương pháp Clauss), Các yếu tố đông máu: FII, FV, FVII, FVIII, FIX, FX, FXI, FXII, FXIII và vWF, Các chất ức chế: Antithrombin III, protein C, protein S, α 2-antiplasmin, chất ức chế C1; Plasminogen. Thành phần: Thuốc thử đông khô chứa: Huyết tương người, Chất ổn định HEPES. Quy cách: Hộp/1mL x 10	Cung cấp hệ thống xét nghiệm đông máu tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU - Tổng công suất ≥ 250 xét nghiệm/giờ. - Nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện mẫu. - Kết nối LIS - Phương pháp: đo quang. - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
569	PP26 0008 2280	Vật liệu kiểm soát cho các xét nghiệm đông máu thường quy mức bình thường	Hộp	Vật liệu kiểm soát cho giới hạn bình thường của các xét nghiệm đông máu sau: thời gian prothrombin (PT), thời gian thromboplastin từng phần hoạt hóa (APTT), thời gian thrombin (TT), Fibrinogen, Antithrombin III (ATIII), thời gian Batroxobin/Reptilase. Thành phần: Thuốc thử đông khô chứa huyết tương người. Quy cách: Hộp/1mL x 10	Cung cấp hệ thống xét nghiệm đông máu tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Tổng công suất ≥ 250 xét nghiệm/giờ. - Nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện mẫu. - Kết nối LIS - Phương pháp: đo quang. - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
570	PP26 0008 2281	Vật liệu kiểm soát dải bất thường cho các xét nghiệm đông máu	Hộp	Vật liệu kiểm soát cho các xét nghiệm PT và APTT. Thành phần: Thuốc thử đông khô chứa: huyết tương người Quy cách: Hộp/1mL x 10	Cung cấp hệ thống xét nghiệm đông máu tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Tổng công suất ≥ 250 xét nghiệm/giờ. - Nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện mẫu. - Kết nối LIS - Phương pháp: đo quang. - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
571	PP26 0008 2282	Dung dịch Calcium Chloride	Hộp	Chất lỏng sẵn sàng sử dụng chứa: Calcium Chloride 0,025 mol/L. Quy cách: Hộp/15mL x 10	Cung cấp hệ thống xét nghiệm đông máu tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Tổng công suất ≥ 250 xét nghiệm/giờ. - Nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện mẫu. - Kết nối LIS - Phương pháp: đo quang. - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
572	PP26 0008 2283	Dung dịch đệm pha loãng mẫu cho các xét nghiệm đông máu	Hộp	Đóng gói dạng lỏng, thành phần gồm sodium barbitol và sodium chloride, pH 7,35 ($\pm 0,1$). Quy cách: Hộp/15mL x 10	Cung cấp hệ thống xét nghiệm đông máu tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Tổng công suất ≥ 250 xét nghiệm/giờ. - Nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện mẫu. - Kết nối LIS - Phương pháp: đo quang. - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
573	PP26 0008 2284	Dung dịch rửa kim hút cho máy xét nghiệm đông máu hoàn toàn tự động.	Hộp	Thành phần: Sodium hypochlorite 1% ($\pm 0,1\%$). Quy cách: Hộp/50mL x 1	Cung cấp hệ thống xét nghiệm đông máu tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU - Tổng công suất ≥ 250 xét nghiệm/giờ. - Nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện mẫu. - Kết nối LIS - Phương pháp: đo quang. - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
574	PP26 0008 2285	Nước rửa hệ thống cho máy đông máu tự động có tính acid	Hộp	Thành phần: Hydrochloric acid $\leq 0,2\%$, Chất hoạt động bề mặt không ion hóa $\leq 0,5\%$. Quy cách: Hộp/5L x 1	Cung cấp hệ thống xét nghiệm đông máu tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Tổng công suất ≥ 250 xét nghiệm/giờ. - Nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện mẫu. - Kết nối LIS - Phương pháp: đo quang. - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
575	PP26 0008 2286	Nước rửa hệ thống cho máy đông máu tự động	Hộp	Thành phần: Sodium hypochlorite 1% ($\pm 0,1\%$) (nồng độ clo hoạt tính). Quy cách: Hộp/2L x 1	Cung cấp hệ thống xét nghiệm đông máu tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Tổng công suất ≥ 250 xét nghiệm/giờ. - Nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện mẫu. - Kết nối LIS - Phương pháp: đo quang. - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
576	PP26 0008 2287	Giếng phản ứng sử dụng trên máy đông máu tự động	Cái	Cuvet cho máy xét nghiệm đông máu tự động. Cuvet chỉ dùng một lần.	Cung cấp hệ thống xét nghiệm đông máu tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Tổng công suất ≥ 250 xét nghiệm/giờ. - Nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện mẫu. - Kết nối LIS - Phương pháp: đo quang. - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
577	PP26 0008 2288	Bộ hóa chất xét nghiệm D-Dimer 2 kháng thể đơn dòng trên máy tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm đông máu tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Tổng công suất ≥ 250 xét nghiệm/giờ. - Nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện mẫu.
577.1		Chất nội kiểm xét nghiệm D-Dimer	Hộp	Huyết tương người có citrat, dạng đông khô, bao gồm 2 mức nồng độ: bình thường (N) và bất thường (P) riêng biệt.	- Kết nối LIS - Phương pháp đo: đo từ và đo quang. - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu.
577.2		Hóa chất xét nghiệm D-Dimer 2 kháng thể đơn dòng	Test	Thuốc thử 1: Dung dịch đệm chứa tác nhân ngăn chặn dị kháng thể (bao gồm yếu tố dạng thấp). Thuốc thử 2: Dung dịch huyền phù vi hạt latex được phủ bởi hai kháng thể đơn dòng khác nhau kháng D-Dimer người.	- Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
578	PP26 0008 2289	Bộ xét nghiệm D-Dimer trên máy tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm đông máu tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Tổng công suất ≥ 250 xét nghiệm/giờ.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
578.1		Hóa chất xét nghiệm định lượng D-Dimer	Test	Bao gồm tối thiểu các thành phần sau: Sinh phẩm phân tích (Reagent) dạng đông khô, chứa các hạt Polystyrene phủ kháng thể đơn dòng chuột kháng D-Dimer, albumin người. Dung dịch đệm (Buffer): chất ổn định và chất bảo quản. Dung dịch bổ sung (Supplement): chứa thuốc thử chặn tính dị loại. Dung dịch pha loãng (Diluent): chứa đệm và chất bảo quản. Chất chuẩn (Calibrator) dạng đông khô, từ huyết tương người.	- Nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện mẫu. - Kết nối LIS - Phương pháp: đo quang. - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
578.2		Chất chuẩn mức bình thường và mức bệnh lý cho xét nghiệm định lượng D-Dimer	Hộp	Vật liệu kiểm soát cho xét nghiệm D-Dimer trong dải bình thường và dải bệnh lý. Dạng bột đông khô, có nguồn gốc từ huyết tương người	
579	PP26 0008 2290	Bộ hóa chất xét nghiệm Anti Xa			Cung cấp hệ thống xét nghiệm đông máu tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Tổng công suất ≥ 250 xét nghiệm/giờ.
579.1		Hóa chất xét nghiệm Anti Xa	Hộp	Đo hiệu quả kháng đông của Heparin không phân đoạn, Heparin trọng lượng phân tử thấp, fondaparinux, rivaroxaban, apixaban và edoxaban. Giới hạn tuyến tính $\leq 1,5$ IU/ml (UFH) và ≤ 2 anti-Xa IU/ml (LMWH). Quy cách: Hộp/6 x 2 x 4mL	- Nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện mẫu. - Kết nối LIS - Phương pháp đo: đo từ và đo quang. - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
579.2		Chất chuẩn xét nghiệm Anti Xa	Hộp	Huyết tương người đông khô. Gồm tối thiểu 5 mức nồng độ: 4 mẫu có chứa UFH hoặc LMWH với lượng khác nhau, 1 mẫu không có UFH/LMWH. Quy cách: Hộp/4 x 5 x 1mL	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
579.3		Chất chứng cho Anti Xa (UFH)	Hộp	Thành phần: huyết tương người có chứa lượng UFH đã xác định, dạng đông khô. Quy cách: Hộp/2 x 6 x 1mL	
579.4		Chất chứng cho Anti Xa (LMWH)	Hộp	Thành phần: Huyết tương người có chứa lượng LMWH đã xác định, dạng đông khô. Quy cách: Hộp/6 x 2 x 1mL	
579.5		Chất chuẩn thuốc chống đông rivaroxaban	Hộp	Gồm 4 lọ huyết tương người có 4 mức nồng độ rivaroxaban khác nhau, dạng đông khô. Quy cách: Hộp/3 x 4 x 1mL	
579.6		Chất chứng thuốc chống đông rivaroxaban	Hộp	Gồm 2 lọ huyết tương người có hai mức nồng độ rivaroxaban khác nhau, dạng đông khô. Quy cách: Hộp/3 x 2 x 1mL	
580	PP26 0008 2291	Bộ thuốc thử xét nghiệm định lượng Anti Xa trên máy tự động			Cung cấp hệ thống xét nghiệm đông máu tự động có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. - Tổng công suất ≥ 250 xét nghiệm/giờ. - Nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện mẫu.
580.1		Thuốc thử cho xét nghiệm định lượng các chất ức chế yếu tố Xa (FXa) trong huyết tương theo phương pháp xét nghiệm so màu kháng yếu tố Xa.	Hộp	Thành phần chứa tối thiểu: + Thuốc thử 1: Chứa cơ chất tạo màu đặc hiệu cho Yếu tố Xa, dạng lỏng. + Thuốc thử 2 chứa yếu tố Xa của bò, dạng lỏng. Quy cách: Hộp/R1: 3 x 3 mL + R2: 3 x 3 mL	- Kết nối LIS - Phương pháp: đo quang. - Cung cấp sinh phẩm thực hiện xác nhận giá trị sử dụng lần đầu. - Cung cấp sinh phẩm ngoại kiểm tra và phí phân tích chương trình ngoại kiểm.
580.2		Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Heparin trọng lượng phân tử thấp (LMWH) và xét nghiệm Heparin không phân đoạn (UFH).	Hộp	Gồm 5 mẫu chuẩn huyết tương người đông khô không chứa hoặc chứa các lượng LMWH khác nhau. Quy cách: CAL 1: 4 x 1 mL + CAL 2: 4 x 1 mL + CAL 3: 4 x 1 mL + CAL 4: 4 x 1 mL + CAL 5: 4 x 1 mL	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
580.3		Vật liệu kiểm soát cho xét nghiệm nồng độ Heparin không phân đoạn (UFH) theo nguyên lý so màu kháng yếu tố Xa UFH gồm 2 mức nồng độ khác nhau.	Hộp	Thành phần: Huyết tương người đông khô, chứa các lượng UFH với 2 mức nồng độ khác nhau. Quy cách: CI: 6 x 1 mL + CII: 6 x 1 mL	
580.4		Vật liệu kiểm soát cho các xét nghiệm Heparin trọng lượng phân tử thấp (LMWH) bằng phương pháp so màu kháng yếu tố xa với các nồng độ khác nhau.	Hộp	Thành phần: Huyết tương người đông khô có chứa các lượng LMWH với nồng độ khác nhau. Quy cách: C1: 6 x 1 mL + C2: 6 x 1 mL	
581	PP26 0008 2292	Hóa chất nội kiểm sinh hóa mức 2	Hộp	Dạng đông khô. Có nguồn gốc từ huyết thanh người. Đáp ứng tối thiểu 66 thông số hoặc tương đương, trong đó bao gồm cả D-3-Hydroxybutyrate, Folate, Bicarbonate, Bile Acids. Có xuất xứ các nước G7 hoặc EU Quy cách: Hộp/20 x 5mL	Có thể sử dụng trên nhiều hệ thống xét nghiệm. Cung cấp dịch vụ ngoại kiểm trên trang web chính thức của hãng.
582	PP26 0008 2293	Hóa chất nội kiểm sinh hóa mức 3	Hộp	Dạng đông khô. Có nguồn gốc từ huyết thanh người. Đáp ứng tối thiểu 66 thông số hoặc tương đương, trong đó bao gồm cả D-3-Hydroxybutyrate, Folate, Bicarbonate, Bile Acids. Có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. Quy cách: Hộp/20 x 5mL	Có thể sử dụng trên nhiều hệ thống xét nghiệm. Cung cấp dịch vụ ngoại kiểm trên trang web chính thức của hãng.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
583	PP26 0008 2294	Hóa chất nội kiểm bộ mỡ mức 1	Hộp	Dạng đông khô. Thành phần 100% huyết thanh người. Đáp ứng 7 thông số: Apo A-1, Apo B, HDL, LDL, Cholesterol, Lipoprotein (a), Triglycerides. Không chứa Sodium Azid. Có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. Quy cách: Hộp/5 x 3mL	Có thể sử dụng trên nhiều hệ thống xét nghiệm. Cung cấp dịch vụ ngoại kiểm trên trang web chính thức của hãng.
584	PP26 0008 2295	Hóa chất nội kiểm bộ mỡ mức 2	Hộp	Dạng đông khô. Thành phần 100% huyết thanh người. Đáp ứng 7 thông số: Apo A-1, Apo B, HDL, LDL, Cholesterol, Lipoprotein (a), Triglycerides. Không chứa Sodium Azid. Có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. Quy cách: Hộp/5 x 3mL	Có thể sử dụng trên nhiều hệ thống xét nghiệm. Cung cấp dịch vụ ngoại kiểm trên trang web chính thức của hãng.
585	PP26 0008 2296	Hóa chất nội kiểm bộ mỡ mức 3	Hộp	Dạng đông khô. Thành phần 100% huyết thanh người. Đáp ứng 7 thông số: Apo A-1, Apo B, HDL, LDL, Cholesterol, Lipoprotein (a), Triglycerides. Không chứa Sodium Azid. Có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. Quy cách: Hộp/5 x 3mL	Có thể sử dụng trên nhiều hệ thống xét nghiệm. Cung cấp dịch vụ ngoại kiểm trên trang web chính thức của hãng.
586	PP26 0008 2297	Hóa chất nội kiểm Protein đặc hiệu mức 1	Hộp	Dạng lỏng sẵn sàng sử dụng. Thành phần 100% huyết thanh người. Đáp ứng tối thiểu 26 thông số, bao gồm cả thông số α -Fetoprotein (AFP), chuỗi nhẹ (lamda và kappa) dạng toàn phần và tự do. Có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. Quy cách: Hộp/3 x 1mL	Có thể sử dụng trên nhiều hệ thống xét nghiệm. Cung cấp dịch vụ ngoại kiểm trên trang web chính thức của hãng.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
587	PP26 0008 2298	Hóa chất nội kiểm Protein đặc hiệu mức 2	Hộp	Dạng lỏng sẵn sàng sử dụng. Thành phần 100% huyết thanh người. Đáp ứng tối thiểu 26 thông số, bao gồm cả thông số α -Fetoprotein (AFP), chuỗi nhẹ (lamda và kappa) dạng toàn phần và tự do. Có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. Quy cách: Hộp/3 x 1mL	Có thể sử dụng trên nhiều hệ thống xét nghiệm. Cung cấp dịch vụ ngoại kiểm trên trang web chính thức của hãng.
588	PP26 0008 2299	Hóa chất nội kiểm Protein đặc hiệu mức 3	Hộp	Dạng lỏng sẵn sàng sử dụng. Thành phần 100% huyết thanh người, không bao gồm thành phần có nguồn gốc từ động vật. Đáp ứng tối thiểu 26 thông số, bao gồm cả thông số α -Fetoprotein (AFP), chuỗi nhẹ (lamda và kappa) dạng toàn phần và tự do. Có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. Quy cách: Hộp/3 x 1mL	Có thể sử dụng trên nhiều hệ thống xét nghiệm. Cung cấp dịch vụ ngoại kiểm trên trang web chính thức của hãng.
589	PP26 0008 2300	Hóa chất nội kiểm sinh hóa nước tiểu mức 2	Hộp	Dạng đông khô. Thành phần 100% từ nước tiểu người. Đáp ứng tối thiểu 24 thông số, bao gồm cả thông số Copper, Dopamine, Epinephrine, Metanephrine, Norepinephrine, Normetanephrine, Oxalate, Vanilylmandelic Acid, 5-HIAA. Có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. Quy cách: Hộp/12 x 10mL	Có thể sử dụng trên nhiều hệ thống xét nghiệm. Cung cấp dịch vụ ngoại kiểm trên trang web chính thức của hãng.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
590	PP26 0008 2301	Hóa chất nội kiểm sinh hóa nước tiểu mức 3	Hộp	Dạng đông khô. Thành phần 100% từ nước tiểu người. Đáp ứng tối thiểu 24 thông số, bao gồm cả thông số Copper, Dopamine, Epinephrine, Metanephrine, Norepinephrine, Normetanephrine, Oxalate, Vanilylmandelic Acid, 5-HIAA. Có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. Quy cách: Hộp/12 x 10mL	Có thể sử dụng trên nhiều hệ thống xét nghiệm. Cung cấp dịch vụ ngoại kiểm trên trang web chính thức của hãng.
591	PP26 0008 2302	Hóa chất nội kiểm tổng phân tích nước tiểu mức 1	Hộp	Dạng lỏng sẵn sàng sử dụng. Thành phần 100% từ nước tiểu người. Đáp ứng tối thiểu 13 thông số, bao gồm thông số Albumin. Sử dụng được cho xét nghiệm tại chỗ (POCT). Quy cách: Hộp/12 x 12mL	Có thể sử dụng trên nhiều hệ thống xét nghiệm. Cung cấp dịch vụ ngoại kiểm trên trang web chính thức của hãng.
592	PP26 0008 2303	Hóa chất nội kiểm tổng phân tích nước tiểu mức 2	Hộp	Dạng lỏng sẵn sàng sử dụng. Thành phần 100% từ nước tiểu người. Đáp ứng tối thiểu 13 thông số, bao gồm thông số Albumin. Sử dụng được cho xét nghiệm tại chỗ (POCT). Có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. Quy cách: Hộp/12 x 12mL	Có thể sử dụng trên nhiều hệ thống xét nghiệm. Cung cấp dịch vụ ngoại kiểm trên trang web chính thức của hãng.
593	PP26 0008 2304	Hóa chất nội kiểm khí máu mức 1	Hộp	Đáp ứng 10 thông số, bao gồm cả thông số Bicarbonate. Dạng lỏng sử dụng ngay. Sử dụng được cho xét nghiệm tại chỗ (POCT). Độ bền sau khi mở nắp tối thiểu được 1 giờ cho các chất điện giải hoặc tương đương. Có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. Quy cách: Hộp/30 x 1,8mL	Có thể sử dụng trên nhiều hệ thống xét nghiệm. Cung cấp dịch vụ ngoại kiểm trên trang web chính thức của hãng.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
594	PP26 0008 2305	Hóa chất nội kiểm khí máu mức 2	Hộp	Đáp ứng 10 thông số, bao gồm cả thông số Bicarbonate. Dạng lỏng sử dụng ngay. Sử dụng được cho xét nghiệm tại chỗ (POCT). Độ bền sau khi mở nắp tối thiểu được 1 giờ cho các chất điện giải hoặc tương đương. Có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. Quy cách: Hộp/30 x 1,8mL	Có thể sử dụng trên nhiều hệ thống xét nghiệm. Cung cấp dịch vụ ngoại kiểm trên trang web chính thức của hãng.
595	PP26 0008 2306	Hóa chất nội kiểm khí máu mức 3	Hộp	Đáp ứng 10 thông số, bao gồm cả thông số Bicarbonate. Dạng lỏng sử dụng ngay. Sử dụng được cho xét nghiệm tại chỗ (POCT). Độ bền sau khi mở nắp tối thiểu được 1 giờ cho các chất điện giải hoặc tương đương. Có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. Quy cách: Hộp/30 x 1,8mL	Có thể sử dụng trên nhiều hệ thống xét nghiệm. Cung cấp dịch vụ ngoại kiểm trên trang web chính thức của hãng.
596	PP26 0008 2307	Hóa chất nội kiểm tim mạch đông khô mức 1, 2, 3	Hộp	Dạng đông khô. Có nguồn gốc từ huyết thanh người. Đáp ứng tối thiểu 7 thông số, bao gồm cả thông số CK-MB (mass) và CK-MB (activity). Có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. Quy cách: Hộp/3 x 2mL	Có thể sử dụng trên nhiều hệ thống xét nghiệm. Cung cấp dịch vụ ngoại kiểm trên trang web chính thức của hãng.
597	PP26 0008 2308	Hóa chất nội kiểm HbA1c hai mức nồng độ	Hộp	Dạng đông khô. Thành phần 100% máu toàn phần từ người. Đáp ứng thông số HbA1c với hai mức nồng độ. Xử lý giống như mẫu bệnh phẩm. Sử dụng được cho các phương pháp xét nghiệm HbA1c, bao gồm cả HPLC. Ổn định sau hoàn nguyên tối thiểu 28 ngày ở 2 đến 8 độ C. Có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. Quy cách: Hộp/ 2 x 2 x 0,5mL	Có thể sử dụng trên nhiều hệ thống xét nghiệm. Cung cấp dịch vụ ngoại kiểm trên trang web chính thức của hãng.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
598	PP26 0008 2309	Hóa chất nội kiểm Ethanol/ Ammonia mức 1	Hộp	Dạng lỏng sẵn sàng sử dụng. Ổn định đến khi hết hạn và sau khi mở nắp tối thiểu 30 ngày ở nhiệt độ 2 độ C đến 8 độ C. Đáp ứng xét nghiệm Ammonia và Ethanol. Có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. Quy cách: Hộp/6 x 2mL	Có thể sử dụng trên nhiều hệ thống xét nghiệm. Cung cấp dịch vụ ngoại kiểm trên trang web chính thức của hãng.
599	PP26 0008 2310	Hóa chất nội kiểm Ethanol/ Ammonia mức 2	Hộp	Dạng lỏng sẵn sàng sử dụng. Ổn định đến khi hết hạn và sau khi mở nắp tối thiểu 30 ngày ở nhiệt độ 2 độ C đến 8 độ C. Đáp ứng xét nghiệm Ammonia và Ethanol. Có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. Quy cách: Hộp/6 x 2mL	Có thể sử dụng trên nhiều hệ thống xét nghiệm. Cung cấp dịch vụ ngoại kiểm trên trang web chính thức của hãng.
600	PP26 0008 2311	Hóa chất nội kiểm Ethanol/ Ammonia mức 3	Hộp	Dạng lỏng sẵn sàng sử dụng. Ổn định đến khi hết hạn và sau khi mở nắp tối thiểu 30 ngày ở nhiệt độ 2 độ C đến 8 độ C. Đáp ứng xét nghiệm Ammonia và Ethanol. Có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. Quy cách: Hộp/6 x 2mL	Có thể sử dụng trên nhiều hệ thống xét nghiệm. Cung cấp dịch vụ ngoại kiểm trên trang web chính thức của hãng.
601	PP26 0008 2312	Hóa chất nội kiểm Huyết học 3 mức độ	Hộp	Dạng lỏng sẵn sàng sử dụng. Thành phần 100% máu toàn phần từ người. Đáp ứng tối thiểu 45 thông số, đo được 5 thành phần bạch cầu. Có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. Quy cách: Hộp/3 x 2 x 4,5mL	Có thể sử dụng trên nhiều hệ thống xét nghiệm. Cung cấp dịch vụ ngoại kiểm trên trang web chính thức của hãng.
602	PP26 0008 2313	Hóa chất nội kiểm đông máu mức 1	Hộp	Dạng đông khô. Thành phần 100% nguồn gốc từ người. Đáp ứng tối thiểu 16 thông số, bao gồm cả Protein C, Protein S và các yếu tố đông máu II, V, VII, IX, X, XI, XII. Có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. Quy cách: Hộp/12 x 1mL	Có thể sử dụng trên nhiều hệ thống xét nghiệm. Cung cấp dịch vụ ngoại kiểm trên trang web chính thức của hãng.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
603	PP26 0008 2314	Hóa chất nội kiểm đông máu mức 2	Hộp	Dạng đông khô. Thành phần 100% nguồn gốc từ người. Đáp ứng tối thiểu 16 thông số, bao gồm cả Protein C, Protein S và các yếu tố đông máu II, V, VII, IX, X, XI, XII. Có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. Quy cách: Hộp/12 x 1mL	Có thể sử dụng trên nhiều hệ thống xét nghiệm. Cung cấp dịch vụ ngoại kiểm trên trang web chính thức của hãng.
604	PP26 0008 2315	Hóa chất nội kiểm đông máu mức 3	Hộp	Dạng đông khô. Thành phần 100% nguồn gốc từ người. Đáp ứng tối thiểu 16 thông số, bao gồm cả Protein C, Protein S và các yếu tố đông máu II, V, VII, IX, X, XI, XII. Có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. Quy cách: Hộp/12 x 1mL	Có thể sử dụng trên nhiều hệ thống xét nghiệm. Cung cấp dịch vụ ngoại kiểm trên trang web chính thức của hãng.
605	PP26 0008 2316	Hóa chất định lượng D-3-Hydroxybutyrate	Hộp	Hóa chất sử dụng để định lượng D-3-Hydroxybutyrate trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Khoảng đo có giới hạn dưới $\leq 0,1$ mmol/L và giới hạn trên $\geq 5,7$ mmol/L. Thuốc thử dạng lỏng. Có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. Quy cách: Hộp/10 x 10mL	Có thể sử dụng trên nhiều hệ thống xét nghiệm. Cung cấp dịch vụ ngoại kiểm trên trang web chính thức của hãng.
606	PP26 0008 2317	Hóa chất hiệu chuẩn sinh hóa mức 2	Hộp	Dạng đông khô. Có nguồn gốc từ huyết thanh người. Đáp ứng ≥ 38 thông số hoặc tương đương. Huyết thanh hiệu chuẩn đa điểm. Có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. Quy cách: Hộp/20 x 5mL	Có thể sử dụng trên nhiều hệ thống xét nghiệm. Cung cấp dịch vụ ngoại kiểm trên trang web chính thức của hãng.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
607	PP26 0008 2318	Hóa chất hiệu chuẩn sinh hóa mức 3	Hộp	Dạng đông khô. Có nguồn gốc từ huyết thanh người. Đáp ứng ≥ 38 thông số hoặc tương đương. Huyết thanh hiệu chuẩn đa điểm. Có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. Quy cách: Hộp/20 x 5mL	Có thể sử dụng trên nhiều hệ thống xét nghiệm. Cung cấp dịch vụ ngoại kiểm trên trang web chính thức của hãng.
608	PP26 0008 2319	Nội kiểm miễn dịch mức 1	Hộp	Dạng đông khô. Thành phần 100% huyết thanh người. Đáp ứng tối thiểu 54 các thông số bao gồm các chất chỉ điểm ung thư trong xét nghiệm thường quy: AFP, CA15-3, CA19-9, CA-125, CEA, PSA, Free-PSA. Có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. Quy cách: Hộp/12 x 5mL	Có thể sử dụng trên nhiều hệ thống xét nghiệm. Cung cấp dịch vụ ngoại kiểm trên trang web chính thức của hãng.
609	PP26 0008 2320	Nội kiểm miễn dịch mức 2	Hộp	Dạng đông khô. Thành phần 100% huyết thanh người. Đáp ứng tối thiểu 54 các thông số bao gồm các chất chỉ điểm ung thư trong xét nghiệm thường quy: AFP, CA15-3, CA19-9, CA-125, CEA, PSA, Free-PSA. Có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. Quy cách: Hộp/12 x 5mL	Có thể sử dụng trên nhiều hệ thống xét nghiệm. Cung cấp dịch vụ ngoại kiểm trên trang web chính thức của hãng.
610	PP26 0008 2321	Nội kiểm miễn dịch mức 3	Hộp	Dạng đông khô. Thành phần 100% huyết thanh người. Đáp ứng tối thiểu 54 các thông số bao gồm các chất chỉ điểm ung thư trong xét nghiệm thường quy: AFP, CA15-3, CA19-9, CA-125, CEA, PSA, Free-PSA. Có xuất xứ các nước G7 hoặc EU. Quy cách: Hộp/12 x 5mL	Có thể sử dụng trên nhiều hệ thống xét nghiệm. Cung cấp dịch vụ ngoại kiểm trên trang web chính thức của hãng.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật	Yêu cầu dịch vụ kèm theo (Nhà thầu nộp tài liệu chứng minh công suất TBYT dự kiến cho mượn)
611	PP26 0008 2322	Ống nghiệm chứa mẫu nước tiểu không nắp	Cái	Ống nghiệm có kích thước: 16 mm ($\pm 0,01\text{mm}$) x 100mm ($\pm 0,1\text{mm}$). Không nắp đáy.	
612	PP26 0008 2323	Nắp ống nghiệm chứa nước tiểu	Cái	Nắp đáy tương thích sử dụng cho ống nghiệm 16mm x100mm.	

* **Ghi chú:** Nhà thầu hỗ trợ ghi STT hàng hóa mời thầu vào trang đầu của từng tài liệu và **TÔ SÁNG (highlight)** lên thông tin dự thầu: chủng loại/mã sản phẩm, model, nội dung kỹ thuật,... trên các file tài liệu đính kèm như catalog, sổ lưu hành, ...

1.3. Các yêu cầu khác: Không có

Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ

Danh mục bản vẽ		
Bản vẽ số	Tên bản vẽ	Mục đích sử dụng
	“Không có bản vẽ”	

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm: Không yêu cầu.

CÔNG TY:
Mã định danh: vn.....

BẢNG THÔNG TIN HÀNG HOÁ DỰ THẦU *[nộp file excel]*

Gói thầu: “Gói 03: Hóa chất, vật tư xét nghiệm 2026-2027”

STT	Thông tin mời thầu				Thông tin dự thầu							
	STT phần lô/hạng mục	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Chủng loại (model) hoặc mã sản phẩm	Số lưu hành	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng, nước Chủ sở hữu	Đơn vị tính	Quy cách
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1												
2												
...												

Ghi chú:

- Các thông tin kê khai tại Bảng thông tin hàng hóa dự thầu phải trùng với thông tin nhà thầu kê khai tại Mẫu số 10B webform.
- Cột 6: Nhà thầu kê khai tên hàng hóa dự thầu trùng với tên hàng hóa dự thầu nhà thầu kê khai tại cột “Mặt hàng dự thầu” của Mẫu số 10B.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT

Gói thầu: “Gói 03: Hóa chất, vật tư xét nghiệm 2026-2027”

Kính gửi : BỆNH VIỆN NHÂN DÂN 115

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ mời thầu (E-HSMT) của gói thầu Gói 03: Hóa chất, vật tư xét nghiệm 2026-2027, thuộc dự toán Gói 03: Hóa chất, vật tư xét nghiệm 2026-2027, do Bệnh viện Nhân dân 115 làm Chủ đầu tư, chúng tôi.....*[ghi đầy đủ và chính xác tên của Nhà thầu]*, cam kết rằng tất cả các hàng hoá tham dự thầu của chúng tôi đều đáp ứng theo đúng các yêu cầu nêu trong E-HSMT. Cụ thể như sau:

1. Điều kiện lưu hành của thiết bị y tế (TBYT) dự thầu:

- Có nhãn với đầy đủ các thông tin theo quy định hiện hành của pháp luật về nhãn hàng hóa;
- Có tài liệu hướng dẫn sử dụng của TBYT bằng tiếng Việt;
- Có tài liệu thể hiện là TBYT sử dụng một lần theo quy định của chủ sở hữu TBYT hoặc có tài liệu chứng minh không có chế độ bảo hành.

2. Cam kết tổ chức cung cấp hàng hóa hợp lý, hiệu quả kinh tế, phù hợp với quy mô gói thầu.

3. Tiến độ cung cấp hàng hóa:

- Giao hàng gồm nhiều đợt theo yêu cầu của Bệnh viện;
- Giao hàng trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu giao hàng của Bệnh viện Nhân dân 115.

4. Cam kết các điều khoản chung:

4.1 Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Nhà thầu có giá bán cho Bệnh viện cao hơn giá trúng thầu của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác, (hàng hóa có cùng chủng loại, hãng sản xuất, nước sản xuất,...) thì Nhà thầu sẽ giảm giá cho Bệnh viện bằng với giá đang cung cấp nơi đó, đồng thời Nhà thầu hoàn trả cho Bệnh viện số tiền tương đương giá trị chênh lệch tương ứng với số lượng hàng hóa Bệnh viện đã sử dụng trước đó trên cơ sở thương thảo thống nhất giữa Nhà thầu và Bệnh viện; hoặc thị trường có sự điều chỉnh giảm thì Nhà thầu giảm giá cho Bệnh viện;

4.2 Tại thời điểm Bệnh viện công bố kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu hàng hóa cùng chủng loại, hãng sản xuất, nước sản xuất có giá trúng thầu tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác trên cùng địa bàn TP.Hồ Chí Minh thấp hơn giá trúng thầu của Nhà thầu (*thời gian tính từ đăng tải kế hoạch lựa chọn nhà thầu đến thời điểm công bố kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Gói 03: Hóa chất, vật tư xét nghiệm 2026-2027”*) thì Nhà thầu sẽ giảm giá trên cơ sở thương thảo thống nhất giữa Nhà thầu và Bệnh viện, mức giảm tối thiểu bằng với giá trúng thầu đó;

4.3 Cam kết cung cấp bản gốc hoặc bản sao y tờ khai hải quan nhập khẩu hàng hóa đã

cung ứng, thiết bị y tế cho mượn và các phụ kiện có liên quan khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của Bệnh viện (trường hợp yêu cầu này được đưa ra từ cơ quan chức năng có thẩm quyền);

4.4. Hàng hóa do nhà thầu cung cấp, đảm bảo đúng với các thông tin sản phẩm đã được phê duyệt trúng thầu, đảm bảo chất lượng, kỹ thuật, quy cách hàng hoá và giao hàng đến kho Vật tư tiêu hao – hóa chất của Bệnh viện Nhân dân 115;

4.5. Hàng hóa do nhà thầu cung cấp, nếu bị lỗi do nhà sản xuất hoặc hết thời hạn sử dụng hoặc bị lỗi trong quá trình vận chuyển đến kho Bệnh viện Nhân dân 115, nhà thầu sẽ tiến hành thu hồi và đổi trả, hoặc thực hiện thay thế lô sản phẩm khi không đảm bảo sử dụng do lỗi kỹ thuật;

4.6. Thời hạn sử dụng hàng hóa trúng thầu do nhà thầu cung cấp (tính từ thời điểm giao hàng hóa) luôn đảm bảo còn tối thiểu $\frac{1}{4}$ thời hạn;

4.7. Cung cấp một bộ Hồ sơ quản lý chất lượng TBYT khi có yêu cầu của Bệnh viện;

4.8. Các thiết bị y tế dự thầu thực hiện niêm yết giá và kê khai giá theo đúng các quy định tại khoản 9 và 10 của Nghị định 07/2023/NĐ-CP;

4.9. Không vi phạm về kết quả thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có), tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu;

4.10. Nếu trúng thầu hóa chất nhà thầu cam kết chịu trách nhiệm cung cấp TBYT có xuất xứ, công suất, cấu hình kỹ thuật của máy (phương pháp đo, cấu tạo, thành phần,...), khả năng kết nối, kết hợp, cung cấp sinh phẩm đúng theo nội dung yêu cầu được nêu tại “Yêu cầu dịch vụ kèm theo” B.2 Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật Chương V cho Bệnh viện Nhân dân 115 để sử dụng hóa chất, nhà thầu không chuyển giao quyền sở hữu, chỉ chuyển giao quyền sử dụng TBYT (cho mượn) trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng [*Áp dụng đối với các mặt hàng phải cung cấp TBYT (cho mượn) để sử dụng hóa chất, nếu không thuộc trường hợp này thì không bắt buộc phải cam kết*];

Nhà thầu cam kết chịu toàn bộ các chi phí để lắp đặt thiết bị, triển khai (bao gồm cả việc đào tạo, huấn luyện sử dụng thiết bị; chạy thử, căn chỉnh để thiết bị hoạt động đúng chuẩn của nhà sản xuất quy định) và duy trì tình trạng hoạt động ổn định của thiết bị trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng, nhà thầu chỉ thu hồi thiết bị khi Bệnh viện đã sử dụng hết khối lượng hóa chất, vật tư đi kèm được cung ứng theo hợp đồng ký kết [*Áp dụng đối với các mặt hàng phải cung cấp TBYT (cho mượn) để sử dụng hóa chất, nếu không thuộc trường hợp này thì không bắt buộc phải cam kết*].

Nhà thầu chịu trách nhiệm cung cấp: bàn đặt thiết bị phân tích có bề mặt chống thấm nước, vật liệu chống ăn mòn; bộ máy tính (CPU, bàn phím, chuột) đi kèm phục vụ cho thiết bị phân tích (nếu cần); UPS; bộ hóa chất – sinh phẩm – vật tư tiêu hao phục vụ cho giai đoạn tập huấn và chạy thử nghiệm lắp đặt - chạy xác nhận giá trị sử dụng đối với từng test xét nghiệm - phí chương trình ngoại kiểm trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng nếu thiết bị có thực hiện; các chứng nhận nguồn gốc (CO); chứng nhận chất lượng (CQ); chứng thư giám định về tình trạng thiết bị y tế cho mượn; có lịch bảo trì/bảo dưỡng hằng năm và thực hiện đúng lịch; hướng dẫn sử dụng thiết bị bằng tiếng Việt [*Áp dụng đối với các mặt hàng phải cung cấp TBYT (cho mượn) để sử dụng hóa chất, nếu không thuộc trường hợp này thì không bắt buộc phải cam kết*].

Nếu trúng thầu hóa chất, nhà thầu cung cấp dịch vụ kèm theo đúng theo yêu cầu được nêu tại “Yêu cầu dịch vụ kèm theo” _B.2 Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật_ Chương V *[Áp dụng đối với các mặt hàng không phải cung cấp TBYT để sử dụng hóa chất, nếu không thuộc trường hợp này thì không bắt buộc phải cam kết]*.

Chúng tôi *[ghi đầy đủ và chính xác tên của Nhà thầu]*, cam kết sẽ thực hiện đúng theo tất cả các cam kết nêu trên. Các tài liệu trong Hồ sơ dự thầu (E-HSDT) này đều chính xác, nếu có dấu hiệu gian lận hoặc không trung thực thì E-HSDT xem như không hợp lệ.

Chúng tôi cam kết sẽ chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác của tất cả các thông tin nêu trên./.

_____, ngày ____ tháng ____ năm 2026

Đại diện hợp pháp của Nhà thầu

(Ghi tên, chức danh, ký tên, đóng dấu (nếu ký số thì nộp bản gốc của văn bản có thể kiểm tra được chữ ký số, dấu điện tử (nếu có), theo quy định Nghị định 23/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025)

C/ HƯỚNG DẪN SẮP XẾP CÁC FOLDER ĐÍNH KÈM E-HSDT:

Các file dữ liệu của hàng hóa đính kèm E-HSDT phải được phân chia riêng biệt theo folder, bao gồm:

- +) folder 1: Tính hợp lệ; năng lực – kinh nghiệm
- +) folder 2: Kỹ thuật
- +) folder 3: Tài chính

trong mỗi folder tách riêng các folder con, các file tài liệu *(chi tiết theo cây thư mục dưới đây)*.

Ghi chú: Các biểu tượng trong cây thư mục



Màu vàng: folder



Màu xanh: file pdf *hoặc* file excel, ...

**** Nhà thầu hỗ trợ ghi STT hàng hóa mời thầu vào trang đầu của từng tài liệu và **TÔ SÁNG (highlight)** lên thông tin: chủng loại/mã sản phẩm, model, nội dung kỹ thuật,... trên các file tài liệu đính kèm như catalog, sổ lưu hành, ...

SẮP XẾP CÁC FOLDER, FILE trong HSDT:

